



*Khoa học thực nghiệm
và Y lý Cổ truyền —
Nhĩ châm liệu pháp.*



KIM DỊCH • TRẦN VĂN TÍCH •
NGUYỄN VĂN XUÂN • TRẦN NGỌC
NINH • TỪ MINH • NGÊ BÁ LÍ • MINH
ĐỨC HOÀI TRINH • MƯỜNG MÀN •
THU HIPPIY • HOÀNG LỘC • PHẠM CAO
HOÀNG • VÕ CHÀN CỬU • THU THỦY

G I A I P H Ẫ M

BACH KHOA

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẮT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG
MỘT NĂM

1.300đ.

2.500đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 360đ.

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 600đ

* Ngoại quốc đường hàng không, từ 6-8-73, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia : 35đ.

— Ai-lao : 50đ.

— Đông-Nam-Á (Hồng-kông,
Đài-loan, Thái-lan v.v...) : 100đ.

— Nhật-bản, Đại-hàn,
Ấn-độ, Hồi-quốc : 150đ.

— Âu-châu, Bắc Phi Trung

Đông. Đại-dương-châu Úc,

Tân-Tây-Lan v.v... : 275đ

— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại : 325đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	8000đ
1/2 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	4000đ

oOo

1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1500đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Bách Khoa, 160 Phan-Đình-Phùng Saigon.
Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

R :

KIM DỊCH <i>khoa-học thực-nghiệm và y-lý cổ-truyền</i>	05
TRẦN VĂN TÍCH <i>nhĩ châm liệu pháp</i>	15
NGUYỄN VĂN XUÂN <i>Từ «Tự phán» đến «Phan-Bội-Châu niên-biểu»</i>	25
TRẦN NGỌC NINH <i>sinh-mệnh-luận : những lí-thuyết về bản- ngã sau khi chết (Sống với ý-thức-hệ)</i>	33
TỪ MINH <i>tân chính thể Cộng hòa Hy-lạp</i>	41
NGÊ BÁ LÍ <i>đàm thoại với nhà văn Lương văn Lưu, tác giả bộ «Biên-Hòa sử lược toàn biên»</i>	49
MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH <i>lá thư nước ngoài</i>	55
THU HIPPIY <i>chuyện trong tháng</i>	59
MƯỜNG MÁN <i>công viên dạ khúc (truyện)</i>	65
HOÀNG LỘC <i>khi qua trường học cũ (thơ)</i>	74
PHẠM CAO HOÀNG <i>gã hàn sĩ ấy lại ra đi (thơ)</i>	75
VÕ CHÂN CỬU <i>đậm đậm mây trắng (thơ)</i>	75
SINH HOẠT	
THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	77
TỪ MINH <i>thời sự thể giới</i>	81
Họa sĩ VĂN-THANH <i>trình bày bìa (hình căn nhà cổ-truyền ở Bình-định)</i>	

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21 Nguyễn Thiện Thuật - Saigon
GIÁ : 120\$ Công sở : 240\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 15\$ mỗi số

Cùng quý vị độc giả Bách Khoa cư ngụ tại quốc ngoài

● Vì cước phí gửi đi nước ngoài mới tăng từ 6-8-1973 nên 2 số Bách Khoa P (395) và Q (396) trong tháng 8 vừa qua, cước phí mỗi số gửi đi các nước ngoài đã phải tăng lên như sau :

— Đường thủy gửi đi các nước ngoài trước đây mỗi số cước phí 20đ nay tăng lên 5đ nữa là 25đ.

— Đường hàng không gửi đi các nước ngoài :

	Mỗi số cước phí : cũ : mới	
Gửi đi Kampuchea	: 30đ	: 35đ
— Ai-lao	: 40đ	: 50đ
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 55đ	: 100đ
— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc	: 120đ	: 150đ
— Úc-châu, Tân-tây-lan	: 195đ	: 275đ
— Pháp	: 220đ	: 275đ
— Âu-châu (Đức, Ý, Anh v.v... Đại-dương-châu, Bắc-Phi...)	: 245đ	: 275đ
— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	: 270đ	: 325đ

Trân trọng xin quý vị độc giả Bách-Khoa tại nước ngoài vui lòng báo cho người nhà ở trong nước đóng thêm chỗ cước phí gia tăng như trên cho quản lý Bách Khoa để tiện gửi báo mỗi kỳ cho mau chóng.

● Xin quý vị độc giả Bách Khoa mua báo hoặc được biếu báo ở quốc ngoài, khi nhận được số báo này, cũng vui lòng gửi về Tòa soạn địa chỉ hiện tại, viết rõ ràng theo lối chữ in, để chúng tôi ghi địa chỉ của quý vị bằng ngoại-ngữ khỏi có sự sai lầm và khỏi bị thất lạc.

Xin trân trọng cảm ơn quý vị
Ban chủ trương BÁCH KHOA

Khoa-học Thực-nghiệm và Y-lý Cổ-truyền

« Pour perfectionner son esprit, il faut
moins apprendre que méditer ».

DESCARTES

Nếu có một nền y học tạo nhiều suy-tư thì nền y-học ấy chỉ có thể là Đông-Y. Và như vậy vì nhiều lý-do, nhưng có ít nhất là ba lý-do chủ-yếu. Thứ nhất, bởi khác với Tây-Y được kiến-trúc trên nền móng thực-nghiệm, chính bản-thân của Đông-Y đã thoát-thai từ dòng suy-tư liên-tục của con người. Như dòng suối phát-khởi từ nguồn. Như con sông xuất-sinh từ những dòng suối. Thứ hai, bởi vì Đông-Y là một khoa-học thiên về chủ-nghĩa tượng-trưng, tức là một thứ khuynh-hướng nghệ-thuật chủ-trương dùng những dấu-hiệu đặc-biệt để biểu-hiệu những điều bí-ẩn và/hoặc phức-tạp mà cảm-giác không thể nhận biết được và/hoặc ngôn-ngữ chưa thể diễn-đạt nổi. Như Hán-tự mà tính-cách tượng-hình, hội ý đã quá hiển-nhiên. Như nền cổ-y Ai-cập, mà chỉ riêng một từ « metou » đủ là đại-biểu cho toàn hệ-thống tuần-hoàn và luôn các ống bài-tiết.⁽¹⁾ Thứ ba và cuối cùng, bởi vì lẽ-lối lý-luận của Đông-Y dựa vào phương-pháp tỷ-giảo, luôn luôn so sánh tiểu vũ-trụ là nhân thể với đại vũ trụ là thiên-nhiên, để từ đấy rút tĩa ra những hệ-luận sinh-lý, bệnh-lý. Cho nên luận-cứ «mồ-hôi do huyết sinh ra» chẳng hạn là kết-quả của sự quan-sát hiện-tượng

« mây bốc lên thành mưa ».

Con người thuở ban-sơ sống rất gần-gũi với thiên-nhiên và bắt-buộc phải quan-chiêm vũ-trụ. Đối trước cái vô-cùng to lớn và cái vô-cùng phức-tạp của ngoại giới, hướng tư duy của con người hẳn-nhiên phải quy dẫn về một nhận-xét rõ-rệt : chung quanh mình mọi vật đều thay đổi, đều biến-thiên. Vậy con người lẽ nào đi ngược lại qui-luật ấy ? Cho nên ta hiểu vì sao y-lý Đông-Phương đã thoát thai từ Dịch : âm dương, ngũ hành, bát quái, thiên can, địa chi đã in dấu ấn rất đậm nét lên hệ-thống và lẽ-lối lý-luận của Đông-y. Mặt khác, Đông-Y diễn-đạt những luận-cứ của mình, trình bày các ý-niệm của mình bằng biểu-tượng. Đây là một nền khoa-học của biểu-hiệu, tượng-trưng, phù-hiệu, tiêu-biểu, ít nhất thì cũng là ở buổi khởi nguyên. Những lý-thuyết âm dương, ngũ hành đều gói-ghém một nội-dung tượng-trưng rất hàm-súc. Thành ra học Đông-y bắt buộc phải suy-nghĩ, phải nghiền-ngẫm.

Âm không phải hàm ý giản-dị là đêm, dương chẳng hề tương

(1) A.P. Leca : La médecine égyptienne au temps des pharaons. Roger Dacosta Editeurs. Paris 1971. p. 163.

đương đơn-thuần với ngày. Trái lại, lý-luận âm dương là một cách diễn-đạt tư-tưởng của cổ nhân và qua lý-luận ấy, người xưa chỉ muốn gửi lại cho chúng ta một thông-diệp khoa-học và chính xác về tính cách mâu thuẫn nhưng thống-nhất, đối-lập nhưng bổ-túc, vốn là tính-cách đặc-trưng và hằng-cửu của sự sống. Theo khoa-học của thế kỷ hai mươi, sự sống là gì nếu không phải là một tình-trạng quân-bình đặc-biệt giữa một bên là sự hấp-thụ thực phẩm, dưỡng-khí để xây-dựng cơ-thể-tức là dương-và một bên là sự hủy-diệt, thải-trừ để bảo-toàn cơ-thể-tức là âm-? Sự sống liệu có nghĩa gì nữa không nếu không còn sự cân-bằng giữa hai yếu-tố tâm-linh và thể-xác, giữa sự suy-tư và sự hoạt-động, giữa đời sống nội-tâm và sự tiếp-xúc với ngoại-giới? Hai khía cạnh ấy của sự sống, một bên là *Psyche*, một bên là *Soma*, cũng chỉ là âm với dương Thử chiều lòng Tây-Y mà đi theo con đường phân-tích (con đường ấy, Tây Y đang biến thành con đường một chiều mà, do một sự trớ-trêu của định mệnh (!) thủ-đô chúng ta, ở cuối đường là... Viện Pasteur !) thì ta cũng thấy rằng quy-luật âm dương đối-đãi của người xưa đang được biểu-thị hùng-hồn trong những quan-niệm tân-tiến nhất của khoa-học kỷ-nguyên nguyên-tử. Antigen-antibody là gì nếu không là âm dương? Trên đây vài dòng, chúng tôi có nói đến tính-cách đối-lập nhưng bổ-túc của âm dương. Một trong những thể-loại phản-ứng miễn-nhiễm-học mang danh-xưng fixation

du complément là một danh-xưng rất ý-nghĩa. Vui chân lạc lối qua khoa phôi-sinh-học, các môn-đệ khoa-học ngày nay được giảng dạy rằng thai-nhi trong lòng mẹ đã trải qua tất-cả những giai-đoạn hình-thành của động-vật, biến-thiên liên-tục, từ giai-đoạn những động-vật hạ-đẳng đến giai-đoạn những động-vật thượng-đẳng trước khi thành hình thai-nhi. Ta cũng lại biết rằng con người thực ra không phải là một mà là hai : một nửa người phải và một nửa người trái, hai nửa người ấy — tức là âm với dương — do một trình-tự biến-hóa phức-tạp và dài-dặc — tức là dịch — để đi đến giai-đoạn cuối cùng là cơ-thể đũa trẻ lúc chào đời. Cái quan-niệm ấy — quan-niệm les demi-homme gauche et demi-homme droit — ta thấy rõ nhất ở vùng huyết Nhân-trung (cái tên thực vô-cùng gợi-ý), ở vùng cằm và vùng hội-âm (cái tên này thì ít gợi ý nhưng gợi nguồn nhiều, vì nó là danh từ Đông-Y chính-hiệu). Tại các vùng này, có những đường rãnh : một đường rãnh chạy từ mũi đến môi trên, một đường rãnh ở cằm — rất rõ trên nét mặt tài-tử Kirk Douglas vì nó khoét sâu xuống thành một cái hố nhỏ — và một đường vá nổi ở vùng cơ-quan sinh-dục. một đường nổi không khác gì một cái « phéc-mo-tuya ». Thành ra con người, qua phôi-sinh-học và hình-thể-học, tuy là một nhưng là hai, tuy nhị nguyên nhưng thống-nhất, dẫu có âm dương nhưng bổ-túc tương liên. Và lại, xét chủ-thuyết âm dương một cách thự

đơn-giản, ta cũng thấy rằng nó không hề mâu thuẫn với khoa-học của thế-kỷ chúng ta đang sống. Ngược lại đây còn là một lập-luận rất tiến-bộ. Những công-trình khảo-cứu mới-mẻ nhất chẳng chứng-minh rằng đời sống dường như khởi-diễn từ sự phân-cực của các trung-thể (centrosomes) trong tế-bào là gì? Vậy thì, nếu sự sống gắn-bó chặt-chẽ với hiện tượng phân-cực — polarisation — ở đẳng-cấp hiển-vi, tại sao lại không thể có một sự kiện tương-tự ở đẳng cấp nhân thể?

Tính-cách biểu-tượng của Đông-Y còn rõ nét hơn nữa xuyên qua hệ thống lý-luận ngũ hành. Năm hành của Đông-Y không hề là năm yếu tố vô-tri vô-giác, không hề là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ hiểu theo nghĩa hai khoa lý hóa của thời đại chúng ta. Cho nên tìm cách chứng-minh rằng kim thực sự có sinh ra thủy bằng cách lý-luận đốt kim loại thì kim-loại chảy ra nước là một bước suy-tư hơi hợt, ấu-trĩ. Cũng như nghĩ tưởng rằng thuyết âm dương chỉ cắt nghĩa được mỗi một sự kiện trong cơ-thể con người có hai hệ-thống thần-kinh giao-cảm và đối giao cảm là một luận-cứ vừa chủ-quan vừa nông-cạn. Cũng như âm dương là biểu-tượng cho tính-cách cấu-trúc cực-kỳ phức-tạp của chất sống, ngũ hành là biểu-tượng cho tính-cách biến dịch của nội-môi. Nếu có một kích-thích-tổ a thì phải có một kích-thích-tổ a' kèm chế, kiểm-soát. Nếu có một hóa-chất làm nở mạch thì phải có một hóa-chất làm co mạch. Nằm bên cạnh

những cấu-trúc thần-kinh khuếch-đại là những tổ chức thần-kinh trở-chỉ. Đã có insulin khiến hạ đường-huyết thì phải có glucagon làm tăng đường-huyết. Đã có enzyme hẳn phải có antienzyme. Đã có codon thì phải có anti-codon. Đã có stimulation ắt phải có feedback. Phức tạp hơn nữa, đã có antigen thì phải có antibody, đã có antibody ắt phải có antiantibody. Đây là sinh khắc, đây là thừa vũ, đây là chế-tiết theo thuyết ngũ hành. Đây là «...thừa nãi chế, chế tắc sinh hóa» : có sự thừa-tiếp thì mới có sự khắc-chế, có sự khắc-chế thì mới có sự sinh hóa.

Thực ra thì lỗi sử-dụng biểu tượng ấy không phải chỉ thuộc phạm-vi thái-ấp của Đông-Y, trái lại, nó thấm nhuần sâu-xa vào văn hóa và văn-chương chịu ảnh hưởng Trung-Hoa. Nguyễn-Du chẳng hạn là thi hào rất thiện - dụng biểu tượng : đứng trước một tình cảnh, một phong cảnh, Tố-Như chỉ dựa vào nghệ-cảm sắc bén của mình để tìm lấy vài điểm tựa làm ước-lệ, rút ra vài chi-tiết có tính-cách tiêu-biểu. Khi «...giếng vàng đã rụng một vài lá ngô» là thu đã đến, với thu-hứng, thu-tĩnh, thu-cảm rào-rạt, mênh-mang.. (Còn như đã không nghĩ đến thu mà lại định-nhìn lá ngô là lá... bắp thì miễn bàn). Những bức tranh cơ-thể-học của Đông-Y cũng vậy, không phải là những bức ảnh chụp, mà chỉ là những bức tranh thủy-mạc. Đừng nhọc lòng đi tìm chi-tiết trong những bức tranh ấy, chớ mất công đòi-hỏi các dữ-kiện tỉ-mỉ, vụn-vặt.

Cho nên lý-thuyết âm dương quân bình, ngũ hành sinh khắc phải được hiểu theo một nhãn-quan thực sinh-động, thực linh hoạt. Tình - trạng quân-bình nội-thể mà Đông-Y mô-tả không phải là một tình-trạng quân-bình đạt được theo nghĩa thuần vật-lý, như khi đặt lên hai bàn cân hai trọng-lượng bằng nhau! Bởi vì đây chỉ là một tình trạng quân-bình tĩnh, tức là quân-bình chết. Quân-bình theo tiền-nhân chúng ta quan niệm là quân-bình động, quân-bình sống: đây là quân-bình của nhà ảo thuật di chuyển trên sợi dây căng thẳng.

Trong bài này, có những phần chứng minh rằng một số tri-thức của y-lý Đông-phương đã được Tây-Y xác-nhận là đúng. Những sự trùng hợp ấy không thể là ngẫu-nhiên. Nhưng vấn đề hân phải đặt ra sẽ là một câu hỏi: làm sao Đông-Y của Hoàng Đế Kỳ-Bá, trong những điều kiện xã hội nguyên-thủy, lại có thể đề xướng những lập-luận mà khoa học cận đại và hiện đại, với tất cả những kỹ-thuật tân kỳ, mới hoặc chỉ mới biết được? Người viết cũng đã từng nêu điều thắc mắc ấy cùng một vị bác-sĩ rất nặng tình với y-lý Đông-phương và đã từng diễn-thuyết về khoa-học cồ-diễn. Vị đồng nghiệp Tây-Y đã trả lời cho người hỏi rằng đây là nhờ tuệ trí của tiền-nhân chúng ta. Thú thật kẻ được giải-đáp không linh-hội được gì qua lời lý-giải ấy. Hơn nữa, còn có phần ngạc-nhiên vì một nhà khoa học lại trả lời một cách... không mấy khoa-học như vậy! Có lẽ câu giải đáp có thể diễn-dịch từ lẽ lối lý-luận của Đông-

Y, vốn dựa vào phương-pháp loại suy. Vì thấy rằng vũ-trụ vận-hành, thời tiết thay đổi, cho nên người xưa cũng suy ra trong cơ thể phải có sự luân-chuyển, biến-thiên. Vì thấy cây cỏ chỉ phát triển vào một số mùa tiết trong năm, nên tiền-nhân kết-luận tạng phủ cũng phải có một số giờ, số tháng thích-hợp. Vì thấy mây bốc lên thành mưa dưới ảnh-hưởng của gió, rét nên tổ-tiên chúng ta diễn dịch ra rằng mồ hôi là do huyết bốc mà thành, dưới ảnh-hưởng của nguyên khí nội-lực. Nếu bến nước Tầm Dương chỉ gọi cho thi nhân những sầu đau tê tái, thì mực nước lên xuống hằng ngày của bến ấy, sông ấy phải gây cho người y-sĩ phương Đông một cảm nghĩ trực-quan rằng khí huyết nội-thân cũng phải thăng giáng, với đây...

Cũng như con người, từ những thiên-thể vĩ-dại lơ-lững trong không gian cho đến những vi-thể tổ-thành của nguyên-tử, luôn luôn ta thấy có sự chuyển-động, sự biến-dịch. Mà sự chuyển-động ấy không hỗn loạn, không lộn xộn, trái lại, đây là một chuyển-động có tiết điệu, điều hòa. Đây vẫn là Dịch của Á-Đông, đây vẫn chỉ là âm dương của Thái-cực. Nhưng đây cũng là một trong những nguyên lý của Hermès trong nền văn minh La mã cồ-thời: "Tất cả đều rung động, không có gì đứng yên, mọi vật đều rung, mọi vật đều là nhị nguyên, mọi vật đều có hai diện, mọi vật đều có hai cực".

Đời sống trên mặt địa cầu, dầu là ở động vật hay thực vật, cũng luôn luôn biến thiên, cũng không ngừng chuyển dịch và nhất là cũng thăng

trăm với thời gian. Chúng ta chịu ảnh-hưởng của ngoại-giới, nên, cùng với thiên nhiên, con người trải qua những giai-đoạn táo khô và ẩm ướt, những thời tiết nóng bức và lạnh lẽo, những thời gian mà ta gọi là ngày và đêm.

Trong những thập niên gần đây, khoa-học dạy cho chúng ta rằng những phần tử tổ-thành Thái dương hệ đều chịu những định-luật tuần-hoàn, bởi lẽ trái đất, mặt trăng, mặt trời cùng các tinh-cầu đều hỗ-tương ảnh hưởng lẫn nhau, theo những quy-tắc bất di bất dịch thuộc trọng-lượng, bức xạ v.v.. Cho nên, tất cả những thay đổi trong chu-kỳ vật-lý, địa-dur hay chu-kỳ nhật nguyệt đều ảnh hưởng không nhiều thì ít đến sự sống của các sinh-vật, thực-vật trên trái đất.

Con người không thể thoát khỏi thông-lệ ấy. Các ý-niệm về chu-kỳ ngày đêm, chu-kỳ thức ngủ, chu-kỳ lao động nghỉ ngơi là những đề-tài mà giới nghiên-cứ khoa-học đã khảo-sát nhiều và sâu trong thời gian gần đây, nhất là qua chương trình y-học không gian.

Từ 1964, những chu kỳ ấy, mà F. Halberg (1) gọi là circadian cycles (do chữ *circum dies*, nghĩa là trong vòng một ngày) đã và đang được những Apollo, Luna, Skylab thường xuyên khảo sát. Tính từ circadian được từ-điền y-khoa Dorland định nghĩa như sau «... Applied especially to the rhythmic repetition of certain phenomena in living organisms at about the same time each day». (2) Từ đây, khai-

sinh ra những quan niệm như «đồng-hồ sinh-lý», «đồng-hồ sống», nhằm mô-tả sự hoạt-động nhịp-nhàng và nhất là có tính-cách tuần-hoàn của môi-trường nội-thể, và những hiện tượng sinh-lý chính-thường ấy được giới sinh-vật-học gọi gộp chung là cyclostasis. Danh-từ thuật-ngữ y-khoa này do hai tiếng Hy-lạp *kyklos* (vòng tròn) và *stasis* (bất-động) tạo thành, có nghĩa là sự ổn-định mang tính cách chu-kỳ. Rồi từ đây, xuất hiện những danh-từ và môn học chuyên biệt rất mới mẻ và tiến bộ như acrophase, biorhythmology, chronobiology v.v... (3)

Vậy là phải chờ đến những năm cuối cùng của thế-kỷ hai mươi, y-học Tây-phương mới làm được lễ đặt tên cho một số hiện tượng xảy ra ở những sinh-vật, theo một thời khắc biểu gần như nhất-định, từ ngày này qua ngày khác hoặc từ mùa này qua mùa khác. Nhưng những ý niệm ấy Đông-Y đã biết cách đây những bốn, năm thiên niên kỷ rồi. Vòng luân lưu của những thay đổi trong cơ thể con người là một thứ vòng kín, một thể loại «closed chain», một hình thức

(1) F. Halberg : Physiological problems in space exploration. J.P. Hardy Editor. Thomas Springfield, Illinois, USA. 1964.

(2) Những chữ nghiêng là do người viết nhấn mạnh.

(3) M. Smolensky, F. Halberg and F. Sargent, II : Chronobiology of the life sequence, in *Advances in Climatic Physiology*. S. Itoh, K. Ogata and H. Yoshimura, Igaku Shoin Ltd, Tokyo, 1972, p. 281-318.

«hoàn vô đoan», nếu muốn dùng chữ của Nội-kinh (1)

Theo Trung-Y, sự sống tồn tại trong cơ thể gắn liền với sự trao đổi liên tục giữa Trên và Dưới, giữa Đầy và Vơi, giữa Nóng và Lạnh, giữa Khô và Ẩm. Sự lưu thông ấy của khí huyết—tức là của energy, hay đúng hơn, của bioenergy—Đông-Y gọi là khai hợp, là vận hành. Đây chính là biểu-tượng tương-đương với những dữ kiện thuộc khoa cybernétique áp dụng vào y-học hiện đại. Khí huyết chuyển-dịch liên-miên, mang sinh lực đến cho các tạng phủ, đi từ tạng này đến tạng nọ, từ phủ này đến phủ khác, từ tạng nọ qua phủ kia theo một vòng kín, và mỗi ngày, khi một tạng phủ lại tuần tự vượng lên trong hai giờ (theo lối tính giờ của chúng ta ngày nay vì mỗi giờ ngày xưa bằng hai giờ hiện đại). Đông-Y lập luận rằng trong thời gian một ngày và một đêm thì mỗi tạng tượng trong cơ thể hoạt động mạnh-mẽ nhất vào một giờ nhất định nào đấy. Giới Đông y-sĩ chúng tôi

thường diễn-tả ý-niệm ấy bằng mệnh đề « khí vượng ». Chẳng hạn nói : can khí vượng vào giờ sửu, tâm khí vượng vào giờ ngọ, thận khí vượng vào giờ dậu v.v... Lý-luận ấy, về đại thể, đã được Tây-Y chứng-minh qua các khoa biorhythmology, chronobiology mà chúng ta có thể tạm dịch là sinh-hoàn-học, thời-sinh-học. Riêng từ acrophase, chỉ mới xuất-hiện trong vòng vài năm trở lại đây, mang tiếp đầu ngữ acro, do gốc Hy-Lạp *akros* nghĩa là cực, có lẽ là từ thích đáng nhất để diễn-dịch ý-niệm khí vượng của Đông-Y : can khí vượng chẳng hạn có thể dịch là acrophase hépatique.

Chúng ta sẽ thấy rằng về chi tiết, Tây-Y cũng tiếp sức biện-giải cho Đông-Y rất nhiều và rất rõ...

... 2

KIM DỊCH

(1) Nội kinh, thiên Nguyên-ký Đại-luận : «Thiên hữu ngũ hành dĩ sinh hàn thổ táo thấp phong ; ngũ khí vận hành như hoàn vô đoan».

TIN MỪNG

Được tin Bà Quả phụ NGHIÊM VĂN TRUNG, ở 544E Nguyễn-Huỳnh-Đức Gia-Định, đã làm lễ thành hôn cho Trưởng nam là **NGHIÊM DOÃN MINH** cùng Cô **NGUYỄN THỊ TRỌN**, và hôn lễ được cử hành tại nhà thờ Phaolo An-xuyên hồi 07 giờ ngày 4-9-1973.

Xin trân trọng mừng Bà Nghiêm Văn Trung và thành thực chúc Chúc rề, Cô dâu trăm năm hạnh phúc.

Ông Bà Nghiêm Sỹ Phụng, Ông Bà Nguyễn Văn Khánh,
Cô Nghiêm Nhật Hiền, Ông Bà Lê Ngộ Châu

Nhĩ-châm liệu-pháp

Trên số Bách-Khoa ra ngày 15-4-73, chúng tôi có đề-cập đến phép châm-cứu ở vành tai. Bốn tháng qua, đã có nhiều sự kiện mới xảy ra trong lĩnh-vực châm thuật.

Trước hết và ý-nghĩa nhất có lẽ là nguồn tin châm-khoa đã chính-thức được giảng-dạy ở Đại-Học-Đường Turin, Ý-dại-lợi. Giáo-sư Ciocatto, Giám-Đốc Viện Gây Mê và Hồi Sức thuộc Y-khoa Đại-Học-Đường Turin, được giới nghiên-cứu biết đến nhiều qua những công-trình về tê-mê, là một nhân-vật có tư-tưởng tiến-bộ và có đầu óc phóng khoáng, sẵn-sàng lắng nghe những vấn-đề y-học và trị-liệu vượt ra ngoài khuôn-khổ kinh-điển. Giáo-sư đã thành-công trong ý hướng đưa châm-khoa vào môi-trường Đại-Học đồng thời với sự thiết-lập một giảng-tòa châm-thuật ở Y-khoa Đại-học-đường Turin.

Mặt khác, song song với hoạt-động càng ngày càng tích-cực của Hiệp-Hội Châm-Thuật Anh, Pháp, Đức, Ý — đề chỉ kể các quốc-gia tự-do Âu-Châu — Hiệp-Hội Châm-Y Tây-Ban-Nha cũng tổ-chức khóa thứ III Châm-khoa dành cho các y-sĩ tê mê và nha-sĩ, tại Y-khoa Đại-học-đường Madrid, dưới sự bảo-trợ của Giáo-sư Amigo Velenzuela, phụ-trách giảng-tòa Hồi-sức. Điều-hành khóa học là nữ Bác-sĩ E.A. Simo, với sự cộng-tác của một số bác-sĩ Nhật-bản, Pháp và Uruguay. Trong một buổi học, B.s. Manaka (Nhật-bản) đã biểu-diễn gây tê đề nhờ răng. Mặc dầu không-khí giảng-đường không thích-hợp chút nào, diễn-giả kiêm «diễn-gia» cũng đã thành-công mỹ-mãn.

Trên lục-địa Mỹ, giới châm-y đã chính-thức xuất-bản một tạp-chí châm-khoa, tờ *American Journal of Acupuncture*, mà số đầu tiên chào đời vào cuối tháng 3 năm 1973.

Trong lĩnh-vực ứng-dụng, đã có những thành quả rõ-rệt do y-giới Mỹ đạt được trong một số trường-hợp (1) như sinh-thiết ngực, cắt bỏ hạ chi, lấy sạn ra khỏi bàng-quang ở White Memorial Medical Center, dưới ảnh-hưởng gây tê của châm-khoa. Một vài bệnh-nhân bị điếc cũng được kim vàng kim bạc trả lại thính-giác. Một số tổ-chức bảo-hiểm xã-hội đã ghi thêm châm-thuật vào danh-mục các tác-vụ y-khoa. National Institute of Health, American Medical Assn. và American Dental Assn. đều đặc-biệt lưu-tâm đến châm khoa.

(1) H. Nelson.— Acupuncture : Mumbo Jumbo or Science ? *The Pacific Stars and Stripes*, 11-7-73.

Ở California, cũng như ở hầu hết các tiểu-bang, mọi y-sĩ được hợp-thức-hóa đều được phép tiến-hành châm-thuật. Thống-đốc Ronald Reagan mới đây đã phủ-quyết một đạo luật cho phép những châm-y không phải là bác-sĩ y-khoa hành nghề ở ngoài phạm-vi các trường Đại-học Y-khoa. Nhưng ở Nevada, luật-pháp lại cho phép tình-trạng vừa kể. Ở Southern California, con số bác-sĩ châm-y được ước-tính từ 75 đến 100 người. (1)

Ở Việt Nam, ngoài những tin tức liên hệ đến giới châm y mà người viết tuy biết nhưng chưa tiện phổ biến, chúng ta ghi nhận một nguồn tin đáng đề ý : theo nhật-báo Chính Luận, Đại tướng Tổng Tham mưu trưởng QLVNCH đã lên đường qua Đài loan để chữa bệnh bằng châm thuật. Thực ra thì người viết bài này còn biết nhiều nhân vật lớn trong chính quyền cũng rất ái mộ châm khoa, nhưng không tiện ghi thêm chi tiết.

Giờ xin trở lại với nhĩ châm liệu pháp.

oOo

Nhĩ châm liệu pháp là một bộ môn của châm-khoa, gồm nhĩ chần và nhĩ trị. *Nhĩ trị* là phương-pháp dùng sự kích-thích phản-xạ loa tai để chữa trị một số bệnh-tật. Đi kèm nhĩ trị là *nhĩ chần*, tức là biện-pháp phát-giác các hỗn-loạn cơ-năng hoặc tạng phủ bằng vào sự quan-sát những biến thiên bất-thường trên loa tai. Vì sự kích-thích loa tai thời nguyên thủy được tiến-hành do cách châm kim nên nhĩ trị cũng được y giới Trung Hoa gọi là *Nhĩ châm liệu pháp*. Và vì hiệu lực của liệu-pháp này rất mạnh-mẽ nhanh-chóng, tác-dụng điều-trị như thần nên Trung-Y cũng gọi là *Nhĩ đề thần-châm*.

Chưa có tài liệu nào xác-định minh bạch thời-đại nhĩ trị ra đời, và người ta cũng không biết rõ dân tộc nào đã khai sinh phương-pháp trị-liệu độc đáo ấy : trong ba nền

văn-minh lớn Hòa-Hán, Ai-Cập và Ba-Tư, nền văn-minh nào đã tìm ra nhĩ-châm thì hiện nay khoa y-sử-học vẫn chưa giải-đáp được.

Theo nhà Ai-cập-học A. Varille, thời thượng-cổ, phụ-nữ Ai-cập nếu không muốn có con nữa thì cho người chích lều vào tai.

Bộ y-thư đầu tiên của nhân-loại đề-cập đến nhĩ trị là bộ *Linh-khu* hay *Châm-kinh* của Trung-hoa (475-221) với những câu bất hủ : nhĩ vi tổng mạch chi sở tự ; nhĩ giả thận chi quan ; tại tạng vi thận, tại khiếu vi nhĩ v.v...

Hippocrate (460-375), y-tổ thế-giới, trong cuốn *Des airs, des eaux*

(1) Trần-văn-Tích. Nhân đọc tạp chí châm khoa Hoa-kỳ. Tập San Minh Đức. Số 7. Tháng 8-9 1973.

et de lieux, cho biết các sắc dân Scythes thường dùng biện-pháp tá huyết tai ngoài để chữa trị chứng bất lực. Trong bộ *Des épidémies*, y-tô cũng khuyên cắt-xẻ các tĩnh-mạch sau tai để chữa các ca viêm sung hạ chi.

Người Trung y-sĩ đầu tiên áp dụng nhi trị có lẽ là *Biên-Thước* (407-310), sống vào thời Xuân-Thu Chiến-Quốc. Họ Tẩn tên Việt-Nhân, quê ở Hà-Bắc, *Biên-Thước* chủ-trương cứu đốt ở tai ngoài để chữa-trị mắt đục bằng cách sử-dụng vùng tương ứng với đỉnh tai khi gấp tai lại làm đôi. Họ Tẩn còn lưu danh hậu-thế nhờ sử-dụng « tróc châm » để cải tử hồi sinh cho Thái-tử nước Quốc Đại danh-y đã châm tai trái vị Thái-tử ba lần, tai phải ba lần, và con bệnh, tuy hôn-mê nhưng chưa chết hẳn, đã tỉnh !

Dioscoride, Người Hy-lạp, năm 77 sau Công-nguyên, cho xuất-bản cuốn *de Materia Medica* thu góp những kinh-nghiệm rã-rác qua các cuộc du-lich ở Ai-cập, Phi-châu, Y-pha-nho, Ý-đại-lợi. *Dioscoride*, theo sách này, đã dùng vỏ rắn nấu với rượu để chữa các bệnh ở tai.

Đời Tam-Quốc, *Hoàng-phủ-Mật* (215-282) viết *Châm-cứu giáp-ất kinh*, đề cập đến hai mươi huyết-vị ở phía trước và phía sau tai, với một huyết vị ở giữa loa tai. Tuy nhiên theo giới nghiên cứu Trung-y, huyết-vị sau này có lẽ không phải do *Hoàng-thị* phát-giác, mà đã được hậu thế ghi thêm vào châm cứu giáp ất kinh trong những lần tái-

bản, có lẽ vào khoảng đời Đường (618-907) và rút ra từ bộ *Ngoại đại bí yếu* của *Vương Đào* (675-755).

Đời Tấn, *Cát-Hồng* (281-340) soạn cuốn *Trừu-hậu-phương*, một cuốn sách y-lý phổ-thông gồm nhiều bài thuốc đơn-giản và một số bệnh cấp-cứu. Theo tài-liệu này, sự kích thích nhi-bộ trong một số trường-hợp có thể cứu sống những bệnh-nhân bất-tình. Cũng chính *Cát-Hồng* đã khai-sinh ra liệu-pháp thổi hơi hoặc thuốc bột vào tai để trị bệnh, hiện nay vẫn còn đặc dụng trong Đông-y.

Người Nhật hình như cũng biết phép đốt ở tai rất sớm, nhưng không rõ họ đã học-hỏi liệu-pháp này ở người Trung-Hoa hay người Ba-Tư.

Tôn-tư-Mạo (581-682) đời Đường trong cuốn *Thiên kim dược phương* đề-cập đến biện-pháp dùng ngải cứu để cứu huyết « Dương duy » ở sau tai trong điều-trị các chứng điếc hoặc ù tai do phong gió gây ra.

Dương-tồn-Chi, dưới triều vua Đường - huyền - Tông (713 - 741) khuyên dùng xa thoái nhét vào tai để trị chứng sốt rét (trị ngược phương).

Đời Minh, *Dương kế Châu* trong *Châm cứu đại thành*, mô tả phương pháp dùng mỗi ngải để cứu huyết « Nhĩ tiêm » hầu chữa trị bệnh mắt có màng.

Cũng đời Minh, *Lý thời Trân* (1518-1593), trong *Bản thảo cương mục* bộ *Dược liệu* học được toàn thể

giới biết tiếng, cũng ghi lại bài thuốc của Dương tòn Chi.

Fabricius ở Hilden (1560-1634) kể truyện một em bé gái bị viên bi thủy tinh kẹt cứng ở lỗ tai ngoài. Đứa nhỏ bị đau tức vùng ngực, vùng hông và nhị chi cùng phía, tê nhứt nhứt là ở thượng chi kèm theo ho từng cơn và kinh giản. Khi y-sĩ lấy ngoại vật ra khỏi tai, bé bình phục hoàn toàn.

Lazare Rivière (1589-1655) khuyên dùng một miếng gòn tẩm dầu hạnh nhân đắp đắp lên phía sau lỗ tai ngoài để chữa các chứng đau răng dữ dội. Tác giả này lập luận rằng các tĩnh mạch nuôi dưỡng răng đi qua tai, và vì vậy, y-sĩ có thể dùng thuốc đắp lên lộ trình những mạch máu liên hệ để làm giảm đau.

Năm 1637 một y-sĩ Bồ-đào-nha, *Zacutus Lusitanus*, trong cuốn sách mang đầu đề rất kêu *Zacuti Lusitani praxis medica admiranda*, mô tả thủ thuật cứu đốt tai ngoài để trị liệu chứng đau thần kinh tọa.

Antonio Maria Valsalva (1666-1723), nhà cơ thể học lừng danh Ý-đại-lợi năm 1717 trong tác phẩm *De Aure Humana tractatus*, minh định vùng tai được đốt trong các trường hợp đau răng. Vùng ấy nằm « *tergo Antitragi, et quidem per transversum Auriculæ...* » (1)

Đời Thanh (1644-1911) Ngô-thượng-Xuyên dùng hai vị thuốc Bán-hạ và Xà-thoái nhét vào hai lỗ tai để trị sốt rét và các chứng-trạng thiếu-dương. Ngô Khiêm trong bộ *Y-tông*

Kim-giám (1739) do các Thái-y Thanh-triều hợp soạn, cũng đề cập đến các liên hệ sinh-bệnh-lý giữa tai ngoài và các thành phần khác trong cơ thể.

Xuyên qua những sách báo y khoa phương Tây, nhất là căn cứ vào các công trình khảo cứu liên hệ đến những chứng trạng mà y giới đương thời gọi là « các chứng giao cảm » (« *sympathies* »), vào cuối thế kỷ thứ XVIII bước qua đầu thế kỷ thứ XIX ta còn có thể kể đến những cây bút *John Hunter* (1728-1793) *Paul-Joseph-Barthez* (1734-1806), *Philibert Roux* (1780-1854) một thân hữu của *Bichat*. Tất cả những tác giả này đều quan niệm rằng tai ngoài là một vùng sinh phản xạ (*zone réflexogène*) và bằng cách tác dụng lên vùng ấy, ta có thể hoặc là gây đau đớn ở những nơi xa xôi trên cơ thể, hoặc ngược lại làm dịu những chứng đau xảy ra tại những vùng hoàn toàn ở ngoài tai.

Vào thế kỷ thứ XIX, vấn đề kích thích loa tai để giảm thống trong các chứng đau thần kinh mặt vẫn còn được tiếp tục, nhưng chủ yếu y giới áp dụng trị pháp này vào các ca đau thần kinh tọa. *Joseph F. Malgaigne* (1806-1865) cũng dùng nhĩ pháp trong bệnh viện Saint Louis ở Ba lê, và đã đi đến những kết luận khả quan. *Duchenne de Boulogne* (1806-1875), năm 1855, trong tác phẩm « *Électrisation localisée* » trang 899, cũng đề cập đến liệu pháp kích thích loa

(1) « Sau đối-nhi-bình, và xuyên ngang tai... ».

tai, mà tác giả này cho là bắt nguồn từ khoa thú y.

Năm 1810, giáo sư *Ignaz Colla* ở *Parme* báo cáo trường hợp một người đàn ông sau khi bị ong đốt ở vành tai không đi được trong một thời gian ngắn. Tác giả cũng tường trình những thành quả thu đạt được do một đồng nghiệp thủ thuật viên, *Cecconi*, khi đốt vùng sau tai để trị đau thần kinh tọa.

Năm 1850, bác sĩ *Rulker* ở *Cincinnati* ghi nhận kết quả giảm đau tốt thuộc địa khu tọa do đốt vùng vành tai. Cũng năm ấy tờ *Journal des Connaissances Médico Chirurgicales*, số 9, ngày 1.5.1850, đăng tải một loạt bệnh án và tài liệu của bác sĩ *Lucciani* ở *Bastia*, liên hệ đến nhĩ trị. Loạt bài này là khởi điểm của nhiều công trình biên khảo ở Pháp và ở ngoại quốc.

Trong thời hiện đại những luận cứ ấy gần như đi vào quên lãng dẫu rằng y giới ngày nay vẫn nhớ có thể làm ngưng cơn suyễn bằng cách phun một tia *chlorure d'éthyle* vào lỗ tai ngoài. Cho đến tháng 9.1956 *Trung cấp y san* đăng tin viện Vệ sinh huyện Lai Tây tỉnh Sơn đông dùng kim châm vào ba điểm ở vành tai điều trị hơn ba mươi ca viêm hạnh nhân cấp tính. Trong số 17 ca được giới thiệu thì có 3 ca hiệu quả không rõ rệt các ca khác hiệu quả rất tốt.

Năm 1957, tạp chí Đức ngữ *Deutsche Zeitschrift fur Akupunktur*, từ tháng 3 đến tháng 8 liên tiếp đề

cập đến những bản báo cáo của *P. Nogier* về nhĩ châm. (1)

P.E.M. Nogier, một y sĩ Pháp hành nghề ở *Lyon*, đã nghiên cứu nhĩ châm liệu pháp trong một thời gian khá dài (hơn hai mươi năm), cùng với sự cộng tác của hơn một trăm y sĩ Pháp và ngoại quốc tập hợp thành nhóm Nghiên cứu Y-học *Lyon* (*Groupe Lyonnais d'Etudes Médicales*). Kết quả của công trình đào sâu nhĩ pháp này là năm 1969, *P. Nogier* xuất bản cuốn *Traité d'Auriculothérapie*, tập 1, trình bày các quy luật chung của nhĩ trị và tầm áp dụng trong y học, nhất là trong các chứng đau. Tập 11, nói về nhĩ châm trong bệnh lý tạng phủ, trong hoạt động tâm linh, dự định ra mắt vào cuối năm 1973. (2)

Các công trình của *P. Nogier* được y giới Hoa-lục và Nhật-bản đặc biệt lưu ý. Giáo sư *Vogralik* ở Nga, châm y *Ngô Huệ Bình* ở Đài Loan đều đề cập đến liệu pháp này trong các tác phẩm của mình. Hiện nay, nhĩ châm được áp dụng rộng rãi ở Pháp, Trung-hoa, Đức, Nhật, Triều-tiên, Nga-xô Bắc-việt, Tích-lan...

oOo

(1) *P. Nogier*. — Die Akupunktur der Ohrmuschel, *Deutsche Zeitschrift fur Akupunktur*. 5-6/1957, pp. 58-63 và 7-8/1957, pp. 87-93 (Uebersetzung von G. Bachmann, Munchen).

(2) *P.E.M. Nogier*. — Traité d'Auriculothérapie Tome I. *Maispneuve Editeur* 331 pages avec illustrations et atlas topographique sur planches en couleur *Moulins-lès-Metz* 1969.

Quan sát tai để đoán định tương lai hậu vận là một bộ phận quan trọng của khoa tướng số Á-Đông, điều này ai cũng biết. Người tai lớn chẳng hạn thường được xem là có tuổi thọ. Trên khuôn mặt từ bi hiền hòa của Phật-tổ, hai vành tai vĩ đại uy nghi là một trong nhiều quý tướng của đấng Thế-tôn. Tai to cũng là một trong « ngũ-lộ » của đức Vạn thế sư biểu.

Đối với Y-lý Phương-đông, tai và cơ thể có những liên hệ rất mật thiết.

Trong châm khoa, tai là nơi tụ hội của tổng mạch, là một yếu điểm đồng qui của kinh-lạc, là một thứ trạm giao liên năng lượng, bởi ở tai, kinh mạch của toàn thân tụ tập. Vì vậy khi một kinh nào đó phát sinh bệnh tật, thì ở khu phản ứng trên tai sẽ xuất hiện một điểm đau tương ứng (*thống điểm*). Căn cứ vào lý luận căn bản : trong cơ thể nếu có chỗ đau là tại chỗ ấy kinh khí không thông đạt (*thống tắc bất thông*), nếu châm y châm thích vào thống điểm thì sẽ giúp kinh khí lưu thông, khí huyết điều hòa và giải quyết được bệnh tật.

Đối với tạng-phủ, tai là cửa ngõ, là khiếu của thận, biểu trưng chức năng phân bố phần nước trong cơ thể. Tai cũng liên hệ mật thiết với tâm, tức là phần vụ cung cấp và điều hòa năng lượng nội môi. Ngoài ra trên loa tai bao la và gập ghềnh, mỗi thành phần tương ứng với, mỗi địa khu là đại biểu cho một nội

tạng bên trong: theo P. Huard, trái tai liên hệ với thận, lòng tai tương quan với tỳ, phần trên lòng tai thuộc tâm, nhĩ bình là vùng của phế và vành tai là hành lang của can (1).

Trong tình trạng sinh lý chính thường, mỗi liên hệ đã gắn bó thì trong các trạng thái bệnh lý, sự ràng buộc càng chặt chẽ hơn.

Cho nên về phương diện triệu chứng học chẳng hạn, kẻ có ngoại nhĩ dày và lóng là thận âm sung túc, người loa tai mỏng và khô là thận âm khuy tổn. Là kính phản chiếu trung thành của tổng trạng nên khi đau ốm tai ngoài sưng phồng là chứng tà khí thực, loa tai khô héo là chứng chính khí hư, vành tai teo rút là chứng thận khí tuyệt, bệnh nhân khó sống. Nếu sờ tai thấy nóng là bệnh chứng ở hạ tiêu; nếu ấu nhi có vành tai lạnh là trẻ sắp nổi ban trái. Về bệnh lý, khi thận hư tình thiếu thì tai ù, như thiên *Quyết khí* sách *Nội kinh* nói « tinh bị thoát thì tai điếc, tân dịch thoát thì tai ù », hoặc như nhận xét của thiên *Mạch độ* trong *Linh xu* « khí của thận thông lên tai, thận điều hòa thì tai nghe được ngũ âm ». Khi thiên *Hải luận* trình bày « bề tủy không đủ thì long óc ù tai » là muốn đề cập đến sự tương quan sinh bệnh lý giữa tai và não tủy, Ngoài ra can hỏa bốc lên cũng có

(1) P. Huard et M. Wong. — La Médecine des Chinois. L'Univers des Connaissances. Hachette Éditeur. p. 192, Paris 1967.

thể khiến tai ù như thiên *Chi chân yếu đại luận* của *Tổ vấn* ghi nhận “kinh quyết âm thắng thì tai ù đầu váng” v.v... (1)

Tóm lại, một mặt tai liên hệ với tạng phủ bên trong cơ thể; mặt khác, tai thông đạt với các kinh mạch chạy dưới bì phu. Nhưng phân tích ra hai mặt mà xét như thế chỉ là một cách trình bày cho dễ hiểu. Trong thực tế, dĩ nhiên kinh mạch và tạng phủ gắn liền với nhau. Ở bên trong, kinh lạc liên quan với tạng phủ, ở bên ngoài liên quan với các xương, các khớp làm thành một hệ thống phức tạp và hoàn bị để cho khí huyết lưu thông. Nói như vậy nghĩa là, qua trung gian của hệ thống kinh lạc, tai lập quan hệ giao tiếp với mọi vùng trong cơ thể.

oOo

Để chứng minh hệ thống lý luận về nhĩ châm do Đông y khởi xướng từ hàng nghìn năm nay, y học khoa học đã dùng nhiều biện pháp thực nghiệm. Luận cứ căn bản là giữa tai và phôi cũng như thai có một dạng vẽ tương tự rất gần gũi. Từ thực nghiệm y học hiện đại bước thêm bước nữa, đi đến giải thích cơ chế liệu pháp dựa vào khoa thần kinh cơ thể học và thần kinh sinh lý học, để đi đến giai đoạn cuối là vẽ trên loa tai một bản đồ thể-vị.

Chúng tôi không thể trình bày chi tiết các phương pháp được khoa học áp dụng để chứng minh những mối tương quan giữa ngoại nhĩ và thân thể, vì vượt quá phạm vi của bài này. Chúng tôi chỉ xin nói rất sơ lược rằng qua quan sát lâm sàng, v

giới nhận thấy trong một số chứng bệnh thuộc cơ quan, trên loa tai xuất hiện những điểm đau tương ứng. Ví dụ trong các bệnh thận, thường thấy đau ở một điểm trên nhĩ bộ, gọi là điểm thận, trong các bệnh phổi thấy đau trên tai ở một điểm mệnh danh là phế huyết v.v... Về thực nghiệm thì khi kèm cặp một vùng nào đấy trên cơ thể, ví dụ kèm cặp ngón cái ta ghi nhận một điểm đau A ở trên tai, khi cặp ngón trỏ, ta có một điểm đau B v.v... Điểm đau có thể tự phát nghĩa là chính bệnh nhân cho biết nhưng thường thì phải dùng máy dò nhĩ huyết mới phát giác được thống điểm.

Áp dụng phương thức định vị vừa được trình bày rất sơ lược, cuối cùng, người ta có thể vẽ trên loa tai một bản đồ gọi là thể vị loa tai.

Dĩ nhiên, tất cả những lý thuyết vừa trình bày chỉ nhằm mục đích phục vụ cho lâm sàng. Khi bước vào địa hạt ứng dụng, có thể khảo sát nhĩ châm dưới hai góc độ: nhĩ-chần và nhĩ-trị. Nhưng góc độ thứ nhất không quan trọng bằng góc độ thứ hai.

Nhĩ chẩn là quan sát tai để chẩn đoán bệnh tật. Nhưng trước hết, có lẽ chúng ta nên lưu ý rằng hai tai của cùng một cá nhân không phải luôn luôn giống hệt nhau. Sự dị biệt ấy có thể đủ rõ để được ghi nhận bằng mắt không, nhưng thường thì phải chụp hình nổi, hoặc in khuôn hai tai rồi so sánh mới thấy rõ. Y

(1) Kinh (túc) quyết âm tức là can kinh.

học chưa giải thích được sự kiện này một cách chính xác.

Trên lâm sàng, trong những điều kiện bệnh lý, những thay đổi nhất định cũng được ghi nhận do quan chiêm ngoại nhĩ, như tai đổi sang màu nâu, có vết nhăn, trạng thái đóng vảy hoặc thấp chần, tia máu v.v.. Loa tai trắng bạch là chứng trạng thuộc hàn, xanh đen là thống chứng. Ngoài vành tai thấy nổi mạch đỏ là trẻ sắp nổi ban... Ở những người viêm khớp do phong thấp, nhĩ khu thường có hiện tượng sung huyết, trong bệnh viêm huyết quản do bế tắc, thường gặp hiện tượng tróc da ở nhĩ khu...

Nhưng phổ thông hơn nữa là những biến thể của loa tai hậu quả của các dị hình thận và các thoát vị lỗ dạ dày. Cũng có khi ta phát giác được những dị hình tim mạch. (1)

Ở người khoẻ mạnh loa tai không đau đớn gì cả. Ở người bệnh, ta có thể nhận thấy những điểm đau một cách dễ dàng, hoặc là những điểm đau tự phát, hoặc là những điểm đau do máy dò tìm ra. Nhưng những thống điểm ấy có thể hoặc tổ cáo những vùng đau thực thụ hoặc chỉ tương ứng với những hỗn loạn cơ năng nhẹ nhàng. Y giới chưa thiết lập được bậc thang giá trị hầu so sánh giữa hai loại dữ kiện: cường độ chứng đau ở tai và tầm mức quan trọng của hỗn loạn liên hệ. Đề bỏ khuyết cho nhược điểm này, giới khoa học sử dụng phương pháp trắc định điện trở: thực nghiệm và kinh nghiệm cho thấy rằng đối với một điểm

mà điện trở giảm thiểu so với vùng lân cận thì điểm ấy luôn luôn là một điểm biến tính, tương ứng với một cơ quan bệnh hoạn nhiều hay ít (2). Có nhiều máy điện tử để định vị những thống điểm ấy: stigmascope, punctomètre, punctoscope, punctex v.v...

Trị liệu bằng nhĩ châm chủ yếu dựa vào sự kích thích một điểm ở loa tai, hoặc bằng cơ học, hoặc bằng điện học. Mục tiêu nhằm đạt đến là gây một tình trạng biến tính tại ngoại vi, nơi vùng, cơ quan hoặc tạng phủ tương ứng với điểm điều trị. Tình trạng biến tính có thể là một sự giảm thiểu cơn đau (trong trường hợp đau nhức) hoặc là một sự tái lập cơ năng bình thường.

Dĩ nhiên là liệu pháp, được quan niệm theo chiều hướng vừa mô tả, chỉ có thể tiến hành sau khi đã định huyết chính xác trên loa tai. Cho nên vai trò chẩn đoán ở đây thực cốt yếu và châm y, trước hết, phải là một nhà lâm sàng giỏi.

Khi đã định được huyết thì dùng kim hoặc máy điện châm để kích thích thống điểm, theo lối bờ hay tả tùy trường hợp.

(1) J. M. Balaban, L. G. Rosenfeld.— Die Nadeltherapie der Ohrpunktural Differentialdiagnosticum und Therapie bei motorischen Entleerungsstörung des Magens. *Deutsche Zeitschrift für Akupunktur*, 1964, No 4, pp 106-110.

(2) J. P. H. Niboyet.— La moindre résistance à l'électricité des surfaces punctiformes et des trajets cutanés concordants avec les "points" et "méridiens", bases de l'acupuncture. *Thèse de Doctorat ès sciences*. Marseille 1963

Nhi trị được áp dụng rộng rãi trong điều trị các trường hợp đau nhức thuộc đủ thể loại: đau cạn hay đau sâu, đau do viêm hay do sang chấn, đau thần kinh, đau đốt. Sự giảm thống có thể cấp thời, nghĩa là ngay trong vòng vài phút sau khi châm thích và kéo dài lâu hay mau tùy trường hợp. Dĩ nhiên trong các cơn đau do bứt rứt ác tính, trong những chứng nhức do bệnh zona, thành quả đạt được thường đều không có ngày mai.

Bước qua lĩnh vực gây tê, nhĩ châm cũng chiếm một chỗ ngồi xứng đáng trong thần kinh phẫu thuật, khi cắt bỏ thanh quản, đề cắt bỏ tỳ tạng v.v... Y giới cũng kích thích loa tai để cấp cứu các trường hợp kích xúc và các ca bệnh lý nguy trọng: thực nghiệm và thực tiễn chứng minh rằng kích thích huyết thượng thận tuyến trên nhĩ bộ có tác dụng nâng cao huyết áp. Tác dụng này hoàn toàn phù hợp với sự kích thích kinh điển tuyến thượng thận theo quan niệm của khoa sinh lý học hiện đại. Tại Viện Y học An huy, dưới ảnh hưởng của châm thích vào điểm Thận thượng tuyến, trong đa số các trường hợp, huyết áp gia bội từ 10-30mmHg, trong một số ít trường hợp hiệu quả còn khả quan hơn, đạt được từ 50-70mmHg. (1) Trong nha khoa công năng gây tê cũng không kém phần khích lệ. Ngoài khả năng làm giảm đau, nhĩ châm cũng có thể có kết quả nhất định đối với các chứng nôn mửa do thần kinh, bụng trướng, mất ngủ,

đái dầm, hay đi tiểu, viêm khớp, loét thực đạo v.v...

Trong thực tiễn điều trị, có nhiều thủ pháp khác nhau, chẳng hạn phương pháp đơn thích, chỉ hơi vè châm, thường dùng cho trẻ em hoặc người bệnh suy nhược; phương pháp vè châm theo nguyên tắc bình bổ bình tả (tức là không nặng tay, không nhẹ tay), từ từ vè châm vài phút sau khi thích đúng thống điểm, đặc dụng trong các chứng trạng mãn tính; phương pháp giã-gạo tiến hành bằng cách mỗ châm hơi mạnh trong mấy phút, thích ứng với các chứng đau thần kinh như đau thần kinh tam thoa, đau thần kinh tọa, hay bệnh dạ dày.

Cũng có một vài biến cải như hoàn nhĩ châm, ôn nhĩ châm, điện nhĩ châm, thủy nhĩ châm... Cũng có khi xoa bóp thay vì châm.

oOo

Châm thuật, trong những thập niên gần đây, đã được y học khoa học kiểm nghiệm và soi sáng rất nhiều. Hơn thế nữa, hướng nghiên cứu chung của lực lượng ái mộ hoặc thực hành Đông Y trên thế giới có khi còn là Tây Y hóa ít nhiều châm khoa. Đi tiên phong trong dòng tư duy này ở Trung Hoa là Thừa đạm Am, tác giả bộ *Trung quốc châm cứu học*, rồi kế tiếp theo là Chu Liên, Lý thanh Hiệp, Vương tuyết Đài v.v...

(1) Ưu khắc, nguy trọng bệnh viên thủ thuật thời ứng dụng châm thích ma túy đích sơ bộ quan sát. An huy Y học viện phụ thuộc Y viện ma túy khoa. *Trung Hoa Y học tạp chí*, số 2 trang 95-97, Bắc kinh 1973.

Những tác giả này đều chủ trương dựa vào bộ môn giải phẫu thần kinh hiện đại để sắp xếp các huyết, tuy rằng thủ pháp châm thích có khi vẫn giữ theo lẽ lối cũ. (1).

Nhĩ châm, vốn chỉ là một bộ phận của châm khoa, cũng không thể tách khỏi trào lưu ấy. Nhưng điểm đặc biệt ở đây là, đối với một liệu pháp kinh điển của phương Đông — vì đầu là Trung-Hoa, Ba-Tur hay Ai-Cập đi nữa thì cũng đều là phương Đông, so với các quốc gia Âu-Mỹ —, đối với trị pháp kinh điển ấy, y học Thái Tây đã xả thân giải thích bằng thực nghiệm và thống kê, nhằm chứng minh những quan niệm tổng quát, đôi khi có phần trừu tượng, của hệ thống lý luận cổ truyền. Đến nỗi trong một vài thủ thuật nhĩ chần, nhĩ trị, ta không còn nhận được đâu là phần của y học Viễn-Đông. Chẳng hạn khi P.Nogier đi đến sự phát giác ra một phản xạ mới, phản xạ nhĩ tâm (réflexe auri-

culo cardiaque) (2).

Ít nhất là đối với nhĩ châm, hai luồng gió Đông và gió Tây đã thực sự cùng thổi về một hướng. Pearl Buck đã không còn, nhưng nếu còn và nếu biết, hẳn tác giả *East Wind, West Wind* phải thỏa nguyện, phần khởi. Và khi nhĩ châm tiến triển theo thời gian, phát triển trong không gian, thì hiện tượng này còn là một luận chứng hùng hồn chứng minh quan điểm mà tất cả giới khảo cứu quốc tế đều cùng chia xẻ : khoa học Đông phương — mà hạt nhân là khoa học Trung-Hoa — chỉ có vẻ *monolithic* và *intemporal* — hai tính từ này là của J. Needham — ở bề ngoài. (3)

TRẦN VĂN TÍCH

(1) M Wong Acupuncture ancienne et acupuncture moderne *Bulletin de la Société d'Acupuncture*. No 54, pp. 15-41, 1964.

(2) P.Nogier *Traité d'Auriculothérapie* (*Op.cit*) pp. 187-197

(3) J.Needham. — *Clerks and craftsmen in China and the West*. Cambridge University Press. 470 pages with index and figures London 1970.

Học ngay từ bây giờ để hoàn-tất chương-trình sớm

* Các lớp thường xuyên của Trường dạy theo phương pháp cho từng cá nhân, nhận ghi tên học bất cứ lúc nào là học ngay từ đó, không kể từ đầu tháng, nên học viên có thể hoàn tất chương trình sớm. Thích hợp cho mọi quân nhân, công tư chức trong mọi hoàn cảnh chuẩn bị thi Trung Học Tráng Niên, Tú Tài 2 Mới. Đặc biệt lớp Dự Bị 12 ABC cho các bạn đã học qua lớp 11 hay Dự bị cũ học thi thăng Tú Tài 2 Mới. NK 73-74. Đầy đủ các lớp trung học từ 8 đến 12 ABC.

* Xin ghi tên sớm tại trường hàm thụ thành lập trên 10 năm nay, có uy tín, kết quả thi đậu cao.

Trường TÂN-HÀM-THỤ

23 Nguyễn-văn-Giai Đakao (Gần cầu Sắt) — Saigon 1, ĐT. 95.753

* Cắt hay chép Phiếu dưới đây để lãnh Thẻ Lệ, Mẫu Đơn.

Yêu cầu Trường Tân Hàm Thụ, 23 Nguyễn văn Giai, Saigon 1, gửi ngay cho các tài liệu trên.

Họ tên _____

Địa chỉ _____

Từ « Tự Phán » đến « Phan Bội Châu niên-biểu »

Tôi không trách ông Ngữ điều gì hơn điều này: đã in bản Tự Phán mà không in cái Tựa của Huỳnh Thúc Kháng. Đành là cái Tựa ấy viết vào năm 1946, nghĩa là mười mấy năm sau khi tạo tác và dịch thuật Tự Phán, song chính nhờ cái Tựa và uy tín của người viết Tựa mà sách thêm ý nghĩa và giá trị. Nhờ cái Tựa ấy mà ta biết thêm là năm 1946, « Cậu Phan-Nghi-Đệ (con thứ ở nhà bên mộ cụ) định ấn hành tập Tự Phán » cũng như « Tập này cụ viết nguyên văn chữ Hán và tự dịch ra quốc văn, tinh thần Hán văn mười phần, thì bản quốc văn độ được năm phần (vì cụ không sở trường quốc văn, và không có thì giờ mà chữa nên không được trôn), song chính ý thì không sai ». Đó là phần hình thức. Còn nội dung thì nhờ bài Tựa ấy, chúng ta biết rõ thêm nó là *Tự Phán theo niên biểu*, chứ không phải là một thứ niên biểu khô khan rời rạc.

Sau đây, những lời giới thiệu của ông Huỳnh Thúc Kháng sẽ cho chúng ta biết rõ hơn vì sao nó là Tự Phán và Tự Phán để làm gì?

« Nhưng nói về mặt mình tự biết mình thì lập Tự Phán này, chính cụ viết chuyện cụ, đáng là một tấm họa truyền thần, chiếu rõ cái phản ảnh từng giai

đoạn lịch sử nước nhà trong khoảng sáu bảy chục năm đã qua.

Thật vậy tập Tự Phán này của đời cụ chia ra làm 3 thời kỳ:

- 1.— Thời kỳ tiền tâm tu dưỡng.
- 2.— Thời kỳ vận động cách mạng
- 3.— Thời kỳ ra ở nước ngoài.

(Còn 15 năm về trước trở đi, cụ cho là đời bỏ, nên không chép vào tập).

Trong mấy mươi năm đó, cầm chặt cái lòng tự tín, kiên quyết cùng cái khí nhất vãng vô tiền, với một bầu huyết nhiệt thành yêu nước, trải qua bao nhiêu tầng trở lực, cùng bao nhiêu keo thất bại, mà một mực khăng khăng nhắm vào cái đích độc nhất là cứu quốc và giải thoát dân tộc, còn thủ đoạn và ứng phó với triều lưu biến chuyển cả trong lẫn ngoài đều thay đổi cũng không ngần ngại; « văn mục đích bất biến thủ đoạn » chính là câu tự phê bình cái đời thất bại của cụ. Đến chép những việc làm thì điều sở trường có thể tự tín, mà điều sở đoản có chỗ tự hối thì chân tướng, thế nào kể ra thế ấy, tự nhiên không phò điều tốt mà che dấu điều xấu thì nào.

Sau cụ qua đời, phần đông người nước ta, nhất là bạn thanh niên, nóng lòng muốn hiểu chuyện cụ, đã thấy một

vật nhà văn sĩ nghinh hợp tâm-lý quần chúng, viết lại một vài chuyện đời. Cụ mà đã thấy cái lối ~~mua~~ trâu ngấm bóng, vẽ rắn thêm ~~chưa~~ sai với chân ~~gương~~ rất xa. Nay tập Tự Phán này ra đời, không chỉ quét sạch mây mù che lấp đời Cụ về trước, mà lưu lại một tài liệu chân xác về đời cụ cùng giai đoạn sau cho lớp hậu tri, không phải là điều bổ ích nhỏ vậy ».

Đề kết thúc phần Tự, tôi dám nói với ông Ngữ và các bạn Nhóm Nghiên cứu Sử Địa : miền Bắc khi dành cho ông Tôn-quang-Phiệt cái vinh hạnh giới thiệu và dịch Tự Phán là vì ông Tôn có học thức đã đành mà còn vì ông là nhà chánh trị. Ông Tôn vốn ở trong đảng Tân Việt lâu năm, từ khi đảng còn những tên là Phục Việt, Hưng Nam,

1) Bản chữ Hán

Dư ư kỳ niên cứu nguyệt ly Việt (1) hồi Hàng, thử đảng cương, chương trình tuyên bố hậu vị cấp tam nguyệt nhi Nguyễn Ái Quốc tiên sanh tự Nga đô Mạc-tư-khoa hồi đảo Quảng-Đông, hi mưu dư cầu kỳ cải đính. Dư nghĩ dĩ Ất Sửu niên ngũ nguyệt nhất hồi Quảng-Đông hội trú Việt đồng chí thương quyết thử vấn đề. Bất hạnh dư cạnh bị bỏ hồi quốc, kim nhật Việt - nam Quốc dân đảng chương trình cấp kỳ đảng cương hoặc dĩ tu cải như hà, dư bất tri dã.

2) Bản dịch bằng quốc ngữ của Phan - Bội - Châu do Huỳnh-Thúc-Kháng nhuận sắc :

Việc ấy sắp đặt xong, đến tháng 9 năm Giáp Tý (1924) tôi trở về Hàng Châu, còn những chương trình đảng cương của Việt-nam quốc dân đảng thầy (tôi) (1) ủy cho ông Hồ - Tùng-Mậu tìm cách đưa về trong nước (2) hay không, tôi không được biết. Sau (khi) tôi về Hàng Châu mới được hai tháng, tức là tháng 11 năm Giáp-Tý, Nguyễn Ái Quốc tiên sinh ở Mạc-tư-khoa, kinh thành nước Nga về đến Quảng - Đông, ý ông chưa lấy chương trình đảng cương này làm hoàn thiện, ông đã nhiều lần viết giấy cho tôi, bảo phải sửa sang, nhuận sắc lần nữa (3), nhưng chưa được bao lâu thì tôi bị bắt về Hà-nội. Bản chương-trình Việt Nam Quốc dân đảng ấy, bây giờ có thay đổi ra (sao) (1) thế nào không, tôi không biết.

(1) Chữ trong ngoặc đơn do ông Huỳnh gạch bỏ.

(2) Đây phải có chữ được. Bản đánh máy có chữ ấy.

(3) Tôi nhấn mạnh (x).

(1) Quảng-Đông.

Việt Nam Cách Mạng Đồng Chí Hội, rồi Tân Việt Cách Mạng Đảng, trước khi tự giải tán để gia nhập đảng Cộng-sản. Ông Phiệt là đảng viên kỳ cựu nhất ở Bắc lâu năm trước khi về Huế. Ông biết rất nhiều về Huỳnh-Thúc-Kháng, Phan Bội Châu. Vậy khi trình bày Tự Phán, tôi chắc kiến thức chính trị cũng

như tên tuổi ông đã gây cho sách ấy được chú ý và tin tưởng. Đề đổi dãi với Ông Phiệt, chỉ có Huỳnh-Thúc-Kháng với kiến thức và uy danh cùng tình thân ái với Phan-Bội-Châu mới gây cho toàn quốc sự trọng vọng sách ấy. Tôi dám nói với Ông Ngữ là quyển sách mang cả tên Ông Phan lẫn Ông Huỳnh

3) Bản Phan Bội Châu niên biểu (Nhóm NC.SĐ)

Sau khi in xong chương trình và đảng cương gần 3 tháng, ông Nguyễn Ái Quốc từ Mạc-tư-khoa sang Quảng-châu và ông đã nhiều lần nhắc tôi thay đổi. (1)

Việc ấy sắp đặt xong đến tháng 9 năm Giáp Tý (1924) tôi trở về Hàng-châu, còn những chương trình đảng cương của Việt-nam Quốc-dân-đảng, thầy ủy cho ông Hồ Tùng Mậu tìm cách đưa về trong. Sau khi tôi đã về Hàng-châu rồi, có đưa được về trong nước hay không tôi không được biết và bản chương trình ấy, bây giờ có thay đổi ra thế nào không, tôi cũng không được biết.

Năm Ất Sửu (1925) tháng 5, tôi định một lần về Quảng-đông...

(1) Chú thích của P.B.C.N.B.: Đoạn này không có trong T.P. nhưng có trong N.B. (Niên biểu) và M.P. (Mémoire de P.B.C.). Theo các sử gia miền Bắc trong Lịch sử cận đại Việt-nam (tập IV, trang 122) thì cụ Phan không gặp Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu. Vì sau khi cụ Phan rời nơi đó từ 1 đến 2 tháng rồi cụ Nguyễn mới đến.

4) Bản Tự Phán (do Anh Minh xb)

Việc ấy sắp đặt xong, đến tháng 9 năm Giáp Tý (1924) tôi trở về Hàng-châu, còn những chương trình, đảng cương của Việt-nam Quốc-dân-đảng,... (Giống như phần 2), chỉ không có đoạn nói về Nguyễn Ái Quốc, chữ xiên).

thì nó có quyền vượt biên giới để góp phần cùng văn học, chính trị thế giới, chứ khi Ông thay cho Ông Huỳnh thì nó rút gọn uy danh lại nhiều lắm. Đó là sự thật mà ai có nghiên cứu lịch sử cũng đều biết cả. Tôi hiểu *Nhóm* chỉ quan niệm đặt *kỹ thuật* lên trên chớ không có ý gì khác. Nhưng tôi chắc các bạn trong *Nhóm* cũng như ông Ngữ đã có một lầm lẫn đáng tiếc.

Mà nếu nói tới *kỹ thuật* thì sách ấy cũng thiếu một phần thật quan trọng: ấy là sau cái Tựa của ông Ngữ, đáng ra phải có một bài nghiên cứu thật tường tận nội dung của sách. Vì phần cước chú tuy quan hệ, song bài nghiên cứu kia về nhiều vấn đề, nhiều phương diện một một cách tổng quát của sách, định giá trị của sách qua không và thời gian còn quan hệ hơn nhiều. Sau 17 năm, từ Tự Phán chỉ có thể tiến tới NB với cước chú mà thôi thì quả thật ít ỏi!

oOo

Sau đây, để làm cho rõ thêm giá trị của bản dịch kia, tôi nhân một đoạn thiếu sót (1) trong Tự Phán, mới rút đoạn ấy từ các bản sau đây để bổ túc:

- a/ Bản chữ Hán (nguyên tác)
- b/ Bản dịch (có H.T. Kháng nhuận sắc)
- c/ Bản N.B. (có bổ túc của *Nhóm Nghiên cứu Sử Địa*)

Bạn đọc sẽ thấy thêm thật rõ sự phong phú, chính xác của bản dịch « kém mỹ-thuật » của Sào-Nam và

cái nguy hại của bản N.B. khi muốn bổ túc mà lại thiếu *nguyên tác chữ Hán* để tra cứu cho tường tận và thiếu liên lạc với Anh-Minh để biết cho đích xác điều mà Ông Ngữ biết Anh-Minh có thể cung cấp cho Ông được (Phần đối chiếu này đã in ở phía dưới các trang 26,27).

Xem phần đối chiếu ở các trang nói trên chúng ta sẽ thấy NB vấp phải một lỗi cực lớn là khi ông Phan Bội Châu về Hàng Châu (tháng 9) thì đến tháng 11 ông Nguyễn Ái Quốc mới sang Quảng Đông thì lại hóa ra ông sang trước, rồi còn dẫn cho độc giả lầm:

a/ sau khi in xong chương trình và đảng cương gần 3 tháng, ông Nguyễn sang Quảng Đông (hay Quảng Châu).

b/ hai ông có gặp nhau tại Quảng Đông.

Nói tóm lại, đoạn dưới (2), in xiên, đảo lên làm đoạn trên, lộn xộn làm sai cả lịch sử.

Cũng theo ghi chú trên kia của NB thì các Sử gia Bắc có đính chánh là ông Nguyễn và ông Phan không gặp nhau ở Quảng Đông. Đính chánh sở dĩ có là vì không có bản dịch của Phan Bội Châu (tức T.P. chưa bị kiểm duyệt) để tra cứu. Vả chăng nếu đọc kỹ phần chữ Hán thì các sử gia ngoài đó sẽ thấy không bao giờ Phan Bội Châu nói là mình có gặp Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Đông vì

(1) Theo Ông Ngữ thì có hai đoạn bị thiếu là đoạn có liên quan đến Ông N.A. Quốc và đoạn nói về Nga xô bị kiểm duyệt.

Ông Phan « ly Việt hồi Hàng » tháng 9 thì « vị cập tam nguyệt nhi Nguyễn Ái Quốc tiên sinh đáo... Quảng Đông » rồi « dư nghỉ dĩ Ất Sửu niên ngũ nguyệt nhất hồi Quảng Đông » trình tự thật hết sức rõ ràng, không một chỗ nào khiến phải ngờ vực là ông Phan bảo có gặp ông Nguyễn ở Quảng Đông mà tự hẹn sẽ sang Quảng Đông năm sau đề hội đồng chỉ bản vấn đề sửa đổi chương trình, đảng cương mà cũng có thể đề gặp ông Nguyễn.

Vậy sở dĩ các sử gia Bắc lầm là vì không xem kỹ trình tự câu văn mà cũng tại không có bản dịch quý báu của Phan Bội Châu để biết là ông đã viết thư nhiều lần cho rõ thêm ý tứ trong bản Hán và khỏi « sửa sai » là ông Phan lầm lẫn. Sự kiện này cho biết miền Bắc dù có 3 Tự Phán nhưng chỉ là bản Hán văn thôi. Sự kiện này cũng mở cho thấy một giao thiệp vô cùng quan hệ của Lịch sử cận đại Việt-nam giữa hai lãnh tụ của hai ý-thức-hệ ta ở Trung quốc.

Về thời gian có liên quan tới mối giao thiệp của hai ông cũng có vài xê xích thú vị:

- a) Bản chữ Hán nói chưa đến ba tháng, sau khi ông Phan về Hàng-Châu thì ông Nguyễn đến Quảng-Đông.

- b) Bản dịch lại viết một cách khá chính xác về thời gian : tháng chín về Hàng Châu, tháng 11 ông Nguyễn tới Quảng-Đông : mới được hai tháng

(từ tháng 9 tới tháng 11, có thể là hai hoặc ba tháng, tùy theo ngày giờ liên hệ, ở đây, ông nói rõ là hai tháng).

- c) Các sử gia miền Bắc lại nói thời gian đó là từ 1 tới 2 tháng.

Theo cả hai bản ở Nam, chúng ta thấy bản Việt cống hiến nhiều chi tiết quý báu mà có vẻ rất chính xác, bất ngờ. Còn bản ở Bắc tôi không phê bình được vì chưa được đọc. Nhưng tôi dám quyết chắc: bất kỳ thời nào, trong hiện tại và tương lai, bản Tự Phán do Phan-Sào-Nam tự dịch, Huỳnh-Thú-Kháng để tựa, vẫn có một giá trị và một ý nghĩa về lịch sử và văn học. Nếu ở nơi nào trên đất nước Việt-nam chưa có bản đó thì ấy là một khiếm khuyết đáng tiếc.

oOo

Sau hết, tôi có một tiên đoán : Khi bài này ấn hành sẽ có một nhân vật nào đó ở Nhật-bản reo lên :

— Ấy Nhật-bản cũng có một nguyên tác Tự Phán.

Thế là các giáo sư Đại học, các nhà nghiên cứu của ta, sẽ quay hết về phía Nhật-bản như thường thấy (như họ vẫn quay về Paris để được với Phan Châu Trinh là « tonkinois » (Bắc kỳ) và Trần Quý Cáp là người « Thanh hoa » (hóa) nơi ông chưa từng đến bao giờ ! (1)

Tôi xin thưa : Đúng đấy ! Bên Nhật hiện có ít ra một bản. Nhưng

(1) J. Chesneaux : Contribution à l'histoire de la Nation Vietnamienne. E. Sociales, 1955.

bản ấy lại chính của Anh Minh cung cấp. Tôi trích đoạn sau đây trong tập «Sống Vui», số 45 (15-12-1972): «(...) bỗng nhiên tiếp được thư của Ông S.Utsumi từ Miyota, Naganoken (Nhật-bản) gửi sang do ông T.Takahashi ở Sài-gòn chuyển đạt, chúng tôi thật không ngờ và vô cùng mừng rỡ vì gần 10 năm trước đây, ông S Utsumi có xin chúng tôi bản thảo nguyên Hán văn quyển «Tự Phán» của Sào Nam tiên sinh, nói sẽ dịch ra Nhật văn xuất bản. Từ ấy đến nay không được tin tức gì của ông ấy. Không ngờ ngày 15-02-72 ông gửi cho ông Takahashi một bức thư bằng Pháp văn và một phong bì đề sẵn địa chỉ của ông, trong thư nói đại ý ông đã dịch xong bản «Tự Phán» ấy và đang đợi một nhà in ở Tokyô trả lời sẽ in, lại nhờ chúng tôi viết bài tự.... » (Maintenant que j'attends la réponse finale d'une certaine imprimerie à Tokyô pour la publication, je vous serais obligé si vous preniez la peine de la préfacier soit en Français soit en Vietnamien.)

Ấy, trong khi các nhà biên-khảo Việt-nam không cần biết gì tới những sách *lưu lạc* ở miền Trung, những khả năng yếu kém của Miền Trung, thì người ngoại quốc — Pháp, Đức, Nhật... — cứ lảng vảng xứ này đề nghiên cứu nào Đông Du, nào Duy Tân (1)... Và thay vì quyển chữ Hán kia (nguyên tác Tự Phán) đến nằm vào một viện Đại học ở Việt-Nam (gần gũi như Đại học Huế, quê hương thứ hai của Ông Phan, hay xa xôi như Đại-học

Sài-gòn, nơi có nhiều nhà «biên khảo», «nghiên cứu») thì nó chạy tuốt sang tới tận Miyota, Naganoken ! Bởi vì thực tế : nó có nằm ở Việt-Nam miền Nam cũng vô dụng ! Nó sẽ được gia nhập đồng rác vĩ đại *thân yêu* (hình như chữ Thanh-Lãng ?). Hãy để nó du hành (chớ không phải *lưu lạc*, hỡi ơi !) sang xứ người hiểu học mà còn được việc hơn. Chúng ta cần gì biết nó vì Paris, Hà-nội (nay lại thêm Tokyô) biết nó rồi ! Thế là đủ. Đủ quá !

oOo

Trở lên, tôi thật tình không cố ý công kích Ông Nguyễn-Khắc-Ngũ và Nhóm Nghiên cứu Sử Địa. Tôi vẫn cảm ơn Nhóm đã chịu khó ấn hành quyển sách hữu ích, mà mọi người hiểu học mong chờ giữa thời-kỳ sách dịch ngoại quốc *viện trợ tinh thần* đến độ khiến ta mất *tinh thần tự lập* về sáng tạo và kiến tạo !

Tôi chỉ muốn nhân quyền NB, phát biểu vài ý nghĩ đã có từ lâu. Tôi cũng đã nói ít nhiều khi thảo luận với Giáo sư Lê-Hữu-Mục và tạp-chí Văn-học qua quyển «Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc». Lần này tôi nhấn mạnh hơn vì nghĩ là đã có Hoà-bình, sự di chuyển tương đối dễ dàng, việc nghiên cứu cần đặt trên một nền tảng vững chắc, có căn bản. Nếu chúng ta cứ theo cái đà cũ của hàng trăm nhà nghiên-cứu đã thành thông lệ — mà hoạt động, thì

(1) Chính tôi cũng gặp sinh viên Nhật đến nghiên cứu Phong trào Duy-Tân để làm luận-án tại Đà-Nẵng, 1972.

Văn-học miền Nam, trong toàn bộ Văn-học Việt-Nam, sẽ không đi tới đâu hết. Tôi muốn nhắc lại kỷ điều này :

Trong tất cả vấn đề phát xuất hoặc có liên quan đến miền Nam, hãy cố gắng phanh phui những tài liệu ở miền Nam làm chính rồi sẽ nhờ tài liệu các nơi khác. Tại miền Nam, còn vô số tài liệu quý báu mà chắc hẳn miền Bắc không có (1) hay chỉ có bản phụ, bản thứ yếu ! Các học giả Bắc chỉ thật sự kính nể chúng ta như nhà biên khảo Việt-Nam khi chúng ta biết giá trị của vùng mình. Còn ngày nào cũng ngược mắt về Paris, Tokyo và Hà Nội thì chẳng học-giả chân chính nào nề nang đã đành mà

có khi còn khám phá được những *Tự Phán* nằm tại Naganoken mà... phát xuất từ Đà-Nẵng (!) nơi chúng ta không bao giờ cần biết tới !

Nếu cố gắng tìm, hẳn nhiên chúng ta còn biết được rất nhiều tài liệu vô giá, không nơi nào có thể hơn được dù chiến tranh, lụt lội, mối mọt và sự lười biếng, vô trách nhiệm, đã thi nhau tiêu diệt suốt mấy chục năm trường !

NGUYỄN VĂN XUÂN

(*Kinh nghiệm Biên Khảo*)

(1) Ngay như nguyên tác *Chinh phụ ngâm* diễn âm tân khúc của miền Bắc mà tôi đã tìm thấy ở Huế.

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

633-YTDP.D.

Nhà xuất bản SÔNG KIÊN mời đọc :

- Những trận đánh lịch sử của HITLER (in lần thứ 2)
- HITLER và những sứ mạng bí mật của Skorzeny
- HITLER, người phát động thế chiến thứ hai
- HITLER và lò thiêu sống dân Do-thái
- Mười ngày cuối cùng của HITLER
- HITLER và cuộc mưu sát các lãnh tụ Đồng-minh

Sách đang in :

- HITLER đèn tội (Vụ án quốc tế Nuremberg)
- HITLER và trận đánh Normandie
- HITLER và các danh tướng Đức Quốc-xã
- HITLER và vũ khí bí mật

NGƯỜI SÔNG KIÊN và LÊ THỊ DUYÊN dịch

SÔNG KIÊN xuất bản

NGUYỄN NHIỀU tổng phát hành

Công dụng nhất
Thuốc mới

hemocalcium
B12

ỢI, SUY YẾU, CHẬM LỚN
KÉM ĂN, THIẾU MÁU



hemocalcium B12



SHAPP SANGON

Có chất Sorbitol để giúp cho
sự thẩm thấu sinh tố B12
qua màng ruột mà không bị
tiêu hao.

Bán tại các nhà thuốc tây

*Công thức môn
thuốc mới :*

HÊMOCALCIUM B 12

trị : SUY YẾU — CHẬM LỚN
KÉM ĂN — THIẾU MÁU

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm
thấu sinh tố B 12 qua màng ruột mà
không bị tiêu hao.

Bán tại các nhà thuốc tây

Sống với ý-thức-hệ

B— *Những lí-thuyết về bản-ngã sau khi chết.* (Sinh-mệnh-luận)

Tất cả các lí-thuyết đã được kể ra về bản-thể của cái Ngã đều bao hàm những ý-tưởng thích-hợp về trạng-thái của bản-ngã sau khi người ta chết đi. Từ một điểm khởi-nguyên mà người ta tin chắc do sự kinh-nghiệm, sự trực-giác, sự ảo-tưởng, hay do một nhu-cầu của việc tranh-đấu, một hệ-thống có thể được xây dựng lên bằng sự luận lí hay bằng sự biện-chứng, để đưa đến cái mục tiêu tối-hậu mà người ta muốn tới.

Lấy Đạo Jaina chẳng hạn để làm một thí-dụ điển-hình. Sự tin tưởng cốt-tủy là một điều thuần-túy duy-tâm, theo cách nói của ta ngày nay. Phương-pháp để phát-triển hệ-thống là một biện-chứng-pháp giống như biện-chứng-pháp của Hegel. Đạo Jaina nói rằng : Khởi thủy là linh-hoạt (*jiva*). Và cái linh-hoạt, bằng chính sự hoạt của nó, đã tạo ra cái đối-ngịch là cái không-linh-hoạt (*ajiva*). Hai cái đã hợp nhất lại, và từ đó đã thành ra một vật tạo nghiệp.

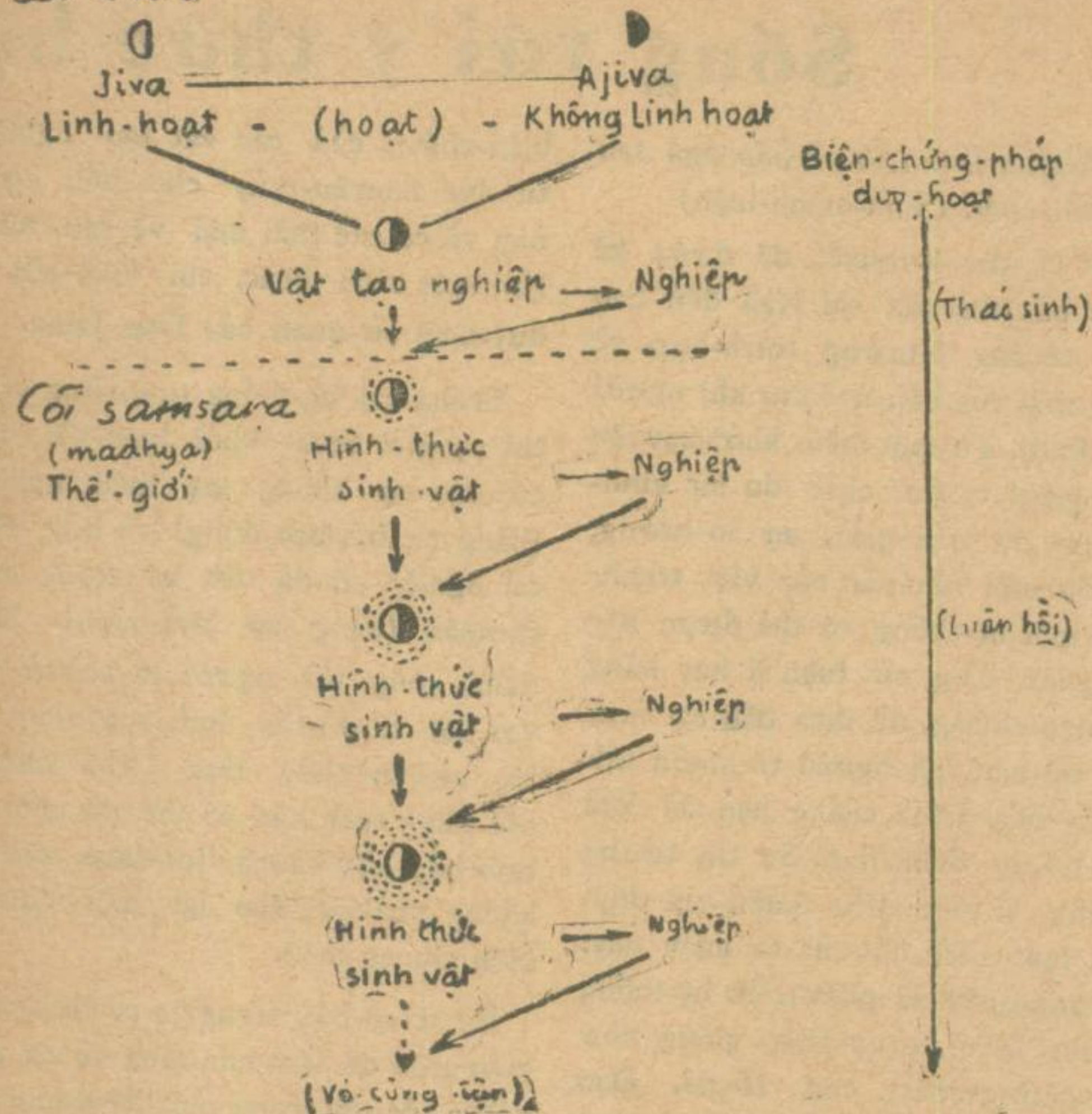
Trong mỗi hình-thức mà nó nhập vào, vật tạo nghiệp lại tạo thêm nghiệp và sự tổng hợp của nghiệp cũ và nghiệp mới tác dụng vào vật tạo nghiệp mà làm ra một hình-thức mới. Cái quá trình này cứ mãi mãi tiếp diễn mà làm thành ra sự luân-hồi. Luân-hồi là sự luân-lưu theo

biện-chứng của các vật tạo nghiệp từ lúc nguyên-thủy cho đến ngày nay và có thể mãi mãi về sau nữa. Nói một cách khác, thì luân-hồi là duy-hoạt sử-quan của Đạo Jaina.

Trong cái hệ-thống tư-tưởng này, thì sự giải thoát khỏi luân-hồi căn cứ vào sự không tạo thêm nghiệp (bằng sự bất-bạo-động) và hủy diệt cái nghiệp cũ đã tích lại trong mỗi cá-nhân (bằng sự khổ-hạnh). Khi thành công, thì người ta sẽ trở về với cái thuần-túy linh-hoạt như ở lúc nguyên-thủy. Đạo Jaina không nói bằng cách nào có thể giữ cho cái linh-hoạt này không linh-hoạt nữa để không phải bắt đầu lại một chu-kì biện chứng mới.

Sự trình-bày trang 34 có tính-cách giản-ước để làm cho sáng tỏ cái xây dựng cốt-tủy trong một hệ-thống cồ-thời của Ấn-độ. Trong cái cơ-cấu ý-thức đó còn có một vật-lí-quan, một sinh-lí-quan và một tâm-lí-quan phù hợp với chủ-thuyết. Giới hạn của bài này không cho phép đi sâu vào những vấn-đề rất phức-tạp ấy.

Chỉ cần nói rằng theo quan-niệm của phái Jaina, thì nghiệp được tạo ra và xúc tích lại trong lúc sinh thời của mỗi người, và ngược lại, cũng là trong lúc đang sống mà người ta có thể hủy được cái nghiệp cũ để thực được hiện sự giải thoát. Sau khi chết

Cõi khác

Sơ-đồ giảng giải duy-hoạt chủ-nghĩa, duy-hoạt sử-quan và biện-chứng-pháp duy-hoạt theo đạo Jaina.

thì chỉ còn lại cái hội tụ *jiva-ajiva* : nói rằng cái hội tụ này hữu tướng cũng không phải, mà nói rằng nó vô tướng cũng không phải, nên nói rằng nó phi hữu tướng, phi vô tướng sau khi chết. Các lực bên ngoài và bên trong, các trào lưu (*asvara*), các ràng buộc (*bandha*), các đề kháng (*samvara*) sẽ vận chuyển nó vào trong một hình thức mới của sự luân hồi.

Các lý thuyết về bản ngã sau khi

chết được phân ra thành 3 nhóm với 44 chấp luận.

— a) Nhóm thứ nhất luận về sự hữu tướng hay vô tướng của bản ngã sau cái chết của người ta. *Tưởng* (*sannā*) là sự ý niệm do các nhận thức hay các biểu tượng tạo ra. Như vậy tưởng được coi là một năng lực trí tuệ. Vấn đề đặt ra là sau khi thân xác đã chết, thì cái bản ngã mà người ta tin là thường còn,

sẽ lìa ra, nhưng có còn hiểu biết được những cái mà nó thấy (nhận thức) và những lời mà nó nghe (biểu tượng) được hay không. Dùng kí hiệu (+) để chỉ sự hữu tướng và (—) để chỉ sự vô tướng, thì có thể nói rằng các chấp luận này thuộc 3 loại: (+), (—), và — (±)

Chủ trương rằng bản ngã có tướng sau khi chết (+) là chủ trương của các phái Bà la môn cho ra rằng sự tướng là một tính cách bản thể của bản ngã trong tất cả các hình trạng chứa đựng nó và cả khi bản ngã đã lìa cái hình trạng ấy để lấy lại cái bản thể của nó. Bản ngã của mỗi vật và mỗi người khi đó có một hình tướng và một nội dung. Hình tướng có thể thay đổi theo tám cách. Nội dung, tức là cái tướng, cũng có tám cách. Về tính cách của cái tướng sau khi chết so sánh với cái tướng lúc sống người thì nói rằng bị giảm thiểu, người thì nói rằng vô cùng, người thì nói là trước sau vẫn thế, người thì là lúc chết khác mà lúc sống khác, người thì nói rằng sự tướng ấy thuần khổ, người thì rằng thuần vui, người thì rằng vừa khổ vừa vui, người thì rằng không vui cũng không khổ. Cả thảy có 16 luận về sự hữu tướng.

Về sự vô tướng (—) cũng thế. Có 8 luận chủ trương rằng bản ngã không có tướng sau khi chết. Tám luận này phân biệt các hình tướng của bản-ngã tùy theo sắc, nghĩa là những tính cách nhận thức được, và tùy theo biên, tức là tính-cách giới-hạn hay không giới hạn.

Sau cùng là những chủ-trương rằng sau khi chết bản-ngã không có tướng, cũng không không-có-tướng (—(±)) Cũng như nhóm trên, bản-ngã được quan-niệm khác nhau trong hình tướng, và do đó, cũng có 8 chấp-luận chung quanh vấn-đề.

Bảng dưới đây tóm lược tất cả 32 lí-thuyết, giống nhau trong sự công nhận chung rằng bản-ngã tồn tại sau khi người ta thân hoại mạng chung, nhưng khác nhau trong sự quan-niệm về hình-tướng và năng-lực của cái bản-ngã ấy.

Hình-tướng		Nội - dung		
Sắc	Biên	Kh ³ /Lạc	Tính	
+	+	+	-	Đồng
-	-	-	+	Dị
±	±	+	+	Thiếu
-(+)	-(+)	-	-	Vô lượng

(+) Hữu-tướng : 16 luận

Sắc	Biên	0
+	+	
—	—	
±	±	
—(±)	—(±)	

(—) Vô-tướng : 8 luận

Sắc	Biên	?
+	+	
—	—	
±	±	
—(±)	—(±)	

—(±) Phi-hữu, Phi-vô-tướng : 8 luận

32 luận-chấp về cái tướng sau sự chết theo kinh *Brahmajala-sutta*.

b/ Đối lại với các hệ-phái chủ-trương rằng bản-ngã tồn tại sau khi người ta chết, có bảy phái cho rằng bản-ngã cũng có thể bị hủy hoại. Đó là những chủ trương đoạn diệt.

Sự đoạn diệt được quan niệm là hoàn toàn và không để một cái gì sau khi chết trong một thuyết mà lịch sử triết-học cho biết là của Ajita Kesakambali.

Ajita Kesakambali chủ trương một thuyết duy vật cực kì quán triệt và cực đoan. Thuyết này phủ nhận tất cả những cái gọi là tinh-thần, đạo-lí, tình-cảm, gạt bỏ những quan-niệm về thiện ác, về nghiệp-báo, về giải-thoát, và từ chối mọi tin tưởng tôn giáo. Trong thế-giới chỉ có vật-chất; vật-chất là khởi đầu, vật-chất là nguyên-liệu cấu thành ra vạn vật, vật chất là cái tối hậu của vũ trụ. Sự sống cũng hoàn toàn là do vật chất tạo ra, và con người, ngu cũng như hiền, chết đi sẽ trả lại tất cả về cho vật-chất. Nếu nói là có một cái ngã, thì cái ngã ấy cũng bị đoạn diệt và sẽ tiêu hủy hết vào trong đất, nước, gió và lửa, nghĩa là trở lại với tính cách vật-chất nguyên-thủy ở thể đặc, thể lỏng, thể khí và năng lượng.

Thuyết duy-vật của Kesakambali không cho phép có một cái kẻ hờ nào cho hi-vọng lọt vào cuộc sống của con người. Cái hình ảnh của sự chết duy-vật không những là hãi hùng, mà còn trống rỗng một cách tuyệt-vọng :

« Bốn người gánh một cái quan tài

trong có một người nằm, cả thấy là năm người ; họ đi đến chỗ hỏa táng, những lời tán tụng được thốt ra, các xương thành trắng hếu như máu bồ câu (?), các vật cúng lễ bị đốt thành tro bụi...

Khi thân hoại mạng chung rồi, thì hiền cũng như ngu sẽ đoạn diệt hết, tiêu thất hết, chẳng có gì tồn tại cả».

Chủ-trương của Ajita Kesambali là lí-thuyết thứ nhất về sự đoạn diệt sau khi chết. Lí-thuyết này dạy rằng, ngoài vật-chất ra, tuyệt đối không có thể có một cái gì khác. Ở khởi-thủy, trong hiện-tại và trong tương-lai, chỉ có vật-chất, có vật-chất mà thôi. Sự chết là sự đoạn-diệt hoàn toàn, cát bụi lại trở về với cát bụi và không còn gì cả nữa.

Các lí-thuyết khác không giảng dạy một sự đoạn diệt cực-đoan đến như thế. Họ chấp nhận rằng có một cái bản-ngã và có sự đoạn-diệt sau khi chết, nhưng sự đoạn-diệt chỉ làm mất có một phần của bản-ngã.

Phần nào của bản-ngã bị những lí-thuyết này cho là sẽ phải chịu sự đoạn-diệt ?

Có hai thuyết cho rằng bản-ngã bị đoạn diệt là bản ngã có sắc-tướng và chứa đựng các thiên-tính. Bốn thuyết còn lại chủ trương rằng có sự đoạn diệt của cả phần bản-ngã vô-sắc nữa. Hiền nhiên rằng sáu thuyết này đã được dựng lên để chống lại những lời giảng dạy của Đức Phật về sự bất-khả-phân của danh-sắc (*nama-rupa*) trong con người. Sắc là cái thấy được, dầu là lớn như thân-thể

và các cơ quan, hay nhỏ như những tế-bào hay cực vi như phân-tử, nguyên-tử và các vi-thể. *Danh* là cái không thấy được, như những liên-hệ, những cơ-cấu, những năng-lực, và những hoạt-động tạo ra bởi các năng lực và các tương quan giữa các năng lực; trong con người, thì *danh* được chia ra và đặt tên cho, là *thụ*, *tưởng*, *hành* và *thức*.

Thuyết thứ nhất nói rằng : bản-ngã có sắc, có thiên-tính, thuộc dục giới, sẽ bị hoàn toàn đoạn diệt;

Thuyết thứ hai nói rằng : bản-ngã có sắc, có thiên tính, do ý tạo thành sẽ bị hoàn toàn đoạn diệt.

Với hai thuyết này thì bản-ngã thường còn là phần *danh* của con người. Hoặc nói theo ngôn-ngữ ngày nay thì tức là phần «hồn» của ta. Hai lí-thuyết nói trên chủ trương sự bất-diệt của «linh hồn» sau khi chết.

Các thuyết còn lại tấn công vào phần *danh*, và cho rằng cả cái bản-ngã vô-sắc cũng có thể bị đoạn diệt sau khi chết. Bản-ngã này được đồng hóa với những trạng-thái thiền-định vô-sắc là Không-vô-biên-xứ, Thức-vô-biên-xứ, Vô-sở-hữu-xứ và Phi-tưởng—Phi-phi-tưởng xứ (*Ākāsēnancā*, *Vinnānancā*, *Akincannā*, *Neva-Sanna Nāsannā*). Đó là những tầng thiền vô-sắc mà chính Đức Phật cũng đã học khi mới xuất gia và đã được Ngài vượt qua.

Cái chấp trong các lí-thuyết về sự đoạn diệt của một phần bản-ngã là sự tin rằng có bản ngã, và bản ngã ấy không thuần nhất. Một phần bản-ngã vẫn được coi là vĩnh-viễn thường

còn, còn một phần thì chịu sự tiêu-hủy sau khi chết cũng như thân-thể của người ta. Tất cả các lập luận này chỉ là xây dựng, giả-tưởng và lí-luận xuôi, không chứng được và cũng không có lợi ích gì cho các chúng sinh đau khổ.

-c) Cuối cùng là những lí-thuyết truyền dạy về bản-chất của Niết-bàn hiện-tại.

Niết-bàn (Pali: *nibbāna*, Sanskrit : *nirvana*) là sự chấm dứt vĩnh viễn tất cả mọi khổ-đau. Bằng ngôn ngữ của chúng ta, với kinh-nghiệm thế-gian của chúng ta, không thể nào giảng giải được Niết-bàn là gì. Chỉ có Đức Phật Toàn-giác, đã tận diệt được mọi tham ái, đã giải thoát hoàn toàn, không còn tập khí sinh tử, mới thấy được Niết-bàn và nhập được vào Niết-bàn.

Các lí thuyết về Niết-bàn hiện tại đều giảng giải Niết-bàn là những trạng-thái Đức Phật nói rằng có năm cái lí-thuyết là năm cái chấp luận về Niết-bàn hiện-tại. Tại sao các thuyết này lại là những chấp-luận ? Vì chúng chứa đựng những chấp-kiến về bản-ngã : trong mỗi lí-thuyết, không những rằng bản-ngã được tin là có, lại còn có một chủ-trương đặc biệt về tính-chất của bản-ngã. Niết-bàn hiện-tại, trong các lí-thuyết này, là trạng-thái mà sự cảm-thụ hay sự tâm-định có thể thực hiện được để cho bản-ngã cư trú ở trong, ngay tại thế-giới này.

Chủ-trương thứ nhất cho Niết-bàn hiện-tại là trạng-thái đạt được bởi bản-ngã khi tận hưởng năm món dục-lạc. Đó là cái chấp rằng bản

ngã là ngũ uẩn, và đặc biệt là cảm thụ.

Bốn chủ-trương còn lại cho Niết-bàn hiện-tại là những trạng thái của tâm-định, và chỉ có phần bản-ngã đã được định là đạt được Niết-bàn mà thôi :

Một chủ-trương cho rằng khi bản-ngã đã rời được cái dục-lạc và các ác pháp thì đạt tới được Niết-bàn hiện-tại. Lí-luận làm nền-móng cho chủ-trương này rất là giản-dị : vì dục-lạc là vô thường, nên li (lìa) được dục-lạc tức là trở nên thường-hằng và thường-tại. Thực ra, trạng-thái này chỉ tương đương với bậc thứ nhất của sự thiền-định (*dhyana*), và mới dẫn đến sự tâm-tứ và hỉ-lạc mà thôi.

Một chủ-trương nữa cho rằng vượt qua được bậc này và dẹp được các suy-tư lí-thuyết và thực-tế (gọi là tứ và tầm) đi, thì bản-ngã sẽ đạt tới được Niết-bàn hiện-tại. Trạng-thái này tương đương với bậc thứ hai của sự thiền-định và đem lại sự an-tĩnh cho nội-tâm và một sự hỉ-lạc do tâm-định tạo ra, nhưng cũng không phải là Niết-bàn như Đức Phật dạy.

Lên cao hơn một bậc, là một chủ-trương cho rằng, khi cả sự muốn hỉ-lạc cũng bị dứt bỏ, thì Niết-bàn hiện-tại mới được thực hiện cho bản ngã an trú thường hằng ở trong. Đó là trạng-thái của bậc thiền-định thứ ba, khêu lên tịnh-tâm, chánh-niệm, chánh-định và sự hỉ-niệm lạc trú trong toàn thân, nhưng cũng chưa phải

là Niết-bàn.

Cuối cùng, là chủ-trương rằng sự từ bỏ tất cả các vui-buồn, sướng-khổ, diệt trừ tất cả những hỉ-lạc và ưu-tư xưa, sẽ đem Niết-bàn hiện-tại đến cho bản ngã. Sướng không còn, khổ không còn, chỉ còn sự thanh-tịnh thuần-túy : Niết-bàn hiện-tại này là trạng-thái bậc thứ tư của thiền-định và cũng chưa phải là Niết-bàn như Đức Phật cho chúng ta.

Năm cái chấp-luận này đã gán cho Niết-bàn một tính cách tương-đối. Cả năm Niết-bàn đều còn xa Cõi Giác-ngộ và Tích-tịch mà sự tu-tập theo bát Chánh đạo với sự hướng dẫn của tứ Diệu-đế có thể dẫn tất cả mọi chúng sinh đến được.

oOo

Vị-trí của Giáo-lí của Đức Phật đối với các tư-tưởng đương-thời

Mười tám luận-thuyết về quá khứ và bốn mươi tư luận-thuyết về tương-lai được phân tích trong Kinh *Brahmajāla* đã tóm thâu tất cả các chấp-luận ở nền móng của các hệ-thống tư-tưởng trong thời Đức Phật.

Có thể có một luận-thuyết đương thời nào mà trong Kinh đã không nói tới hay không ? Đức Phật không kể tên một người nào, một môn-phái nào, hay một tôn-giáo nào liên hệ đến một luận-thuyết đặc biệt nào trong Kinh này cả. Nhưng Ngài có nói rằng Kinh này như một cái lưới được vung ra trên mặt một cái hồ nhỏ, mà các chấp-luận thì như những con cá ở trong hồ :

« Tất cả các con cá trong cái hồ nhỏ này đã bị bao vây trong tấm lưới, dầu chúng có nhảy vọt lên, chúng vẫn bị hạn-cuộc vây bọc ở trong. Nay các Tỷ-kheo: Cũng như vậy, tất cả các Bà-la-môn — Sa-môn luận bàn về quá-khứ, về tương lai, hay về cả quá-khứ lẫn tương-lai, có chấp-kiến về quá-khứ và tương-lai, đề-xướng những điều sai-biệt (về quá-khứ và tương lai), tất cả đều bị bao vây trong cái lưới của Kinh này, dầu họ có nhảy vọt lên, họ vẫn bị hạn-cuộc vây bọc ở trong mạng lưới ».

Bởi vậy nên kinh này được gọi là Phạm-võng hay Pháp-võng, Vô thượng chiến-thắng. Đó là kinh đầu tiên trong truyền thống Cao-đồ (Theravada), như được chép lại trong tạng *Digha Nikaya*. Các vị tôn sư của Đại-thừa như Vasubandhu (Thế Thân) cũng nói rằng Đức Thế tôn đã dẫn dắt ta vào giáo-lí của Ngài bằng cách chỉ cho ta thấy những chấp-luận lưu truyền trong cõi nhân sinh. Sự quan-trọng của Kinh *Brahmajāla* quả thực là cốt yếu cho tất cả những ai muốn tu hay học về Phật. Là vì rằng mỗi lí-thuyết được nêu ra ở đây là một cái chấp, phải vượt qua, phải phá đi, rồi mới có thể đi vào Đạo Phật. Cái chấp về Ngã, cái chấp về sự thường-còn, cái chấp về sự đoạn-diệt, cái chấp về sự vô nhân duyên, cái chấp về sự biện-chứng, cái chấp về sự bất-khả-tri, cái chấp về nhất nguyên và cái chấp về nhị-nguyên, cái chấp về duy-tâm và cái chấp về duy-vật, tất cả các cái chấp này và các hệ-thống tư-tưởng xây dựng trên những chấp ấy,

khi đã hoàn toàn bị đập vỡ đi, sẽ cho ta thấy cái con đường mà Đức Phật chỉ đề đến được sự Toàn-giác.

Đức Phật không nói người nào liên hệ với chủ-thuyết nào, Ngài chỉ nói rằng đây là một chấp-kiến, đây là một chấp-luận, vì sao có cái chấp-kiến và cái chấp-luận này, chấp-kiến này và chấp luận này sẽ tác thành định mệnh gì cho những người y-cứ ở chúng.

Lịch sử có cho chúng ta biết định mệnh của một số các giáo sĩ mà chủ trương đã được nói tới trong kinh *Brahmajāla*. Purana Kassapa, tôn-sư của vô-nghiệp chủ-nghĩa, đã nhảy xuống sông mà tự vẫn trước mặt các tín-đồ. Gesala Makkaliputta, tôn sư của định-mệnh chủ-nghĩa, đã nhìn thấy sự tàn sát trong một cuộc chiến tranh và phát lên một cơn mê hoảng vì tưởng rằng ngày tận-thế đã đến và loài người sẽ bị tiêu diệt, rồi chết trong cái ác-mộng ấy.

Bà-la-môn-giáo đã đi vào sự băng hoại và suy vong. Các tôn giáo phủ nhận đạo-lí này cũng không còn vết-tích. Những hệ-thống tư-tưởng khác chỉ còn được biết tới là nhờ những lời giảng của Đức Phật trong kinh *Phạm-võng*. Giáo-lí của Đức Thế-tôn như những tia nắng của mặt trời đã đẩy lui bóng tối với những bóng hình quái-gở đe-dọa con người trong suốt đêm dài. Trước Đức Phật, là sự vô-vọng của trí-thức. Đức Phật đã phá bỏ các chấp kiến và chấp-luận, để đem hi-vọng trở về với loài người và khai

sinh cho triết-lí có thể hình thành được. Như ông Dasgupta đã viết trong cuốn *Lịch sử Triết-học Ấn-độ* vĩ-đại của ông : Tới lúc đó, thì «triết-lí hình như đã đi đến chỗ hoàn-toàn bế tắc... Và cũng đúng vào lúc ấy, Đức Phật đã dựng lên một siêu-cơ-cấu tư-tưởng trên những đường lối hết sức

đặc-sắc, và từ đó một tân-đại-lộ triết-lí đã được mở rộng ra cho mãi mãi về sau ». (1)

TRẦN NGỌC NINH

(1) Dasgupta, Surendranath — *A History of Indian Philosophy*, (Cambridge Univ. Press, 1922) Tái ấn-bản 1963, Quyển 1, trang 80.

**hãy
hút...**



BASTOS *trên*



ĐÂU LOC
truyện hảo

Tân chính thể Cộng hòa Hy-lạp



Đại tá Papadopoulos

Ngày 29-7-1973 vừa qua một nền Cộng hòa mới được thành lập tại Hy-lạp. Do cuộc trưng cầu dân ý, chính phủ của Đại-tá Papadopoulos đã đề nghị với quốc dân hủy bỏ chế độ quân chủ, thiết lập một chế độ cộng hòa do chính Papadopoulos làm Tổng Thống.

Tại một nước Hy-lạp, quê hương của các ý-thức-hệ dân-chủ, Đại-tá Papadopoulos đã áp đặt một nền độc tài quân phiệt từ 6 năm qua. Tuy

lúc đầu chính-thể quân sự vẫn duy trì Quốc vương Constantin II nhưng vì Quốc vương bỏ trốn nên trong gần 6 năm trời Đại-tá Papadopoulos đã nhân danh chiếc ngai vàng bỏ trống để cai-trị một nước Hy-lạp thụ động. Mặc dù chiếc ngai vàng này không còn là một đe dọa cho địa-vị của ông nhưng năm nay Papadopoulos đã quyết định dứt khoát với nó để tự mình nắm lấy chức vụ nguyên-thủ.

Xuất thân từ thành phần dân giả, việc ông Papadopoulos cùng các vị Đại-tá đồng-nhiệm cướp chính quyền ở Hy-lạp đã được nhiều người coi là một hành động của đại chúng nhằm lật đổ quyền hành của phong-kiến cấu kết với tư-bản. Nhưng trong 6 năm cầm quyền những bàn tay sắt trên đây đã dần dà phải nắm lấy những bàn tay tư-bản để có thể phát triển được kinh-tế trong nước. Vì vậy mà người ta tự hỏi sự thay đổi chính-thể tại Hy-lạp có ý nghĩa gì đối với lịch-sử nước này.

MỘT BỘ BÁCH KHOA ĐÓNG TẬP từ 1957 đến giữa năm 1973, gồm 45 tập giá 33.000đ. Xin liên lạc tại Tòa soạn: 160 Phan đình Phùng Saigon.

I. TỪ QUÂN CHỦ HỖN LOẠN TỚI DÂN CHỦ « ĐỘI VƯƠNG MIỆN ».

Nếu Hy-lạp thời thượng-cổ đã nổi tiếng về các chính-thề dân chủ. Nếu các nhà hiền-triết Hy-lạp cổ thời như Socrate, Platon đã đưa ra những tư tưởng dân-chủ sáng giá thì nước Hy-lạp của thời-đại này đã thí-nghiệm đủ mọi loại chính-thề độc-tài.

Từ thế-kỷ thứ 15 tới thế kỷ thứ 19 dân Hy-lạp đã phải sống dưới ách hà khắc của Thờ-nhĩ-kỳ. Cho đến tận năm 1830 nhờ có sự can thiệp của Anh, Nga và Pháp, Hy-lạp mới được Thờ-Nhĩ-kỳ trả độc-lập. Các quốc-gia Âu-Châu đưa ông hoàng Otto của xứ Bavière lên làm vua Hy-lạp. Nhưng năm 1862 thì Otto lại bị lật đổ và người ta tổ chức cuộc trưng cầu dân ý đầu tiên trong lịch-sử Hy-lạp để cho nhân dân nước này có dịp lựa chọn giữa ông hoàng Alfred nước Anh, con trai thứ hai của Nữ-hoàng Victoria, và ông hoàng Guillaume xứ Đan-mạch, để làm quốc vương. Đây là cuộc trưng cầu dân ý sạch sẽ nhất trong lịch-sử Hy-lạp vì chính quyền không gây một áp-lực nào với cử-trì. Hầu hết các lá phiếu đều được dồn cho Hoàng-thân Alfred, trong khi Hoàng-thân Guillaume chỉ lượm được có 6 phiếu. Nhưng vì Anh không chịu cho Alfred đi Hy-lạp nên Guillaume, tuy không được dân chúng lựa chọn, mà vẫn được lên ngôi lấy vương hiệu là Georges Đệ-nhất.

Con cháu của Georges tiếp tục ngự

trị trên ngai vàng Hy-lạp, tuy vẫn bị dân chúng làm cho điêu đứng vì hoàng gia không có một giọt máu Hy-lạp nào trong huyết quản. Constantin I bị quốc dân hạ bệ rồi lại được quốc dân gọi về qua cuộc trưng cầu dân ý năm 1920. Riêng Quốc vương Georges II đã bị hạ bệ hai lần và đã được dân chúng hai lần gọi về trong các cuộc trưng cầu dân ý năm 1935 và năm 1946.

Năm 1964 khi Quốc vương Paul I qua đời thì con của ông là Constantin II lên nối ngôi. Vì Paul I tỏ ra hết sức khôn ngoan nên trong suốt thời gian ông trị vì Hy-lạp không gặp phải những cuộc khủng-hoảng trầm trọng nào. Tuy nhiên triều đình vẫn thường bị chỉ trích vì Hoàng-hậu Frédérique, vợ của Paul I, ăn sài hoang phí. Mỗi năm bà hoàng này đều tổ chức những chuyến du ngoạn trên chiếc du thuyền Agamemnon tráng lệ của bà để các ông hoàng bà chúa Âu-Châu có dịp gặp nhau. Cũng nhờ những cuộc du ngoạn này mà con trai bà là Hoàng thái tử Constantin đã cưới được công chúa Anne Marie xứ Đan-mạch và cô con gái Sophie của bà lấy được Thái tử Don Juan Carlos của Tây-ban-nha.

Năm 1964 Thái tử Constantin lên ngôi mới có 24 tuổi. Tuy trẻ tuổi Constantin cũng đã được huấn luyện rất kỹ về « nghề làm Vua » nên đã nhận lãnh trọng trách mới một cách dễ dàng. Hơn nữa Constantin

lại là một trang thanh niên cao lớn, đẹp trai và khoẻ mạnh. Khi còn làm Thái-tử, Constantin đã đoạt được huy chương vàng cho Hy-lạp về môn chèo thuyền tại Thế-vận-hội La-mã năm 1960. Khác với các tiên vương, Constantin không còn là một «Ông hoàng ngoại quốc nhập cảng» vào Hy-lạp mà là một người Hy-lạp chính cống. Sinh trưởng ở Hy-lạp, nói tiếng Hy-lạp, hòa mình vào đời sống Hy-lạp mộ đạo như những người Hy-lạp, Constantin được dân chúng hết sức quý mến. Một mối tình thầm kín giữa Thái-tử và một cô «ca ve» đã biến Constantin thành một thần tượng của giới trẻ trong nước. Khi mối tình này bị Hoàng hậu Frédérique bóp chết bằng cách bắt Constantin lấy Công chúa Anne-Marie, dân chúng Đan-mạch lại có thêm cảm tình đối với Constantin.

Khi Constantin lên nối ngôi cha, không một ai ngờ được rằng những cuộc khủng-hoàng chính trị sẽ xảy ra trong vòng có vài năm. Không những được dân chúng quý mến, Constantin lại gặp được một vị Thủ-tướng có đầy đủ uy tín và khả năng là ông Georges Papandréou. Sự giao thiệp giữa Quốc vương và Thủ-tướng lúc đầu hết sức thắm thiết. Ngay hôm lễ đăng-quang chính Constantin đã nói với ông Papandréou là «Tôi tìm thấy ở ông một người cha mà tôi vừa mất». Và Thủ-tướng Papandréou cũng không ngớt khen nhà vua là «con người chín chắn»!

Nhưng chỉ vài tháng sau một cuộc tranh chấp giữa hai người bùng nổ.

Thủ-tướng luôn luôn khuyên vua nên gạt Hoàng Thái-hậu Frédérique quá chuyên quyền và tiêu sài hoang phí ra, trong khi nhà vua lại than phiền «cậu» Andreas Papandréous con của Thủ-tướng là thiên tả, âm mưu lật đổ chế độ. Nếu việc Hoàng Thái-hậu chuyên quyền được giải quyết dễ dàng với sự «đi ở riêng» của Frédérique thì những âm mưu thiên tả của Andréas Papandréou đã đưa Constantin tới chỗ thay thế Thủ-tướng.

Năm 1964 Andréas Papandréou đã 45 tuổi, đậu bằng Tiến-sĩ Kinh-tế tại viện Đại học Harvard bên Mỹ. Andréas trở về làm Thứ trưởng Kinh tế trong nội các của cha và gia nhập tổ chức «Aspida» là một tổ chức các sĩ quan thân Cộng âm mưu xâm nhập quân đội để cướp chính quyền. Thủ tướng Papandréou muốn che chở cho con nên nhất định không chịu điều tra về tổ chức «Aspida» vì vậy mà Constantin đành phải cử ông Novas lên làm Thủ-tướng để thay thế. Nhưng các người thuộc phe Papandréou đã nổi dậy biểu tình rầm rộ. Trong các cuộc biểu tình năm 1965, một sinh viên đã bị cảnh sát bắn chết và từ đó phe đối lập biểu tình liên miên trong khi tại Quốc-hội người ta nhất định không chịu tấn phong ông Novas.

Cuộc khủng hoảng chính-trị Hy-lạp giữa Quốc vương và các phần tử thiên tả đã kéo dài tới năm 1967 khi một số các Đại-tá của quân đội đảo chánh cướp chính quyền vào ngày 21-4-1967.

Tại thủ đô Athènes người ta thường kể rằng khi Constantin bảo Thủ-tướng «Đáng tiếc quá, nếu không có cậu con ông, thì tôi với ông «bồ» với nhau biết mấy», thì Thủ-tướng trả lời «Đáng tiếc thật, nếu không có bà mẹ Ngài, thì sự cộng tác giữa nhà Vua và Thủ-tướng tốt đẹp bao nhiêu». Tất nhiên đây chỉ là một câu chuyện khôi hài nhưng nó đã nói lên tính cách phù phiếm của chính-quyền Hy Lạp.

Trong giai đoạn 1965-1967 người ta thấy dân chúng Hy-lạp chia làm hai phe. Phe hữu thì ủng hộ nhà vua và dựa vào quân đội, phe tả thì ủng hộ cựu Thủ-tướng Papan-dréou và dựa vào các lực lượng thợ thuyền cùng sinh viên. Tình trạng chia rẽ này đã đưa đời sống chính trị của Hy-lạp đến chỗ bế tắc. Đề tìm ra lối thoát một nhóm các

Đại-tá trong quân đội đã nổi dậy cướp chính quyền để vừa chống lại một chính quyền của hữu phái được các tướng lãnh yểm trợ, vừa chống lại những phần tử tả phái.

Đứng đầu phong trào đảo chính của các Đại-tá là Đại-tá Georges Papadopoulos. Sau cuộc đảo chính thành công Papadopoulos vẫn duy trì chế độ quân chủ nhưng ông muốn dân-chủ-hóa chế-độ, đề lập ra một nền «dân-chủ đội vương-miền» (démocratie couronnée)! Nói tóm lại thoát tiên nhóm Papadopoulos muốn có một đường lối trung dung ở giữa hai phe tả hữu.

Nhưng đường lối trung dung này của Papadopoulos chỉ trong có 8 tháng trời đã khiến cho các lãnh tụ tả phái ngồi tù và Quốc-vương phải bỏ nước trốn ra ngoại quốc.

II. TỪ « DÂN CHỦ ĐỘI VƯƠNG MIỆN » TỚI DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Cuộc-đảo chính quân-sự tại Hy-lạp ngày 21-4 đã là một sự bất ngờ. Nhân dịp các tướng lãnh chỉ huy kéo nhau về thủ-đô để thảo luận về vấn đề thăng thưởng trong quân đội thì bị các đàn em Đại-tá bắt giữ. Chính-phủ và Quốc-hội bị giải tán. Các ông Đại-tá vào Hoàng cung yêu cầu Quốc-vương tiếp tục cộng tác với họ trong công cuộc lành-mạnh-hóa chính-quyền.

Cuộc đảo-chính quân-sự này có điểm đặc biệt là nó không phải công trình của cả quân đội dưới quyền

chỉ-huy của các tướng-lãnh mà chỉ là hành-động của một nhóm sĩ quan trẻ do ba Đại tá cầm đầu.

Georges Papadopoulos sinh năm 1919 ở tỉnh Elektorion thuộc vùng Péloponnèse buồn ảm đạm. Con của một ông giáo làng nên Papadopoulos thuộc tầng lớp bình dân. Tuy vậy mà lúc còn nhỏ Georges Papadopoulos đã được các bạn cùng lứa tuổi coi là có số mạng được ưu đãi nhất. Cuộc đời của Papadopoulos cũng tẻ nhạt chẳng kém vùng đất nơi cậu sinh trưởng. Lớn lên Georges như

những đứa trẻ nghèo khác trong xã-hội Hy-lạp đã xin vào trường thiếu-sinh-quân. Khi trở thành một sĩ quan thì cuộc đời của Papadopoulos cũng không hào hứng gì hơn. Năm 1940 khi Ý xâm lăng Hy-lạp, Papadopoulos tham gia chiến trận mà cũng không lập được công trạng nào đáng kể. Đến khi ông luống tuổi, quân đội mới khám phá được một thiên khiếu nơi Papadopoulos là khả năng tình báo. Sau nhiều năm phục vụ trong tổ chức «CIA» Hy-lạp và cộng tác chặt chẽ với cơ quan tình báo «CIA» của Mỹ, Papadopoulos đã trở thành một sĩ quan rất thông thạo về kỹ thuật đảo chính.

Thuộc giai-cấp bình-dân các Đại-tá Papadopoulos, Patakos và Makarezos ôm ấp giấc mơ trở thành những Nasser của Hy-lạp. Những viên sĩ quan này oán trách các tướng lãnh chỉ biết mặc quân phục đẹp, đeo huy-chương nhiều và luôn luôn dập diu yến tiệc. Chống lại các tướng lãnh phù phiếm, Papadopoulos và các bạn cũng. Chống luôn cả những phần tử thợ thuyền thiên tả. Nhưng vì là những người nông cạn, chính quyền Papadopoulos không đưa ra được một lý thuyết nào hấp dẫn quần chúng cả. Chính quyền của các Đại-tá dựa trên một vài nguyên-tắc độc-tài, tương tự như chủ-nghĩa Phát-xít của Mussolini ngày trước, nhưng đồng thời cũng có rất nhiều điểm mà người ta gọi là cơ-hội chủ-nghĩa. Vì vậy mà chính quyền này không tránh khỏi những mâu thuẫn nội bộ.

Để chứng tỏ rằng chính-phủ mới

là một nền dân-chủ pháp-trị, với chính-quyền mạnh, đúng theo hình ảnh cổ truyền của một nhà nước tay cầm cán cân công-lý tay cầm lưỡi kiếm quyền-uy (La balance et le glaive), Papadopoulos đưa ông Constantin Kollias, cựu Chủ-tướng lý Tối cao Pháp viện, ra làm Thủ-tướng. Sau lưng Kollias, bộ ba Papadopoulos, Patakos và Makarezos chia nhau chính quyền. Papadopoulos giành chức Quốc vụ khanh tại Phủ Thủ-tướng, Patakos giữ chức Tổng trưởng Nội-vụ và Makarezos giữ chức Tổng trưởng Phối-hợp.

Một loạt các biện pháp được ban hành để lành-mạnh-hóa quốc-gia. Các biện pháp này thuộc đủ loại, từ cấm con gái mặc minijupe tới việc cho phép cảnh sát khám xét và bắt giữ tất cả mọi người vào bất cứ lúc nào. Đảng Liên-hiệp Dân-chủ Tả phái bị cấm. Các dân biểu bị giam. Nhạc sĩ Mikos Théodorakis, người viết nhạc cho cuốn phim «Jamais le Dimanche» bị đặt ra ngoài vòng pháp luật. 6.600 người, tình nghi là Cộng sản, bị bắt giữ. Nhưng 4300 người lại được phóng thích ngay vì bằng lòng ký giấy cam đoan từ nay xin chưa không dám hoạt động chính trị nữa. Số còn lại, vì không chịu ký tờ cam đoan, nên bị đẩy ra đảo Yaros.

Để tạo ra một bầu không khí khủng khiếp lo âu, chính phủ ra lệnh bắt giữ phe đối lập bất cứ lúc nào nhưng lại bí mật thả ra vài ngày sau. Cựu Tổng-trưởng Ngoại-giao Averoff là một người có uy tín trong nước bị tống giam chỉ vì tổ chức tiếp tân

ở nhà, mời tới 30 người tham dự. Ra tòa án quân sự, ông Averoff bị phạt 5 năm tù ở vì tội là trí thức hơn là tội tụ họp bất-hợp-pháp. Tất cả các công chức, giáo sư, thẩm phán đều phải trả lời bản văn-đề-lục, có những câu hỏi về đời tư và các chi tiết thầm kín.

Để gìn giữ các giá trị cổ truyền người bắt các giáo sư phải đưa học trò đi lễ nhà thờ mỗi sáng Chủ-nhật. Nhưng những danh-nhân Hy-lạp như Sophocle, Cicéron, César... thì lại bị các Đại-tá nhắc tới bằng giọng khinh miệt. Bảo-tàng-viện Athènes bị đóng cửa vì chính phủ cắt ngân khoản. Các đền đài lịch sử của Hy-lạp bị chính phủ coi là vô ích. Bà Hélène Vlachos, chủ nhân của một nhóm báo chí vĩ đại, bị quản thúc tại gia đã trốn được sang Luân-đôn và tuyên bố rằng: « Các nhà lãnh đạo tại Athènes đều « vô học. » Nhưng các vị Đại-tá này lại rất hãnh diện vì đã « vô học », bởi theo họ giới trí thức chỉ ăn hại thôi chứ học nhiều mà có làm lợi được gì cho quê hương đâu. Đại-tá Patakos ngồi tính sổ các tội của giới trí thức: « Ở Athènes người ta thảo diễn-văn, viết các bài trào lộng chống chính quyền. Trong 4 năm có 2166 cuộc biểu tình đã được tổ chức, trong đó 426 cuộc là của hữu phái và 1077 là của tả phái. Ngoài ra lại còn có tới 275 vụ phản đối vì lý do chính trị. Tình trạng này cần phải chấm dứt ».

Để chấm dứt tình trạng hỗn loạn này chính phủ ban hành những biện pháp kiểm duyệt gắt gao. Khi

tại đài phát thanh người ta nói tới câu « giải phóng thanh phố Paris » thì các Đại-tá ra lệnh kiểm-đuyệt hai chữ « giải phóng » vì sợ nó gợi cho dân chúng những ước muốn không tốt đối với chính quyền Hy-lạp.

Các bà lớn Hy-lạp ưa tiếp tân cũng bất mãn không kém về chế-độ mới. Từ trước tới nay người ta đưa nhau mời các vị Tướng lãnh hào hoa phong nhã, biết nói chuyện dí dỏm, thích bàn chuyện văn nghệ. Nay các Đại-tá cầm quyền ông nào ông nấy đều mặt mũi cô hồn, đáng điệu quê kệch thì mời chỉ mất vui. Patakos phu nhân lại là một người đàn bà quê mùa hoàn toàn trong bộ đồ đen dài chấm đất cục mịch.

Ngay khi cầm quyền các vị Đại-tá đã cho sửa lại hiến-pháp đề tước hết quyền của nhà vua. Theo hiến-pháp mới thì Quốc vương chỉ còn ngồi làm vi, không được chỉ huy quân đội, không có tiếng nói trong chính-sách đối ngoại và cũng chẳng có quyền chỉ định Thủ-tướng.

Tuy còn trẻ tuổi nhưng Quốc vương Constantin đã ý thức được quyền hạn của Hoàng-triều. Nhất định không chịu chấp nhận hiến-pháp mới, Constantin tổ chức đảo chính để loại bỏ các Đại-tá. Ngày 13-12-1967 Constantin đưa mẹ, vợ và hai con ra khỏi Hoàng cung để kêu gọi quân đội đứng dậy quét sạch bộ ba Papadopoulos, Patakos và Makarezos. Nhưng có một điều mà Constantin không biết là các tướng lãnh chỉ huy các quân khu đều đã bị

Papadopoulos bao vây bằng những sĩ quan cấp dưới, nên âm mưu của Constantin bị bại lộ ngay từ đầu. Constantin vì hay tin nhảm nên thích con số 13 đến nỗi xe hơi của ông cũng mang con số 13, vì với ông đó là con số «hên». Bởi thế mà Papadopoulos đoán biết là Quốc vương sẽ đảo chính vào ngày 13-12 nên đã đề phòng sẵn. Các tướng lĩnh trung thành với Quốc vương đều bị các phụ tá bắt giữ trước.

Khi tướng Esserman và hai vị tướng khác đang ngồi thảo bàn kêu gọi quân đội nổi dậy ủng hộ Nhà Vua và lật đổ 3 vị Đại-tá thì một viên hạ sĩ-quan đến yêu cầu 3 ông tướng trao cho anh ta bản kêu gọi này. Bằng giọng bách dịch thường lệ Tướng Esserman hô: «Nghĩ!» Nhưng anh hạ-sĩ quan này không những không đứng nghiêm, không chào kính, mà rút luôn súng ra khiến cả 3 ông Tướng đành phải đầu hàng vậy.

Đảo - chính thất bại, Constantin và Hoàng gia đáp máy bay sang La-mã (Ý) trong tay không có một xu nhỏ vì «khi nào Hoàng-thượng lại thêm trốn đi với đồ nữ trang của Hoàng-triều».

Sáng ngày 14-12-1967 người ta thấy Quốc vương Constantin cùng bầu đoàn thể từ đặt chân xuống đất Ý. Tại phi-trường La-mã, Hoàng-hậu Anne Marie rét run cầm cập vì khi đi không kịp mang theo đủ áo lạnh. Vài ngày sau thì Anne Marie bị hư thai. Trong

khi đó Constantin ra điều-kiện là phải hủy bỏ hiến-pháp mới thì ông mới trở về. Các Đại-tá không chịu. Constantin ở li La-mã từ 6 năm nay, trong khi ở nhà Đại-tá Papadopoulos tự phong mình làm Thủ-tướng và cử Tướng Zoitakis làm Phụ-chính. Chính-thề «dân-chủ đội vương-miền» cứ tiếp tục trong khi Quốc vương vắng mặt.

Papadopoulos làm Thủ-tướng cử Patakos làm Tổng trưởng Thông-tin và Makarezos làm Tổng-trưởng Kinh-ế. Lần đầu tiên nắm quyền tối cao, bộ ba này phải đối phó với các vấn đề nan giải nên đã có những biện-pháp nhiều khi gây ngò. Để giải quyết nạn thâm thuũng ngân sách, Makarezos, một sĩ quan pháo binh, quyết định giảm lương công chức. Nhưng công chức ít lương lại rút bớt chi tiêu nên các thương gia có hàng bị ế ảm kêu như cháy đồi. Các Đại-tá lại phải rút lại biện pháp giảm lương vậy.

Trong 6 năm trời cầm quyền, chính-thề của các Đại-tá Hy-lạp đã bị các quốc gia khác chỉ trích nặng nề vì không tôn trọng nhân quyền. Vấn đề này được đưa ra thảo-luận tại Hội-đồng Âu-Châu và Tổng-trưởng Ngoại-giao Hy-lạp, Pipinelis đã phải bỏ phòng hội đi ra đề phản đối.

Nhưng đề đối phó với thực trạng của chính-trị, các Đại-tá đã phải mềm dẻo hơn nhiều. Hiện thời người ta lại bắt đầu chơi bởi, nhẩy phốt trở lại. Các cô gái mặc minijupe

đã tái xuất hiện trên đường phố Athènes. Tờ báo « Observer » của Anh đăng một bài tố cáo Papadopoulos trước kia cộng tác với quân xâm lăng Ý mà vẫn được bày bán ở các hiệu sách không bị chính quyền tịch thu.

Đó là những dấu hiệu ổn định của chính-thề. Vì chính-thề đã được ổn định nên Papadopoulos không còn muốn mình phải dưới quyền một ông Phụ chính nữa. Do đó mà ông quyết định thiết lập nền Cộng hòa.

Ngày 29-7-1973 vừa qua trong cuộc trưng cầu dân ý Papadopoulos đã được tới 91% số phiếu. Tổng-trưởng Thông tin của Papadopoulos xác nhận với báo chí là cuộc bầu cử này không gian lận và thành thật 100% !

oOo

Là một số sĩ quan thuộc thành phần binh dân, mộng ước của bộ ba Papadopoulos, Patakos và Makarezos là lãnh-mạnh-hóa chính-quyền bằng cách đàn áp tả phái thân Cộng và hữu phái tư bản. Nhưng Papadopoulos được các bạn mệnh danh là « tiểu Nasser », khi lên cướp chính-quyền đã không có một đường lối rõ rệt.

Vì vậy mà chế độ của ông không ra độc tài mà cũng chẳng ra dân chủ. Nhưng dù sao thì một số lớn các người Hy-lạp bình dân, các giới tài xế taxi, các giới nông dân lại luôn luôn ủng hộ ông vì họ được hãnh diện là đã có những người thuộc giai cấp của họ cầm quyền ở Hy-lạp. Người ta nói rằng khi một lãnh tụ Cộng-sản đến Mạc-tư-khoa than thở với Brejnev rằng các Đại-tá độc tài thì chính Brejnev đã nói : « Đồng chí nói đúng, nhưng đồng chí cũng đừng quên họ đều là con đẻ của quần chúng bình dân ».

Tuy là con đẻ của bình dân nhưng vì nhu cầu kinh tế trong nước, các Đại-tá vẫn phải ve vãn các phần tử tư-bản Hy-lạp như Onassis, Markos v.v... Khi Onassis mua một chiếc xe Mercedes, chính phủ đã phải chiều ông đến nỗi cho ông ta mua xe miễn thuế. Một chủ ngân hàng đã phải than rằng : « Các tay tỷ phú càng ngày càng thống trị xã-hội Hy-lạp ». Các vị Đại-tá con đẻ của bình dân bắt đầu trưởng-giả-hóa rồi chẳng ?

TỪ MINH

Nhà Sách LÁ BỐI HUẾ

Địa chỉ : Khuôn Viên trường Cao Đẳng Mỹ Thuật, Đại Nội — Huế

Một nhà sách hoang-vu nhất, tha hồ cho bạn chọn lựa những sách hay và đẹp của các nhà xuất bản Lá Bối, An Tiêm, Trí Đăng, Nhị Khê, Ca Dao...

do Đinh Cường trông coi.

Đàm thoại với nhà văn LƯƠNG VĂN LỰU tác giả Bộ « Biên-Hòa sử lược toàn biên »

L.T.S Trước đây Bách-Khoa có nhận được 2 quyền đầu trong bộ « Biên-Hòa sử-lược toàn-biên » do ông Lương-Văn-Lưu, tác giả, gửi tặng, một bộ sách được biên soạn công phu.

Nhân dịp anh Ngê-Bá-Lí (Nguyễn-Ngu-Í) đang có liên-lạc thường xuyên với Biên-Hòa, chúng tôi có nhờ anh đến nhà thăm, cảm ơn ông Lương-Văn-Lưu, và luôn tiện mở một cuộc phỏng-vấn nhỏ về quan-niệm viết địa-phương-chi của tác-giả.

Sau đây là bài của nhà văn Ngê-Bá-Lí.



Ô. Lương văn Lưu

Tôi đến quán cơm như thường-lệ nhưng lần này lại gặp anh Lưu đang ở trần, mặc quần đùi, ngồi cặm cùi viết, tóc tai xù xụ, (đó là cổ tật của anh), trong một văn-phòng mới xây cất bên cạnh, trang-hoàng khá mỹ-thuật, bàn, ghế, ngăn kệ sắp xếp gọn-gàng, tươm-tất; nổi bật hơn hết, có sổ sách mới in chất bày thành hàng trắng sạch trong tủ kiếng.

Tôi lên tiếng chào :

— Mừng nhà văn có văn-phòng mới, khá đẹp.

Anh Lưu vội ngàng lên, nở một nụ cười theo thường lệ :

— Mới xong mấy ngày ; nay, anh đến khánh-thành, tôi sẽ nhờ ảnh-hưởng văn-nghệp của anh.

— Tôi mừng anh thành-công với sự cho ra mắt làng văn bộ sử của anh.

Bách-Khoa nhờ tôi mang lời cảm ơn đến anh và xin anh chấp-nhận cho một cuộc phỏng-vấn nhỏ bé về quan-niệm và phương-pháp biên-khảo địa-phương chi của anh.

Nhà văn không trả lời vội, kêu người nhà bưng trà. Tôi tự tiện ngồi vào ghế trước mặt bàn viết. Anh Lưu mời tôi uống, rồi lấy bao thuốc thơm chia ra ; tôi rút một điếu, anh quẹt châm cho tôi mời, rồi cũng bắt đầu bằng một nụ cười ;

— Tôi cảm ơn các anh em trong «Bách Khoa» đã tưởng nghĩ. Tôi tự xét mình chỉ ở trong một phạm vi nhỏ hẹp, góp được chút quà kỷ niệm để dâng cho quê-hương tôi, một tình lớn, cồ-kinh, đáng được đề-cập tới. Tôi mến-yêu, quý-trọng quê-hương tha-thiết. Nhờ tình-yêu đó un-đúc từ thuở thanh-niên nên mới có đủ kiên-nhẫn mà dò lần từng bước một. Thật ra, tôi không có quan-niệm riêng và theo phương-pháp, thông-lệ nào hết.

— Anh có ý định viết từ năm nào và khởi-thảo trong trường-hợp nào?

— Tôi không có ý-định gì hết.

Tôi thích văn-chương từ khoảng năm 1932, khi rời ghế nhà trường để bước vào đời sống tư-chức.

Vì kiến-thức và tầm quan-sát còn cạn hẹp, chỉ nghĩ quanh-quẩn đến những sự việc trong tỉnh mà thôi, nếu gặp dịp, được gợi ý, là viết ngay, không phân-biệt câu-chuyện, đề-tài. Viết rồi, đề đó. Thỉnh-thoảng, lựa những bài thích ý, có liên-hệ đến quốc-sử, muốn phổ-biến, gởi đi đăng báo.

Viết và đề dành như vậy đến năm 1958, soạn lại được hơn 100 bài. Như đọc cuốn địa-phương chí của tỉnh nhà, một ý-kiến bỗng nảy ra: coi có thể làm một cuốn địa-phương chí riêng? Vì nhận thấy «Biên-hòa» là một tỉnh lớn chiếm trọn miền Đông, thuộc vào hàng cồ-kinh (trong Nam-kỳ lục tỉnh, không bị chánh-phủ đổi tên).

Tôi theo cách bố-cuộc trong 2

quyển «Xã hội Việt-nam» của Lương-Đức-Thiếp và «Việt-nam văn-hóa sử-cương» của Đào-Duy-Anh, mà sắp xếp lại, thì thấy cũng tạm tạm được, nên viết thêm những đề-mục còn thiếu sót, nhưng vẫn tất thôi.

Lúc ấy, nhằm thời đệ-nhứt cộng-hòa; ở tỉnh có thành-tập «Chi-đoàn công-chức cách mạng quốc-gia». Được sự khuyến-kích và bảo-trợ của đại đoàn-thề này, tôi mới cho xuất-bản thành quyển «Biên-hòa sử lược», dày lối 400 trang thôi.

— Có phải lần này, anh cho tái bản quyển sử trước, sau khi bổ-chính không?

— Thật ra, thì không phải. Đối với quyển trước, tôi thấy có nhiều điểm bất-thông, không-ôn, coi như là một dàn-bài. Tôi bỏ nhiều, chỉ lấy một số ít bài, và viết lại. Vì mình muốn cầu-tiến, không chấp-nhận dĩ-vãng, phải nhìn hiện-tại để hướng về tương lai.

Sau đó, tôi lại tiếp-tục viết thêm nhiều nữa, về nhiều khía-cạnh, nhưng được khai-triển theo một thể tài mới, lấy căn-bản lịch-sử, mà thi-vị-hóa sự-việc, cho hấp-dẫn, dễ đọc (Lối viết này, được hai ông Sơn-Nam và Kiên-Giang cho là: Lịch-sử và sáng-tác).

Khi hưu-trí vào năm 1970, tôi xem lại thấy được thêm lối 300 bài nữa, đủ mọi đề-tài.

—Sao anh không đề nguyên một cuốn lớn, lại phân thành quyển với nhan-tựa khác nhau?

— Trong một câu chuyện, ký-giả Song-Lang gọi cho tôi nghĩ đến hai chữ «toàn-biên» để thêm cho tựa cuốn sử trước.

Nhưng với số bài quá nhiều, hơn 1500 trang, nếu để nguyên một quyển, thì quá dày, khó tiêu-thụ, vì giá cao, nên tôi nghĩ đến cách phân quyển, kẻ như là «chương» sách.

Tôi thoát nhớ đến những địa-danh của Biên-hòa nào là Trấn-biên, Biên-hùng, Đồng-nai, xứ Bưởi, mỗi tên ở trong một thời-kỳ, có một đặc-tính riêng, như :

- Trấn-biên, thì cồ-kính,
- Biên-hùng, thì oai-dũng,
- Đồng-nai, thì thor-mộng,
- Biên-hòa, thì tân-tiến (so với thời cồ-kính.)

Nên lấy đó, làm các tựa sách.

Lựa những bài loại nào, thì sắp xếp thành quyển thuộc đặc-tính ấy. Lại phân thành chương, mục và thời-kỳ trong mỗi quyển.

Có vài khách nhà in vào đặt hàng, anh lại phải xin lỗi tôi để tiếp họ trong 5 phút.

— Còn quyển «300 năm lịch sử người Việt gốc Hoa» có liên-hệ gì, mà anh lại ghép vào bộ Sử Biên-hòa?

— Tôi nghĩ : xưa người Trung-quốc sa g Đại-nam định cư trước tiên tại châu Đại-phố, được coi như là quê hương thứ hai, là gốc ở cù lao Phố, nên mới viết riêng thành một quyển, là quyển thứ V, có thể đính

vào bộ Sử Biên-hòa...

Quyển thứ III, thứ IV và quyển này đã được cảo-thành.

(Anh Lưu soạn lấy bản-thảo đưa cho tôi xem qua và trao biểu bản mục-lục văn-tất mỗi quyển).

Còn một quyển nữa bắt đầu sưu-tập tài-liệu sau ngày ngưng bản, và đang tiếp-tục. Tôi định viết làm quyển thứ VI, cũng lối 300 trang, sẽ cho mang tựa là «Xứ Bưởi thanh bình», cũng là một tên nôm na của Biên-hòa trong thời thanh-bình.

— Biết có được «thanh-bình» chăng mà anh đã nghĩ đến tựa sách?

— Đó là chuyện tương lai gần. Tôi rất mong và còn mong được hơn thế, như thời Nghiêu Thuấn xa xưa ở bên Trung-quốc Biên-hòa sẽ là một lạc-cảnh, nhà an-cư, không cần đóng cửa, người lạc-nghiep vui sống với đồng quê, có chú mục-đồng nằm trên lưng trâu thoi sáo, dưới trăng...

— Anh đánh giá sử-liệu như thế nào?

— Tôi thực-hiện theo phương pháp riêng :

1/ Đọc chánh-sử để tham-khảo trong các bộ sử của Pháp, Trung-hoa, Quốc-sử quán, viết về Chân-lạp, Trấn-biên, nhất là lấy 2 bộ «Đại-nam nhất thống chí» và «Gia-định-thành thông-chí» của Trịnh-Hoài-Đức làm nòng cốt.

2/ Đến quan-sát di tích tại mỗi vùng.

3/ Thâu - thập truyền - khẩu của các bậc trưởng-lão mỗi nơi về các chứng tích lịch sử. Ba yếu-tố ấy, tôi

dung-hợp lại, dùng suy-luận, cân-phân, để xác định diễn-biến. Sự thật tìm ra có thể được phần chính-xác, nếu không được trọn đúng.

— Những quyền kể bao giờ anh mới cho xuất bản tiếp?

— Chỉ mới in được 2 quyền đầu, vậy mà tôi phải tốn đến 800 ngàn đồng, mặc dầu hai nhà « Thiên Tứ » và « Thiên Anh » tính với giá giấy hồi năm 1971, và quá dễ-dãi để tôi thiếu lại phân nửa, khi nhận sách.

Tôi đợi gom tiền, trả dứt cho ấn-quán, rồi mới bắt đầu in quyền III (Đồng-nai thơ mộng). Lần này, thì in tại nhà in nhà (Đồng-nai) và chỉ từng quyền một mà thôi (cho đỡ bớt số vốn).

— Được biết anh có nhiều công việc, ngoài việc biên sữ, như trông nom cây xăng, quán cơm, nhà in, đang khai thác mạnh. Bao nhiêu việc ấy đã choán hết thời giờ. Vậy anh làm thế nào để lo việc biên sữ?

— Phần lớn, tôi viết về đêm.

Còn ban ngày, chỉ đến giờ bán cơm, mới sang giúp vợ tôi, thổi tiền và ghi sổ cơm tháng. Tôi ngồi tại văn-phòng kế bên. Khi có công việc của nhà in, như nhận, giao hàng hoặc sửa bản-võ, thì mới ngưng viết. Còn cây xăng ở khít vách đã có con gái và mấy đứa cháu đảm-trách, thỉnh-thoảng mới ghé mắt vào, khi có việc cần giải quyết. Tôi không để phí mất một khoảng thời-gian nào, dầu ngắn.

— Anh cho biết công việc làm của anh?

— Công việc thật là bề-bộn, phức-tạp, đối với tôi: Biên soạn trong 30 năm. Sắp xếp - Đánh máy - Chụp hình - Cho ý vẽ hình bìa - Trình xin kiểm- duyệt tại Biên-hòa rồi Sài-gòn - Liên-lạc mỗi ngày với ấn quán - Sửa bản võ - Nhận sách - Phân phối - Phát hành - Cũng chỉ một mình tôi.

Nhà-văn Sơn-Nam đã nhận-xét việc này « đáng lẽ ra phải có một ủy ban hợp soạn, đảng này chỉ có một mình tác-giả mà dám tự lực đứng ra gánh vác, ông làm việc không biết mệt, sẵn sàng đương-đầu với mọi khó-khăn » Nên ông hân hoan gọi đến tôi ly rượu mừng.

— Anh làm việc không biết mệt hẳn là có được niềm vui an-ủi?

— Điều làm tôi vui là trong khi phát hành được hầu hết giới trí-thức tại tỉnh đều chăm công-phu, bài nào cũng chứa-chấp rất nhiều tài-liệu, ghi nhận có một giá-trị độc-đáo, với lối viết mới mẻ (trình bày sử liệu có sáng tác).

Và chánh-quyền tỉnh đã đặc-biệt giới-thiệu đến các ty, sở, quận, xã, ấp, đề tùy mỗi nơi mua, phong-phú-hóa tủ sách cơ-quan.

Hầu hết đều nhận lấy sách, thân đến nhà hoặc tự-động gọi trả tiền vốn in, có kèm thơ cảm ơn và khuyến-khích.

Đó là do tình thâm-giao của tôi tại tỉnh từ trước, nên được cảm-

tình của các bạn thương mến.

— Anh có thừa thiện-chí, tất sẽ vượt qua được mọi trở ngại?

— Khó khăn tôi gặp phải, là nay không thể đến lần thứ hai để tái phối-kiểm các di tích lịch sử nằm trong vùng kém an-ninh.

Việc thứ nhì là mình quá thành-thật, dễ nhượng lại với số vốn in, nên đối với một vài nhà-sách và tổng-phát-hành đòi huê-hồng nhiều đề gởi đi xa, thì mình phải lỗ nặng. Nhưng tôi vẫn vui, vì giữ được lý-tưởng «cổ phồ-biến sử-liệu tỉnh nhà»

— Anh tự phát hành một mình?

— Phải, cũng tự-lực một mình ên, xoay xở mọi việc, cho đến đến từng nhà các thân-hữu trong tỉnh lỵ, gởi đi phân-phối cho tiệm sách, trong các quận, tổng-phát-hành, nhà sách tại Thủ-đô, và các hội đoàn gốc Biên-hòa, cho đi thầu-tiền vốn in từng nhà, từng nơi.

— Tôi biết anh từ năm 1932 có giữ phụ trương văn-chương nhật báo Sài

thành (Sài-gòn mới) được nổi tiếng về dịch thơ Pháp, cùng lúc với Bằng Dương (Bùi Nhung). Sau, cùng với Lý Văn Sâm, anh có viết Tiểu thuyết thứ bảy (dưới bút hiệu Nhứt Lưu và Trọng Khanh) cũng có danh trên Văn đàn. Nay vì lý do nào, anh bước sang địa-hạt biên khảo?

— Tôi tự thấy mình đã qua thời tuổi mơ mộng, có viết thử một vài bài về lịch sử Biên-hòa, do đó khơi động tình-yêu quê hương, tình yêu ấy trở nên thắm-thiết, khi đến tuần tuổi hơn nửa đời người, rồi từ đó, bị quê hương kích thích, nên đâm ra say mê, tự vạch riêng cho mình nhận lấy con đường biên sử của tỉnh nhà. Còn các vùng khác và toàn quốc thì xin đề nhượng cho quý vị ở địa-phương và các sử gia lớn).

Mười một giờ rưỡi, có khách lai rai vào quán cơm, tôi biết anh sẽ bận, nên vội kiếu từ. Anh cố cầm lại đề dùng cơm nhưng tôi vẫn xin kiếu. Anh kêu cậu con trai lấy Honda chở đưa tôi ra tận bến xe Saigon...

NGÊ-BÀ-LÍ

PHÂN ƯU

Dau đớn khi hay tin một người bạn thân yêu :

Chuẩn úy LƯU TRỌNG ĐẠT, Cử nhân Xã-hội-học, Chủ trương nhà Xuất bản Quảng Hóa, Chủ trương Quán Thăng Bờm, Quán Văn.

Đã tử trận ngày 22-8-1973 tại Thuận Nhơn, Phong Dinh.
Thành kính chia buồn cùng hai bác và gia đình.

TRẦN HOÀI THƯ, NGUYỄN VĂN TIÊN (Cần-thơ)

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

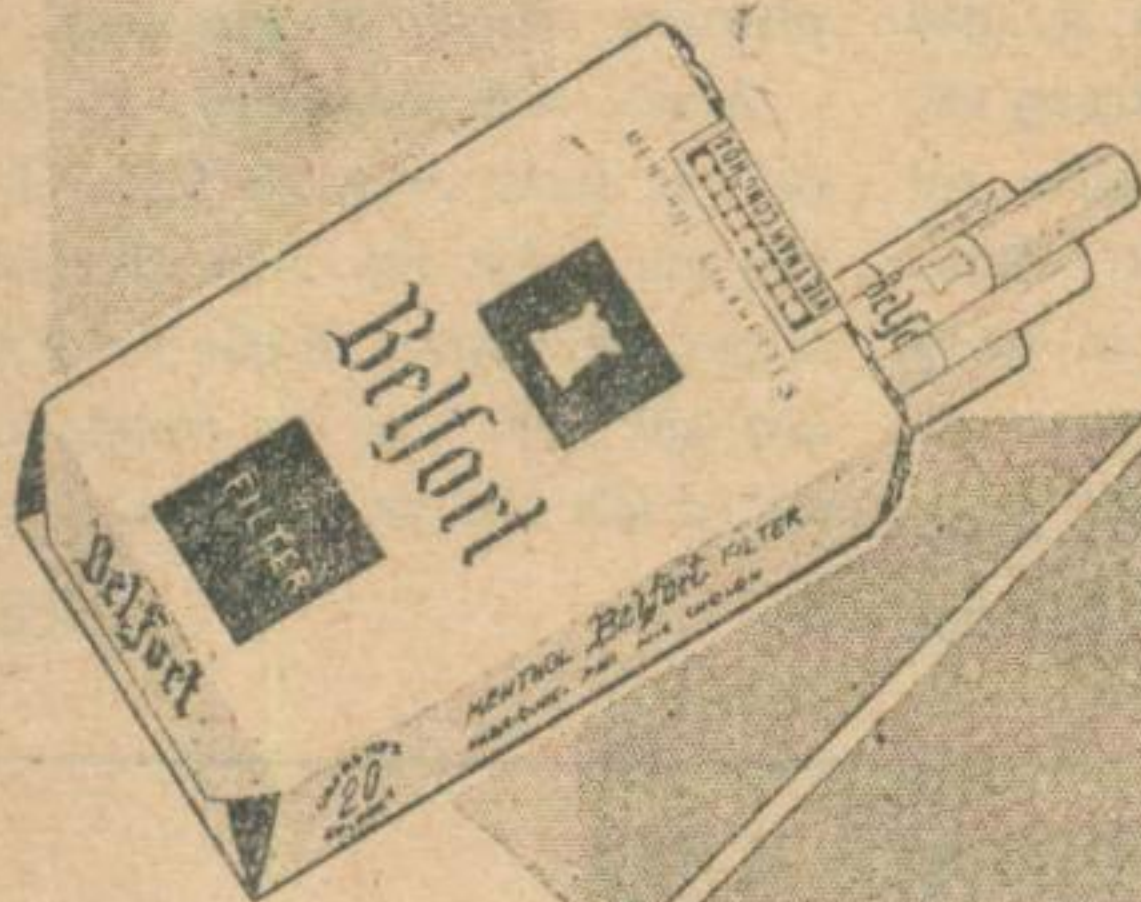
Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

AIP

Belfort ĐỎ

- THUỐC THƠM HƯƠNG VỊ ĐẬM DÀ
- BẠC HÀ RẤT MÁT



Belfort XANH

- THUỐC THƠM HƯƠNG VỊ DỊU DÀNG HƠN
- BẠC HÀ RẤT NHẸ

MIC-CHOLON

Lá thư nước ngoài

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Paris ngày 1-8-1973

Anh Chị.

Vừa ở Corse về. Anh sẽ hỏi sao mà đi luôn, bộ có sao thiên mã chiếu mệnh hay là có cái máy bay cột trong chân chẳng ! Thật như thế, tôi cũng tự hỏi, nhưng biết làm sao được, cái số nó như thế. Đi Ajaccio, nhân dịp một ngày triển lãm thủ công nghệ của dân xứ ấy. Đáng lẽ họ triển lãm thì cũng chẳng liên quan gì đến mình mà tới. Nhưng cái ông Trưởng ban tổ chức cuộc triển lãm, ông Antoni Casaloaga, lại là một họa sĩ quen với tôi. Cách đây hai năm ông ta xin tôi một bài thơ đề phòng họa theo rồi xuất bản. Bán mỗi quyển giá 5 nghìn bạc ta và bán khá chạy nên đề tỏ sự hân hoan, hai ông bà mời tôi ra dự ngày triển lãm vì ông ta cũng có gian hàng bán tranh tại đây.

Đặc biệt là từ trước đến nay xứ Corse hầu như bị bỏ quên, một thứ con ghê xa xôi chứ không phải con ruột đối với chính phủ Pháp. Vì vậy mà dân trong đảo bỏ sang lục địa kiếm ăn rất nhiều. Sau một thời gian bị bỏ quên và chính tự mình cũng quên luôn mình, người dân vừa được thức giấc và ông Casalonga là một nhân vật chính đã làm công việc đánh thức người dân Corse. Ông ta không thêm ở Paris là nơi mà văn nghệ sĩ nào cũng mơ ước. Ông ta về đảo, ở trong làng rồi bắt đầu thành lập và phát triển phong trào thủ công nghệ.

Ai biết làm thứ gì thì làm ra rồi sẽ có những vùng nhận bán. Người làm mật ong, kẻ dệt vải, đan khăn, đan áo, thuộc da cừu, làm đồ gốm, tượng gỗ, ống sáo, các món ăn khô, dầu o-liu vân... vân... Bắt

cứ món gì cũng có thể mang đến bán. Lúc nào được tiền thì chia. Từ đấy người dân đỡ khổ vì số tiêu thụ ngày một tăng. Từ số thu được mười nghìn, hai chục nghìn năm thứ nhất, năm nay đã lên đến hàng tỉ và người có hàng đưa đến đã được nhận tiền ngay không phải chờ khi hàng bán xong mới có. Chỉ trong vòng 5 năm mà sự phát triển đã khá mạnh. Họ bán được cả sang lục địa tức là Paris và một số tỉnh lớn ở Pháp, mỗi nơi có một gian hàng chuyên bán các sản phẩm thủ công của đảo Corse.

Thật là một ý kiến hay phải không anh ? Cổ nhiên là phải có người đứng lên tổ chức, gánh vác, chịu đựng mọi sự vất vả lúc đầu. Bây giờ thì guồng máy đã chạy đều. Trong đảo, vùng nào cũng có một gian hàng trưng bán các thứ. Người

ta mua nhiều đến nỗi hàng thiếu hụt luôn và ban tổ chức lại càng phải thúc dục người dân sản xuất thêm.

Đảo Corse có nhiều nơi đẹp không thể tả được và khách du lịch mỗi ngày một đông. Tuy nhiên đây là điểm mà người dân Corse thắc mắc. Mong du khách đến để làm phồn thịnh cho đảo, có du khách mới có mua bán, nhưng du khách cũng lại là một thứ nhân tố phá hoại sự êm đềm đẹp đẽ, chất phác của thiên nhiên và của cả con người. Mỗi lo sợ lớn nhất của họ là những tay kinh tài sẽ đến lập nên những xí nghiệp ở đây như xây cất những loại khách sạn vĩ đại để đón du khách, thu hết hoa lợi rồi mang tiền ra khỏi đảo. Trong khi ấy thì người dân Corse sẽ biến thành những tên nô lệ cho đồng tiền. Tức là một thứ nhân công làm bồi bấp quét dọn mà thôi. Điểm khác là trong cái khung cảnh hoa lệ của thiên nhiên chen vào những ngôi nhà năm bảy tầng với hồ tắm, sân quần, và lũ du khách lỗ nhố... Sợ cái đẹp thiên nhiên sẽ bị cái đẹp nhân tạo lấn át chà đạp chẳng?

Một sự kiện khác làm tôi chú ý là cái ước muốn được tự trị của người dân Corse. Họ ra sách, báo kêu gào cái ý-chí ấy. Trên các ven núi, góc tường người ta hay đọc được những khẩu hiệu "Người Pháp thuộc-địa hãy ra đi" "Xứ Corse là của dân Corse" v.v...

Nhưng không phải xứ Corse là một chốn thiên đường hoàn toàn. Năm nào xứ này cũng bị cháy núi,

cháy rừng, thiệt hại rất nhiều cây cối, hàng nghìn mẫu bị đốt thành than mà vẫn không có cách nào đối phó. Chính phủ Pháp cấp cho hai cái máy bay cứu hỏa nhưng hai máy bay lại không đỗ ở ngay trên đảo mà mỗi lần có báo động, máy bay phải cất cánh từ Marseille, vượt bể cả tiếng đồng hồ mới đến đảo!

Tôi đặt câu hỏi tại sao các ông không góp tiền mà mua sắm máy bay lấy. Có hai ý-kiến trả lời. Một nhóm người thì bảo: "Phải đấy, cô có về xứ viết báo thì nói lên vấn đề này kêu gọi mấy ông Corse nhà giàu nhờ sang Việt Nam làm ăn cả trăm năm nay, để họ gửi tiền về giúp quê hương xứ sở chứ họ làm giàu, cất giữ tiền nhiều mà để cho quê hương rách nát như vậy sao?" Một nhóm khác lại bảo: "Không thể được, Chính-phủ Pháp phải cấp cho chúng tôi chứ; nếu bắt chúng tôi tự cung cấp đến cả máy bay cứu hỏa thì rồi đây cũng sẽ bắt chúng tôi tự cung tự cấp trong tất cả mọi vấn đề khác hay sao"

Đã có những tiểu-tồ phá hoại nhỏ, vừa rồi họ đã làm một việc điên rồ là đặt mìn ở một cái đập nước, suýt nữa thì vỡ để làm thiệt hại rất nhiều cho dân trong xứ.

Nói đến cái đẹp của xứ ấy thì quả là vô biên, tôi đã được lê gót một vài nơi mà rồi đứng trước những cảnh hùng vĩ tráng lệ của thiên nhiên cũng phải hét lên thích thú. Mỗi một giờ qua là núi và bể mang một màu sắc khác, từ tím nhạt đến hồng đến lam nhạt, lam thẫm. Có những nơi mà

mỗi chóp núi mang những hình tượng khác nhau. Đâu đâu cũng bên dưới là bề xanh mênh mông, bên trên là núi đá.

Có những người chăn cừu sống với đàn cừu suốt đời trong núi, không về đồng bằng. Người ta kể chuyện có một người quá yêu đàn cừu và núi đá đến nỗi khi chính phủ có lệnh gọi về ông ta đã giết cả đàn cừu, giết con chó đắp lên ngực mình và tự giết luôn mình để khỏi phản bội với đàn cừu. Anh nghe có ghê không, cái dân tộc này hầu như người nào ở trong mạch máu cũng có tí máu của người chăn cừu ấy.

Một tổ chức Hoa-kỳ nghiên cứu về phong cảnh đất đai trên thế giới đã đến xứ Corse và đã say mê xứ ấy. Họ kết luận rằng đây là vùng đẹp nhất thế giới và chỉ có hai điều kiện một là bỏ hết sức lực vào để mở mang thành một viên ngọc quý cho du khách, hoặc là phải để nguyên như vậy không được động đến để kính trọng cái đẹp thiên nhiên.

Tại quen với hai ông bà Trưởng ban tổ chức Thủ công nghệ ấy nên họ giới thiệu cho tôi một số người mà ông nào cũng thật hăng hái. Muốn chọc tức họ, tôi giả vờ thảo qua một cái chương trình khai thác xứ Corse bằng cách vẽ xa lộ ngang dọc, xây cất những ngôi nhà chọc trời, có hộp đêm, thoát y, vũ trường, và nhà máy. Các ông đọc cái dự án của tôi đều đỏ mặt đập bàn ghế, bảo rằng tôi chỉ là kẻ phá hoại.

Nhưng đùa vậy thôi, tôi đâu có

thừa thì giờ để đi lo cho xứ người. Xứ mình còn lo chưa nổi.

Đến Corse, lại ở ngay vùng Ajaccio, thì nhất định thế nào cũng phải đến viếng ngôi nhà mà ngày nay đã trở thành một cái Viện Bảo tàng Napoléon. Ngày nào cũng có người vào viếng, mùa hè lại càng đông đúc hơn. Ông vua này chết đã hai thế-kỷ rồi mà vẫn nuôi sống được bao nhiêu người. Viện Bảo tàng chỉ là ngôi nhà của ông ở ngày bé, có chỗ ăn chỗ ngủ và cái giường ngắn là nơi mà mẹ ông đã nằm sinh ra ông. Nhìn cái giường ngắn và nhỏ người ta có thể đoán được cái bề cao của mẹ ông và của ông. Một niềm an ủi cho những người nào thiếu bề cao. Ngoài ra thì chỉ có rất nhiều tranh vẽ các nhân vật trong gia đình : bà Joséphine vợ cả, và chúa xứ Áo vợ hai, với mấy bà em gái mà ông đều phong tước cho chồng, nên bà nào cũng mang một hàng tước vị dài lê thê.

Người đi xem không quên câu nói của bà mẹ ông, lúc ông đón về lục địa, cho bà mặc những chiếc áo lễ gò bó, trong khi bà chỉ quen với bộ áo đen muôn thuở của người đàn bà xứ Corse : « Pourvu que ça doure ». Đây là câu mà ngày nay mọi người thường nhắc khi muốn diễn tả cái tâm trạng hoang mang trước một sự kiện quá đẹp trong hiện tại của mình.

Hiện nay có một vài tờ báo Corse mang cái ý thức tự trị đã lên án ông

vua ấy. Họ lục ở trong quốc gia thư viện tìm được những giấy tờ, mệnh lệnh ông đưa ra với ý đồ buộc chặt đảo Corse vào nước Pháp. Không giúp đỡ cho xứ Corse được phát triển riêng biệt mà phải lệ thuộc vào nước Pháp vì ông muốn cho thế giới nhìn vào thấy ông là một người Pháp hơn là một người Corse.

Người dân Corse cũng đồng thời nhắc nhiều đến một nhân vật khác mà họ cho là còn nhiều uy tín và khả kính hơn, đặc biệt hơn Napoléon, là Pacal Paoli. Ông này là bậc tiền bối của Napoléon và đã tạo cho xứ Corse hồi ấy một sức mạnh riêng. Khi ông thất thế, không chống cự lại được, đảo Corse mới rơi vào tay người Pháp.

Dân Corse vẫn còn tự hào rằng bản hiến pháp của Hoa-kỳ ngày nay đã dựa vào bản hiến pháp của xứ Corse do Pascal Paoli đề xướng.

Mỗi lần muốn làm vui lòng mấy ông Corse trí thức thì không gì bằng đề cập đến Pascal Paoli và bản hiến pháp. Họ còn thích thú bằng năm bằng mười nhắc đến Napoléon vì họ cho ông này là phản bội và háo chiến.

Khách du lịch bắt đầu lan tràn đến xứ ấy. Các «Ngôi sao» nhiều tiền đã bắt đầu kéo nhau đến xây nhà mua đất. Vì văn minh đã làm cho người ta đâm sợ hãi và ai cũng muốn đi tìm nơi nào còn hoang dại để lẩn trốn, ít nhất là vài ba tháng trong một năm.

Như vậy thì nước Việt Nam ta

ngày nào mà có thực sự hòa bình thì tha hồ cho phòng du lịch hoạt động. Anh chị có dư tiền thì lo mua đất trước đi thì vừa, đề đấy rồi; sau này nó lên giá cao, tranh không lại với những «ngôi sao» đâu.

Tôi kéo được 2 tuần thì phải về đề lo giấy tờ mà quy cổ hương. Ngày nào bức thư này đến tay anh thì chắc là tôi đã có mặt ở xứ nhà rồi. Lại sẽ được anh chị cưng cho ăn, cho sách.

Về đến Paris khí hậu khác hẳn, hơi lạnh, mưa, mới có tháng tám mà có nhiều cơn đường lá đã bắt đầu thay áo vàng rực.

Trong khi ấy thì ở vùng Corse mọi người mặc áo tắm năm phơi la liệt. Cái «mốt» monokini bắt đầu thịnh hành, các bà các cô đỡ tiền mua mảnh áo trên.

Tôi hỏi ý kiến nhiều ông về cái thời trang mới mẻ này, ông nào cũng vui lòng cho người khác mặc cái lối ấy nhưng với vợ con mình thì lắc đầu không chịu. Anh thử đặt câu hỏi ấy với các anh em chung quanh xem sao? Hay là rồi cũng một ý như thế. Đề cho các bà phải kêu là: «Đàn ông! xứ nào cũng giống nhau!»

Thôi ngừng, hẹn anh thư sau, nghe báo giấy cao tôi phải cẩn thận, viết ít ít chữ, còn đề dành chỗ cho người khác. Thăm anh và cả tòa soạn.

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Chuyện trong tháng 8

● THU HIPPY

L.T.S Nhiều bạn đọc vẫn trách Bách Khoa gần như toàn cây bút đàn ông cả. Lâu lắm mới lại có Nguyễn Thị Ngọc Thắm, Hồ Thị Dư Tâm, v.v...

Nhận thấy sự trách cứ rất đúng nên nửa năm nay Bách Khoa đã mời chị Minh Đức Hoài Trinh giữ cho mục « Lá thư nước ngoài » và hôm nay Bách-Khoa lại mời thêm Cô Thu Hippy giữ cho mục « Chuyện trong tháng » để kỳ nào cũng có những cây bút phụ nữ chuyện trò cùng bạn đọc về các chuyện ngoài nước, trong nước...

Cũng xin giới thiệu thêm « Thu Hippy » là một cây bút phiếm luận của nhật báo ít lâu nay được rất nhiều bạn trẻ ưa thích. Cô có một bạn trai tên là « Hoàng », sinh viên Y-khoa, mà cô thường gọi đùa là « Hoàng Tiểu Bảo » — giống như Vi Tiểu Bảo trong truyện Lộc Đỉnh Ký của Kim Dung — và một bạn gái tên là Thảo, biệt danh là « Thảo Gàn ». Đó là 2 nhân vật mà chắc cô sẽ luôn luôn nhắc tới trong câu chuyện trong tháng kể lẽ cùng bạn đọc.

Saigon, một buổi chiều không mưa không nắng.

Thưa các cụ.

Đấng chủ trương Bách-Khoa có « chỉ thị » cho em viết cái mục « Chuyện trong tháng », ra cái điều ghi chép ngoan ngoãn như nhân chứng của một khoảng không gian và thời gian nhất định, em nghe em chịu lắm, nhưng cầm bút lên mới thấy khó, quen đấu vung vít rồi các cụ ơi. Thôi thì kệ, quen đấu vung vít thì em cứ đấu vung vít vậy nhé, biết đâu trong cơn đấu loạn sà ngẫu em lại kể luôn được cả chuyện hàng tháng nữa :

Hôm nay, sau khi ngủ trưa dậy, đóp xong tô súp tắc rồi làm móng tay móng chân, thử cái lọ thuốc đánh móng chân màu ánh bạc mới mua, em đến Labô của bà cô em thăm con Thảo gàn, bạn em. Con nhỏ này vườn làm ở Phòng Quảng cáo và Giao tế nhân sự, kể cũng lạ, tính nó gàn gàn dở dở vậy mà kếp chủ sự mặt vàng chịu đựng được nó hoài cũng hay. Em đến thấy nó đang lúi húi viết lia lịa, em bèn ghé vào tai nó hỏi lớn : « Viết thư cho kếp hoài vậy mày ! ». Nó giật thót mình, tay đề vào vòng số 1, ra cái điều hết hồn : « Con phải gió ! Đùa kỳ cục thế có ngày tao đứng tim tao chết luôn, có thằng kếp nào đâu mà thư với từ ». « Vậy chắc bạn nghiên cứu « lãng xê » thuốc trừ bệnh đái ngoài đường ? »

Thảo gàn lườm em : « Lúc nào cũng nói tào lao được. Labô bi giờ có làm thuốc mới gì đâu mà «lăng xê». Tao sợ sắp dẹp cửa tiệm đây nè. Mấy tuần nay ở miền Trung mí ly miền Tây chả lấy thuốc gì cả, bi giờ đồng bào thân mến một là khoẻ hai là từ trần không chơi đau ốm nữa, vì thuốc mắc quá và đồng bào kẹt tiền. Bà Cô mày bả cũng xoay sở hay lắm, bả bảo mấy kếp được sĩ bên Ban nghiên cứu làm sao nghiên cứu gấp một thứ thuốc nào mỗi sáng chỉ cần đớp một viên là no cả ngày, chề không thèm đớp cơm nữa, kiểu như thuốc ngựa thai ý mày hiểu không, chỉ khác thuốc ngựa thai thì uống buổi tối, thuốc ngựa đoi uống sáng sớm. Mấy thằng hăm hở nghiên cứu ngày đêm ly kỳ lắm, hai tuần lễ lặn, sau đó cười ngạo nghề dắt nhau vào văn phòng bà cô mày trình kết quả nghiên cứu, ra cái điều tên tuổi 3 chàng được sĩ chuyển này chắc chắn sẽ đi vào lịch sử ngựa đoi. Ai ngờ lúc sau nối đuôi nhau tiu nghỉu bước ra, chúng nó tối dạ lắm mày ơi, vì mỗi viên thuốc ngựa đoi của chúng nó nghiên cứu tính ra bằng tiền 2 tô phở gà đặc biệt cộng với một bữa cơm Tây 3 món và một bữa cơm Tàu 6 món. Bà Cô mày tính bắt cái dịp đồng bào thân mến đang khóc thét lên vì thiếu địa mua gạo để tung thuốc ngựa đoi mà chúng nó làm thuốc mắc như vậy, thì bả không la cũng ưỡng.

Không có việc ngồi buồn, lại nhân đọc báo thấy nói ở Sè goòng đang có phong trào lập Hội nọ Hội kia tùm

lum nên tao thảo cái nội quy định tối đến rủ mày tụi mình lập Hội chơi». Em hỏi : « Hội gì, thuyết trình nghe coi ! » Thảo gàn bèn giảng : « Tao thấy đã có Hội Bạn Người Mù nè, Hội Bạn Người Cùi nè, Hội Bảo Vệ Hạnh Phúc Gia Đình Ông Hàng Xóm nè, Hội Bạn Các Quả Phụ nè, tao định rủ mày lập Hội Bạn Người Giầu... » Em phì cười : « mày quả không hồ danh là Thảo Gàn, nhưng thật quả tao không ngờ càng ngày mày càng gàn nặng hơn ». Nó cáu : « Còn lâu tao mí gàn. Bộ mày tưởng chỉ người mù mí ly người cùi cần bạn còn tụi giầu không cần bạn hay sao ? Mày làm, tụi giầu nó cũng nhiều cái khổ của nó chứ, thiếu gì thằng giầu mới nổi khổ sở vì cái tội đi tắm hơi hoải mà nó không đi hết cái vỏ nhà quê, bận quần áo đắt tiền, ở villa, đi xe hạng sang, bớt được về nhà quê thì lại bị người ta phê bình là nhà mùa — Mày có thấy vợ chồng kếp nào ngồi xe hơi «Đờ luych» mà cười duyên mí nhau không ? Sức mấy, mắt chàng với nàng mỗi đứa nhìn về một phía, thừa tiền đứng mở mày hiểu không, chàng còn nghĩ tới vợ nhỏ, nàng thì nghĩ đến chuyện «soa», các thứ soa — Mày có thấy đứa con gái tỷ phú nào mà đẹp chưa ? Không làm gì có, nếu may mắn có được cái mặt dễ nhìn, thì người cũng ghê tầu hay bị bệnh da cóc kinh niên, còn thì phần lớn mắt trắng, môi thâm, răng lập thề, mũi cà «Tô mát», môi có râu lún phún. Luật thừa trừ của Tạo hóa mà mày !

Cho nên tao thấy cần có Hội Bạn Người Giầu, đề an ủi tụi nó, đến thăm nom tụi nó, giúp chúng nó tiêu tiền một cách lành mạnh như mời tụi mình đi đớp chẳng hạn....» Em thấy ý kiến nó có vẻ xây dựng, bèn đồng ý: « Nghe có vẻ được đấy mày. Nhưng mày định mời ai làm Hội-trưởng? » — « Tao còn đang nghĩ, chắc sẽ mời một khuôn mặt lớn, một kép mót được người ta nhắc đến nhưng tài nghệ không có bao nhiêu ». Em vội can: « Không được mày ơi. Hội Bạn Người Giầu thì có gì mà người ta nhắc đến luôn. » Thảo gàn trình bày chi tiết: « Thiếu gì cách, cái gì chứ Hội Bạn Người Giầu thì chắc sẽ nhiều hội viên, tao sẽ theo rồi họ hàng làng nước các hội viên có ai từ trần là tao đăng chia buồn lu bù trên báo, ví dụ: Vô cùng đau đớn được tin Cụ Trần văn X là thúc phụ của phu-nhân của bào-đệ ông Lê-văn Y. hội viên Hội Bạn Người Giầu đã từ trần. Cầu chúc linh hồn Cụ... (chúc linh hồn này đi đâu còn tùy ông theo đạo nào) Dưới ký: Ông NG. VĂN TÈO, Hội trưởng Hội Bạn Người Giầu ».

— Em nêu thắc mắc: « Lỡ ông theo đạo thờ vợ thì mày chúc làm sao? » « Đó là chi tiết thi hành, rồi tính sau » Em bàn thêm: « Được lắm, tao có ông bác làm tùy phái ở báo Chính Luận đã 10 năm nay, chắc nhờ ông đăng chia buồn thế nào cũng được bớt mày ơi ». Thảo gàn khoái quá: « Vậy thì đỡ quá, tụi mình sẽ cố gắng mỗi ngày chia buồn

một cái là có tiền 2 đũa ăn sáng. »

Nghe nó nói tới ăn sáng, tự nhiên cơn đói của em nó lại bộc phát. Em hay đói vặt lắm các Cụ ơi, nên cứ phải ăn quà vặt dài dài: hết phở lại bún ốc, hết bánh tôm lại hủ tiếu v.v.

Nhắc đến đớp phở, lại thấy buồn 5 phút. Hồi này các đảng chủ tiệm phở không dám tăng giá phở lên nữa vì sợ đồng bào thân mến quay ra đớp cơm nguội hết, nhưng rút bớt thịt, bánh, nước lèo đi thành thử tô phở chỉ còn bằng nửa ngày trước. Hồi trước ăn một tô phở gà đặc biệt với 2 cái bánh rán là no, bị giờ đâu có no nổi. Tức cười, hôm qua thằng Hoàng — thằng này là kép em, sinh-viên Quân-Y, coi cũng cao ráo sạch sẽ, chỉ bị cái tội không được thông minh cho lắm — nó tới rủ em đi em ăn sáng. Cỡ 15, 16 dương lịch là nó gần cạn tiền rồi, nên lúc đớp một tô gần xong, em còn liếm môi có vẻ luyến tiếc chưa chịu no, nó không dám mời em ăn tô nữa sợ em nhận lời thì kiệt, bèn giả bộ suýt soa: « Nóng quá, toa ơi, đúng là bát cơm đôi bát mồ hôi. Toa ăn lẹ lên rồi đi ra cho nó mát ».

Nhắc lại, em thấy cơn đói lên, em bèn rủ con Thảo gàn linh về, đi ăn cái gì. Nó bèn rút trong ngăn kéo ra một khúc bánh mì thịt, chia cho em một nửa. Nó vừa gặm bánh mì vừa tuyên bố: « Bị giờ rồi hết dám đi ăn tiệm nữa mày ơi. Tụi nó được dịp chém ghê quá. Mấy anh nghị đáng lẽ lo dùm dân thì đi lo cái việc gì đâu. Tao tức cười có anh nghị

nào anh ấy tổ ở đường Yên Đồ có
13 ồ điểm báo hại con Liên làm ở
bên Trình Dược, nhà nó ở Yên Đồ,
nó nói chuyện từ hôm báo đăng cái
vụ đó, nó không dám đi ciné về
khuya nữa, sợ bị lăm là... đảng ta ».

Đầu vung vít đã dài, em xin phép

ngưng ở đây và tạm biệt các Cụ.
Đọc lại từ đầu, em thấy hôm nay em
toàn nói chuyện ăn không à. Có lẽ
tại vấn đề chính trong tháng của
« đồng bào thân mến » chung quanh
em là : GẠO chăng ?.

THU HIPPY

nhà xuất bản TRÍ ĐĂNG

Phát hành cùng một ngày 15-9-73 trên toàn quốc
hai tác phẩm đặc sắc của NGUYỄN MỘNG GIÁC

Tập truyện ngắn :

BÃO RÓT

và truyện dài :

**TIẾNG CHIM
VƯỜN CŨ**

Hai tác phẩm cô đọng nổi ưu tư chung của thời hậu chiến

* Chúng ta có một chữ kỳ dị. Đó là chữ «*thống khoái*». Tại sao đã
đau đớn (*thống*) lại còn *khoái* ?

* Tuy nhiên *thống khoái* đúng là cái cảm tưởng khi đọc *Truyện Kiều*
của Nguyễn Du, đọc *Le Pavillon des Cancéreux* của A. Soljenitsyne... cũng như
đọc **CHIẾC MẶT NẠ DA NGƯỜI** của Nguyễn Xuân Quang. Nghĩa là khi đối diện
với những đau khổ cùng cực của kiếp người, hoặc dồn dập trên đám trẻ con Do-
thái, hoặc trên một cô gái long đong, hoặc trên đám tù nhân dưới chế độ độc tài,
hoặc trên những cơn bệnh hiểm nghèo...

* Tại sao những cảnh thê thảm ấy làm ta say mê ? Phải chăng con người có
cái tâm lý mâu thuẫn lạ lùng là *khoái* biết đến cùng những gì *đau đớn* nhất có thể
xảy đến cho con người ? Muốn rõ hơn nên tìm đọc :

CHIẾC MẶT NẠ DA NGƯỜI

của Nguyễn Xuân Quang

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

TRỤ-SỞ CHÍNH : 61-63-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.460 — 98.700

Chi-Nhánh Cholon :	47-49 Tổng Đốc Phương Cholon	ĐT : 51.047
—	Cầu Ông Lãnh : 21 Bác-sĩ Yersin Saigon	ĐT : 99.386
—	Gia-Long : 121-123 Gia-Long Saigon	ĐT : 96.827
—	Biên Hòa : 10 Nguyễn Hữu Cánh BH	ĐT : 36
—	Ban Mê Thuật : 80-82 Quang Trung BMT	ĐT : 148.083
—	Vinh Bình : 24 Gia-Long Vinh-Bình	ĐT : 092
—	Sađéc : 139-141 Tổng Phước Hòa Sa-Đéc	ĐT : 114
—	Đà-Nẵng : 197 Độc Lập Đà-Nẵng	ĐT : 21.077
—	Thị-Nghè : 22 Hùng Vương Thị-Nghè	ĐT : 96.251
—	Long An : 36 Thống Nhất Long-An	ĐT : 48
—	Vinh Long, 49 : Phan Thanh Giản V.L.	ĐT : 093

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM ĐỊNH-KỲ VÀ ĐỊNH-KỲ :

— Dưới 3 tháng	17%
— Từ 3 đến dưới 6 tháng	19%
— Từ 6 đến dưới 9 tháng	21%
— Từ 9 đến dưới 12 tháng	23%
— Từ 12 tháng	24%

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM :

- 17% mỗi năm : nếu không dự xđ-số
- 13% mỗi năm : nếu có dự xđ-số
- 4% mỗi năm : để xđ-số
- Tiền lời tính theo kết-số dư hàng ngày
- Muốn rút vốn ra bất cứ lúc nào cũng được

LÃI-XUẤT TÍN-DỤNG :

- Từ 14% đến 28%.

כפל

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Công viên, dạ khúc

Trúng lộn... ời.. ! Tiếng rao từ cuối xa, tròn, điệu nghệ. Âm thứ nhất đường bị nuốt chừng hết nửa ; âm dấu nặng trong tiếng thứ hai bắt thần chuyển thành âm dấu huyền cách tự nhiên, trước khi sang tiếng ời kéo dài đến lả — nghe ngộ nghĩnh, buồn cười.

Trúng lộn... ời... ! Âm thanh lẻ loi trên đường lúc mười giờ đêm của một thành phố ngủ sớm. Tưởng tượng tiếng rao là cánh dơi bay thoát từ một cặp môi há tròn, chập choạng vút lên vòm cây tối, rồi đâm bổ vào những cánh cửa đóng, lặn lóc, ngắt thiếp, đề rồi bật trở dậy: Trúng lộn... ời... ! Cùng với tiếng rao, chiếc đèn lồng di động nổi rõ giữa quãng đường âm u mù sương. Ngọn lửa bé bằng hạt bắp chao chộng không ngớt. Tôi quay lại, tưởng chừng bắt gặp ngọn lửa ma ảo ấy trong đôi mắt long lanh bóng tối của Huyền.

— Gì vậy anh ?

— Tiếng rao.

— Có chi lạ đâu ?

Giòng sông lực lưỡng căng màu mực xạ. Ánh sáng từ các trụ đèn đường lọc qua đám cây lá công viên đổ xuống bờ sông từng vũng sáng mặt, hực hoi. Sao nhấp nháy đá lòng

nheo nhau trên trời và tôi, Huyền, trên ghế đá. Chỗ nghỉ chân được chọn sau hồi cãi vã nhỏ. Huyền nhất định bảo ghế đá công viên, ban đêm, là chỗ tình tự rẻ tiền của những cặp gái trai rẻ tiền. Tôi cười, bộ tội mình đắt giá lắm sao ? Huyền nổi sùng, không đắt nhưng em không đòi nào chịu vào công viên, dù chỉ đề ngồi lại một phút.

Một phút đã qua, và lúc này tiếng rao đang tiến gần lại.

— Thành phố chỉ còn có ba người thức.

— Ai anh ?

— Em, anh, và bà bán hột vịt lộn.

Nụ cười Huyền không rõ bằng mùi chanh phả từ mớ tóc rối gió của nàng. Hơi ẩm quện hai bàn tay siết lấy nhau. Sương vỡ mận trong miệng lúc tôi ngậm chót mũi nhón nhón của Huyền, mắt vượt khỏi vầng trán nàng, thấy chiếc đèn lồng vừa tới trước cổng ngôi trường bên kia đường. Không dừng tôi nghĩ, bằng cách nào đó, đoạt chiếc đèn lồng của người đàn bà bán hàng, xách đi long rong trong phố vào giờ này hẳn thú vị lắm.

— Em thích có một cái đèn lồng không ?

Huyền ngo ngoác :

— Đề chi ?

— Xách đi chơi, không thú sao ?

— Trẻ con cũng chào thua anh.

— Thật đó, em thích không ?

Huyền nhìn tôi, mắt ánh vẻ tò mò giấu cợt :

— Nếu em bảo thích ?

— Anh sẽ giết bà bán hột vịt lộn, đoạt chiếc đèn.

Huyền cười :

— Bằng cách nào ?

— Siết cổ chẳng hạn.

Cả hai cười thành tiếng. Chiếc đèn lồng bên kia đường xa thêm một quãng, ngọn lửa trong lồng kính chao chộng ngoạn mục.

Tôi ra đứng bên vệ cỏ, lên tiếng gọi .

Bà bán hàng hấp tấp quay bước trở lại.

Chiếc đèn lồng đặt trên đầu ghế đá, tỏa vòng sáng vàng mờ xuống chiếc rổ lộn ngồn hột vịt. Mớ rau răm xanh nổi quanh bàn tay Huyền lọc lựa. Chừng như Huyền tin tôi có ý định sẽ siết cổ người đàn bà thật, đôi mắt nàng chốc chốc rời chiếc rổ, ném về phía tôi những tia nhìn canh chừng.

Tôi làm bộ chẳng hay biết, chú mục ngắm ngọn lửa diu diu đùa gió.

Bốn tấm kính hình chữ nhật bao vây ngọn lửa nhỏ. Chiếc đèn nom cồ lổ, sao lúc nó chao chộng trong sương trông quyến rũ tuyệt vời thế ?

Tôi xách chiếc đèn treo lên nhánh cây trên đầu. Huyền cản :

— Đề yên đó em mới thấy đề lựa trứng tốt chứ.

Tôi mang đèn trả lại chỗ cũ.

Người đàn bà mỉm cười. Cần cò ngẩn lắp ló sau vòng khăn quăn kẻ ô ca-rô tím đỏ. Chỉ cần cầm hai đầu khăn siết lại. Giản dị chỉ có thế. Tôi tự hỏi lúc giết người, những tên sát nhân có nhìn kỹ nạn nhân không ?

Những chiếc trứng lần lượt bị bóc vỏ. Mùi rau răm, tiêu muối, trộn lẫn mùi đêm tan trên đầu lưỡi chất béo bùi ngọt bở.

Lát sau, chiếc đèn lồng di động dưới hàng cây, ra đường, bỏ lại đám vỏ trứng trắng ửng vỡ nát trên cỏ. Sương mù dâng ngút mặt sông. Huyền có vẻ lạnh.

— Lúc này em sợ sợ.

— Chiếc đèn lồng đẹp đó chứ ?

— Thuở nhỏ em từng mơ ước có cái đèn lồng để được nhập bọn bảy trẻ cùng lứa đi chơi đêm trung thu.

— Thế à ? Tội chưa !

— Tuổi nhỏ em nghèo sát đất. Sớm mai mở mắt ra là thấy cát. Đêm ngủ sóng găm rách rưới cả hồn.

— Bây giờ mỗi năm em còn mơ có đèn đi chơi đêm trung thu nữa không ?

— Từ năm mười bốn tuổi em bắt đầu ghét những đêm thiên hạ gọi là trung thu. Sợ luôn cả những đêm rằm.

— Kỳ cục vậy ?

Váng vất chút rã rời trong giọng nói. Đầu Huyền ngã nặng tưởng chừng không có cánh tay tôi đón đỡ, nàng sẽ rơi tồm vào giấc ngủ thiu thiu. Thành phố chìm hẳn vào một dấu lặng lớn. Những nốt nhạc mơ hồ gợn lặn tẩn trên da, dưới những ngón tay lùa nghịch. Kẻ này là cái đàn dương cầm của kẻ kia.

Chiếc đèn lồng khua đầu góc phố, ngã tư. Tiếng rao bắt hẳn. Cổng trường phía bên kia chợt mở toang. Lớp học đêm vừa mãn. Xe cộ nồ máy, tuôn khói, đèn quét sáng. Con đường bàng hoàng thức dậy. Lũ cây thoảng giạt mình rụng lá chao lượn dưới ánh đèn. Cảnh tượng bên kia đường chẳng dính dấp gì đến thời tuổi nhỏ của Huyền cả. Nàng tiếp tục kể lè :

— Chỗ em ở gần như là trung tâm của những cơn bão rớt quanh năm. Nhưng không phải vì thế mà không có những đêm trăng đẹp. Anh đừng cần biết những hôm trời bão em hoảng sợ đến thế nào. Anh nhắm mắt tưởng tượng một đêm trăng đi. Trăng tươi ướt dấy đồi cát rộng mênh mông sau nhà. Đêm trung thu. Đường dẫn lên ngôi nhà thờ phía tây náo nhiệt tiếng cười nói của trẻ nít. Cha xứ đang đợi bọn nó giữa sân gạch với bánh trái và đồ chơi. Những chiếc đèn lồng giấy sáng lấp lánh đủ màu, kéo dài suốt một đoạn dốc. Em mười bốn tuổi, không có đạo, không có đèn, nên chỉ biết ngồi dưới gốc dương, dòm lên,

hưởng trộm hương vị tết trung thu của kẻ khác, lơ mơ nghĩ đến một ông già Nô-en thật hiền từ và lòng lẫy. Ông già Nô-en mà những đứa có đạo thường khoe với em. Chúng ta tí mĩ bộ râu ông dài thế nào, chiếc áo chùng màu gì, cả cái gậy làm bằng thứ gỗ gì nữa. Tụi nó thật sung sướng, hãnh diện. Giữa đêm trung thu, em đã nghĩ đến ông già Nô-en và những phép lạ tuyệt diệu của ông ta vì em tủi thân quá. Em tự hỏi, mình ngoại đạo, nếu ông già Nô-en vụt hiện, liệu ông ấy có cho mình một chiếc đèn lồng theo lời thỉnh cầu không ? Có đèn, em sẽ nhập bọn cùng tụi nhi đồng đến sân nhà thờ nhận đồ chơi của Chúa ban, qua tay cha xứ. Em nuốt nước bọt tưởng đến những miếng bánh căn ngập răng, ngọt lịm chất đường mật.

Con bé mười bốn tuổi ngủ thiếp trong mơ tưởng đẹp. Rồi nó bỗng giật mình thức dậy, ngơ ngác thấy trước mặt mình có một người tay xách đèn lồng đứng đó tự bao giờ. Không phải ông già Nô-en đâu. Đó là ông Khải, người phụ việc trong nhà thờ. Mỗi sáng mỗi chiều, tiếng chuông trùm phủ cả vùng biển là do ông ta kéo đồ. Con bé nhìn chiếc đèn lồng, mắt rục sáng ham thích. Người đàn ông mỉm cười trao đèn cho nó. Con bé âu yếm vuốt ve chiếc đèn vẽ hoa xanh đỏ, ngọn nến cháy bập bùng theo từng nhịp tim nháy múa hân hoan trong lồng ngực nhỏ, quên cả người đang đứng ngẩn trước mặt nó. Ông Khải hứa sẽ dẫn con bé lên nhập bọn với tụi nhỏ trên nhà thờ, sau khi

vào xóm có tí việc trở ra. Con bé treo chiếc đèn lên cành cây, nằm dài trên cỏ ngắm nghía chờ đợi. Nhưng khi ông Khải trở lại, thay vì lên nhà thờ bằng lối trèo con dốc, ông ta dẫn con bé đi vòng con đường phía sau bãi. Ở bãi chỉ có trắng, cát, những vỏ sò vỏ ốc. Không có ai ở đó...

Con đường im vắng trở lại. Đêm sâu hút thêm trong đôi mắt mở lớn của Huyền. Cánh tay tôi dưới đầu nàng tê chồn như đã chết. Chuyện kể của Huyền mang tiếng sóng biển về dội lan man trong đầu. Tôi đốt điếu thuốc. Huyền bình thản:

— Cái đau rát của đêm mười bốn tuổi em còn nhớ mãi tới bây giờ.

Còn chiếc đèn lồng, đêm trăng? Hẳn chúng đã cháy thành tro than vùi quên dưới cát!

— Có lần nào em gặp lại già Khải không?

— Vài tháng sau ông Khải mắc bệnh khủng, đêm bão leo lên tháp hải đăng nhảy xuống, đập đầu trên ghềnh đá. Chị Hạnh mang em đi biệt từ đó đến nay, chưa bao giờ trở lại.

Tôi cúi nhặt chiếc vỏ trứng rỗng đặt vào lòng tay Huyền vỗ về:

— Bóp vụn nó đi. Cái vỏ trứng là tuổi nhỏ của em đó.

Một chiếc xe đạp đeo một gái một trai bỏ con đường, chầm chậm rẽ vào công viên. Những vòng bánh xe quay lấp loáng ánh đèn. Đứa con trai vừa khoan thai nhấn bàn đạp vừa quay lại trò chuyện với bạn.

Đứa con gái có mái tóc dài bay dạt phía sau, khuôn mặt thuần dịu tươi tỉnh. Xe tới gần, tiếng bánh lăn siết trên lối sỏi lạo xạo. Đứa con gái nhỏ nhẹ bảo bạn:

« Chỗ mình có người khác ngồi rồi anh. »

Đứa con trai cười mỉm, ném nhanh về phía tôi cái nhìn chào, rồi dong xe ra mạn bờ sông.

Chỗ mình? Chúng tôi đã ngồi nhầm chỗ họ. Bao nhiêu đôi tình nhân diễn hành qua, dừng lại trên những lối sỏi, ghềnh đá, tàng cây bóng lá này? Bao nhiêu cặp vui thỏa? Bao nhiêu cặp tan vỡ. Lẽ ra, chúng tôi nên nhanh chân đứng dậy, nhường chỗ cho họ, vì biết đâu đứa con gái đang bức tức vùng vằng đòi về, khi thấy chỗ ngồi thường ngày đã bị kẻ khác chiếm ngự, và gã con trai đang phải khô cò đồ ngon đồ ngọt bạn lòng của hân, cố gắng đừng xóa bỏ một đêm vui. Hoặc có thể hân sẽ đề nghị tới một chỗ nào khác, đứa con gái nhất định không thềm nghe (?)

Đêm trăng tuổi nhỏ của Huyền gọi nhớ từ chiếc đèn lồng người đàn bà bán hột vịt lộn, chiếc xe đạp, đôi trai gái, đêm. Tất cả chừng ấy thứ điệp lẫn vào nhau dưới bầu trời nặng hơi sương, dội qua trí tưởng của tôi những hình ảnh vừa lạ lùng vừa quyến rũ.

— Lẽ ra em không nên kể anh nghe chuyện đó.

— Chuyện gì?

— Thời tuổi nhỏ của em, ông Khải và...

— Kỷ niệm nào cũng đáng quý.

— Nhưng có những cái lúc nhớ lại người ta hết ham sống.

Tôi cầm lấy chiếc vỏ trứng trong lòng tay Huyền bóp nát vụn. Những mảnh vụn trắng ngà rải xuống nền cỏ tối, giống bông trứng cá rụng trên thềm nhà, những ngày đầu mùa mưa.

— Ngày mai, anh nhất định đi sao ?

— Thì cũng như những lần trước vậy, có gì lạ đâu ? Anh đi chuyến này nữa rồi thôi.

Huyền như muốn khóc :

— Em cảm tưởng chuyến này anh đi lâu hơn. Ngày mai, có lẽ em cũng đóng cửa quán luôn. Anh nghĩ coi rông rã bảy tám năm ngồi miết sau cái quầy hàng cũ kỹ đó, pha mãi những thứ thức uống đó, chạy hoai những băng nhạc đó, bộ không chán lắm sao ?

— Nhưng dù sao cũng còn có chị Hạnh.

— Chị Hạnh. Bà ấy chỉ là cái bóng không hơn không kém, cái cột nhà thì đúng hơn.

— Tội nghiệp chị Hạnh. Cái chết của anh Cương quá đột ngột, chị ấy chưa diên khùng đã là may.

— Nhiều đêm nằm nghĩ đại, em muốn đốt quách cái quán, căn nhà, về biển ở đỡ nản hơn.

Quán dưới chân con dốc, dựa lưng tường rào đồ nát của một ngôi nhà bỏ hoang lâu năm. Ngôi nhà tôi đã

ở qua vài mùa mưa nắng với khá nhiều kỷ niệm. Nhà bỏ hoang từ sau ngày ông nội Huyền lên trời. Tôi tới, đặt tay xóa những lớp bụi trên mặt lũ bàn ghế, đánh thức nó dậy, sau hai ba năm gì đó vắng bóng người.

Ngày đầu tiên, chính Huyền đã hạ tấm bảng «Nhà Cho Thuê» xuống, mở cửa cho tôi vào, lau chùi xếp dọn chỗ nằm, phụ một tay khiêng chiếc bàn nhỏ kê bên cửa sổ, treo lại tấm màn chắn gió... Khách thuê và cô chủ nhà trẻ cùng cảm thấy lạnh trong cơn mưa đổ xuống chiều trắng xóa, giữa căn nhà hiu quạnh.

Sau này quen thân, chị Hạnh cười bảo, cậu cứ coi ngôi nhà là gia tài cậu thừa hưởng. Chị em tôi lui tới ở quán cũng đã quá rộng. Vui cứ ở, buồn, cậu có thể đốt nhà, ra đi. Sao không kéo quán lui vào vườn, ở ngay trong nhà có phải ấm áp, vui vẻ hơn không ? Chị Hạnh cười cười, số tui này chỉ thích ở ngoài đường, không ở được trong nhà.

Từ nhà ra quán, lối đi quanh năm lót dày lá mục. Cây cối trong vườn không ai chăm sóc, tha hồ trời mạnh lá cành. Tôi đóng vai kẻ thừa tự, ngày đêm rình rập ngọn đèn nhỏ cháy leo lét trên bàn thờ ở căn giữa, hễ thấy tắt, quẹt diêm châm lửa lại. Nhà cổ, một gian hai chái. Tường vách rêu phong toát hơi lạnh đầm đẫm, tạo cho khoảng không gian nhỏ hẹp thứ khí hậu riêng biệt. Ngôi nhà dần trở nên quen thuộc từ cục gạch vỡ đầu bậc thềm, đến vài chỗ đột trên mái ngói. Vuông cửa sổ um tùm giấy

leo bông giấy, mở sâu vào khoảng trời đan mảnh khảnh lá dừa, lá ổi, đã cho tôi thấy những đêm trăng tối, những ngày mưa về, và từng canh khuya nghiêng lòng đợi tiếng chân của Huyền từ quán trở vào, bước hôn mê trên lối đi êm đềm lá mục.

Tiếng thần lẫn chắc lưỡi thương kéo cột, tiếng ệnh oạng óc ách gọi mưa ngoài bia vườn, tiếng chim gù động tình trên mái ngói. Đó là những âm thanh thân thiết nhất, khó thể quên.

Những ngày rảnh rỗi, tôi ra quán giúp Huyền pha cà phê, thay băng nhạc, bung thức uống chiều đãi khách, sinh hoạt trong không khí gia đình đầm ấm. Những hôm lễ vui bạn bè về muộn, Huyền phụng phịu ngồi ngáp đợi bên mâm cơm, từ bi như một bà mẹ, thương mến tựa một người chị, âu yếm in một người vợ. Đôi khi, Huyền quên nàng chỉ là người tình.

Dù nói đùa, chị Hạnh vẫn giữ nguyên ý định ban đầu, tiếp tục coi tôi là kẻ thừa tự. Có khi đi tới sáu bảy tháng, trở về, chỗ ngủ tôi vẫn giữ nguyên đồ đạc cũ. Chị nhất định không treo tấm bảng "Nhà Cho Thuê" lên cửa lần thứ hai.

Chị Hạnh hụt bước từ mối tình thứ nhất năm mười chín. Năm ba mươi tuổi, anh Cương đến đặt vào lòng chị tình yêu thứ hai. Anh bị chiến trường giữ lại, vĩnh viễn không về nữa, chị tiếp tục lỡ thì. Và Huyền, dù đã quen chờ đợi, bây giờ hình như nàng bắt đầu nản

những chuyến đi về bất thường của tôi.

— Có khi em nghĩ anh lừa phỉnh em. Chuyến nào cũng bảo là chuyến cuối. Anh về, em lại thấp thỏm lo anh đi. Mỗi sáng thức dậy, nhìn vào ngôi nhà quanh quẽ, em vẫn ngỡ như anh còn trong đó. Nhưng lúc gõ cửa, chẳng có ma nào trả lời. Em khóc.

— Cứ hy vọng chuyến này là chuyến cuối đi. Anh cũng cảm thấy mệt mỏi quá rồi.

Huyền bật khóc tức tưởi:

— Hình như suốt đời em bị kẻ khác lừa phỉnh. Năm mười bốn tuổi, bị già Khải dùng chiếc đèn lồng làm mồi, giờ đến lượt anh, rồi còn những ai nữa?

Từng cơn nấc nghẹn âm âm dội sâu hút, nhói tê tim phổi. Tôi đốt thêm điều thuốc mới, thổi khói mù khoảng đêm trước mặt. Cuối những đường dài, bao giờ cũng kết thúc bằng tiếng khóc của Huyền. Tiếng khóc thường tan mau đằng sau bụi mù, sau những chuyến xe rời thành phố vội vã ra đi, để rồi vụt xao xác thức dậy ở nơi nào đó, trong đêm sửa soạn hành lý trở về.

Huyền chỉ mong cuối đường dài của tôi không phải là những chuyến xe, ga trạm, mà là một đám cưới, một ngọn đèn đỏ—dừng—trời chân tôi lại bằng những sợi ràng buộc êm ái của nàng. Đám cưới linh đình hoặc đơn sơ đạm bạc đã lắm lần đề cập tới, rồi biến khuất sau những khát hẹn.

Sao vậy ? Câu hỏi vừa thốt ra, tức khắc những đám trường mệnh mông mở rộng, nuốt chửng.

Con khóc dẫn nguôi ngoai. Giọng Huyền trong vắt tựa bầu trời sau cơn mưa :

— Không tin lắm, nhưng anh hứa đi. Em muốn nghe anh lặp lại lời hứa như những lần trước.

— Ngày mai anh đi chuyển cuối. Ở nhà ngoan. Anh sẽ về, mang theo một đám cưới.

Chúng tôi hôn nhau. Miệng Huyền tanh tươi mùi hột vịt lộn lẫn nước mắt mặn nồng.

— Về anh, em lạnh !

Trên lối mòn trái đầy lá mục, men theo bờ cỏ rộng dọc bờ sông, vai tôi ngã nặng đầu Huyền, và bốn bàn chân phiêu bồng những bước.

Dòng sông đen nhuyền mực xạ, mê hoan từng vùng sáng dâm dật hắt ra từ những mũi thuyền bồng, âm u giọng cười gái dĩ và khách tìm hoa. Công viên mệnh mông tựa sàn nhảy lớn. Tôi đưa Huyền bước theo điệu nhạc đầm trầm nào đó, không nghe rõ. Những nốt nhạc gọn lao xao buồn bã trong lòng nhau.

— Thành phố chỉ còn có hai kẻ thức.

— Ừ. Anh và em.

Địu nhau về. Hai chiếc gối, một mặt giường êm đang đợi. Hơi ấm là chất keo dán chặt anh vào em đời đời. Vợ chồng. Nô lệ nhau từng thói quen nhỏ nhất, nét xấu tật hủ. Ghiền

từ hơi mặn đến hơi nồng. Cách nhau một gang tay đã nhớ, giây phút đã mong. Đám cưới. Hai người biểu diễn trò chơi đeo nhẫn trước sự chứng kiến của nhiều người, hoan hỉ tiếng cười, hoa hòe lời chúc tụng. Em uống thật nhiều rượu để môi má giữ chất hồng hào đến năm mười năm. Tàn hôn. Anh nâng niu gương nhẹ bồng bề, cảm tạ ơn cha nghĩa mẹ bú mớm, nuôi dưỡng cho em thơm em đẹp, cho anh một gia tài vô giá. Rồi gì nữa ? Tôi khẽ rùng mình, lan man nghĩ đến chuyển đi vào ngày mai : Ly cà phê, bữa ăn sáng lúc 6 giờ. Chuyển xe khởi hành vào hồi 7g,30. Những lời dặn dò lầm cầm của chị Hạnh. Vài giọt nước mắt của Huyền. Phần còn lại. Con đường mở ra dài hút.

— Trông kia, anh !

Thốt nhiên, Huyền dừng lại la khẽ. Theo hướng mắt nàng, tôi quay nhìn lùm cây bên phải lối đi. Ánh sáng đèn đường dội hắt vào, soi rõ hai khối bóng đặc cứng, treo tòn teng lưng chừng giữa cành cây và mặt đất, tựa hai trái me khô lớn. Chiếc xe đạp nằm trơ vơ trên mặt cỏ. Huyền run rẩy bầu chặt cánh tay tôi :

— Gì vậy anh ?

— Hai người treo cổ. Cặp gái trai vào công viên lúc này.

Mắt Huyền xoáy tròn lóng lánh hai điểm sáng kinh dị. Nàng quì gối ngồi bệt giữa lối mòn.

Tôi bước qua bờ cỏ. Gió bay bay

tóc đưa con gái, hai ống quần gã con trai. Trần gian từ đây tắt hẳn hai môi cười. Hàng ngũ tuổi trẻ thiếu mất một đôi cặp. Thiên đường hoặc địa ngục mở rộng cửa đón hai linh hồn vào. Một đám cưới không bao giờ có. Hai đám tang chắc chắn sẽ được cử hành, phồn thịnh tiếng khóc, lặng lẽ, hay rình rang trống kèn. Mặt đất thêm hai năm mồ. Đám đông hiếu kỳ xôn xao bàn tán. Trang 3 các nhật báo tận tình khai thác, tha hồ thêm muối ớt chanh đường cho một chuyện tình thời đại, phóng sự kéo dài hàng tuần lễ, với những tit lớn lôi cuốn độc giả. Và hết.

Tôi dựng chiếc xe đạp đây, dắt xe đến bên Huyền :

— Về thôi em.

Huyền cơ hồ không đứng dậy nổi, ngạc nhiên ngơ ngẩn nhìn tôi.

— Tạm mượn chiếc xe, họ chết rồi, không xài nữa.

Khó khăn lắm tôi mới đặt được

Huyền ngồi lên bót-ba-ga. Nàng ôm rít lấy lưng tôi ú ớ :

— Đi mau anh, em chết mất. Sao họ... kỳ cục vậy ?

Tôi nghe tiếng mình tan trong gió :

— Một mối tình tuyệt vọng, một hạnh phúc không vui thỏa, một trắc trở trên đoạn đường lưa đôi, một cái chết sắt cầm hòa hợp, trăm năm vĩnh kết, loan phượng vầy đôi...

Những vòng bánh xe quay vờ vụn ánh đèn. Mặt đường ướt rươi sương, nín câm từng bầy lá chết. Đêm bất thần bị xé toạc bởi hồi còi dài từ mạn đông nam thành phố lạnh lạnh thét. Còi loan tia vừa có đôi trai gái trẻ tuổi treo cổ trong công viên ? Không, còi báo giờ giới nghiêm.

Từ một ngã đường khuất khúc, chiếc đèn lồng vụt hiện lao chao trong sương, tiếng rao không nghe thấy. Tôi nhắm thẳng ngọn lửa âm hồn ấy, cho xe lăn chậm chậm tới.

MƯỜNG-MÁN

TIN MỪNG

Được hồng thiếp báo tin Ông Bà **TRẦN NGỌC TRIÊM** ở 464 Trương Minh Giảng Saigon sẽ làm lễ Vu quy cho Thử nữ là **Thêrêsa TRẦN THỊ BÍCH NGÀ** với **Phanxico Xavie NGUYỄN KẾ XƯƠNG**. Hôn lễ sẽ cử hành ngày 15-9-1973 tại Thánh đường Đồng Tiến vào lúc 15 giờ,

Xin thành thực mừng Ông Bà Trần Ngọc Triêm và chúc cô dâu chú rể trăm năm hạnh phúc

Ông Bà **LÊ NGỘ CHÂU** (Bách Khoa)

LỬA THIÊN

120 Đinh Tiên Hoàng — Saigon 1

Điện thoại: 94.494

● Đã phát hành :

- 1. ĐƯỜNG LÊN HÒA TINH của Trần Kim Thạch
- 2. ĐẤT NƯỚC QUÊ HƯƠNG của Võ Phiến
- 3. NGÂN HÀNG của Hoàng Ngọc Khiêm
- 4. CHÂN DUNG TRIẾT GIA của Đặng Phùng Quân
- 5. CHIẾN LƯỢC VÀ CHIẾN THUẬT TRONG ĐỆ NHẤT VÀ ĐỆ NHỊ THỂ CHIẾN của Hoàng Ngọc Thành

● Đang in :

- 1. CƠ CẤU VIỆT NGỮ của Trần Ngọc Ninh
- 2. KIẾP NGƯỜI của S. Maugham
Bản dịch của Nguyễn Hiến Lê
- 3. CĂN BẢN ĐỊA TÀNG HỌC của Trần Kim Thạch
- 4. LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT CHÍNH TRỊ của Nguyễn Ngọc Huy
- 5. HÁN VĂN TÂN KHÓA BẢN của Nguyễn Khuê
- 6. NGUYỄN TRÃI của Nguyễn Thiên Thụ
- 7. THỐNG KÊ THỰC DỤNG của Lý Công Thuận
- 8. CĂN BẢN TRỒNG CHUỐI CẢI THIỆN của Tôn Thất Trình

Khi qua trường học cũ

Thơ HOÀNG LỘC

gửi Uyên

ngôi trường bây giờ em theo học
10 năm xưa ta cũng đi về
đi 10 năm một thẳng xuôi ngược
những điều trong mộng đã vàng hoe

em chớ vội cười ta bất nghĩa
10 năm không ghé lại thăm trường
em cứ chê lòng người dẫu bề
đâu có hay đời ta tang thương

thuở đó — khi xa — thầy dạy cũ
nhìn ta nghĩ chắc phải danh thành
10 năm — 10 năm — còn chưa đủ
tên học trò không chịu hiển vinh

ngày đó bạn bè hơn trăm đứa
mà ta hồ dễ đã thua ai
ngày đó xa trường hơn trăm đứa
sao mỗi mình ta lỡ vận h ai ?

ta có yêu đôi người gái đẹp
tình như mây một thuở — tan rồi
và em cũng là loài gái đẹp
nên sợ tình ta còn mây trôi

những lúc mơ hồ nghe tiếng gió
ta riêng cơn lốc dậy trong hồn
em chắc ham vui ngày sách vở
đâu có hay vai người gió sương

những lúc về — ta rơi nước mắt
qua trời thị xã — cổng trường xưa
10 năm — đời ta lẫn khổ nhọc
còn gở buồn tênh khúc nhật thừa...

Gã hàn sĩ ấy lại ra đi

Thơ PHẠM CAO HOÀNG

Ra đi trắng xẽ ngang đầu núi
Đất tiền người reo khúc biệt hành
Tay vịn cửa sổ. Tay vịn áo
Khói quện đầu hiên. Sương tan nhanh

Bước đi ta, sá gì vạn dặm
Đường xa còn có rượu giang hồ
Có trong ta những giòng sông trắng
Chảy êm đềm như tóc em xưa

Bước đi ta dưới trời thu xám
Dừng dằng cũng chỉ bấy nhiêu thôi
Cớ sao trong máu nghe nặng nặng
Những giọt ly tan chảy ngấm ngùi

Ra đi đành gửi quê nhà lại
Nhạc thu giục giã bước chân người
Con sáo nó kêu ngoài giậu vắng
Nhủ người, thôi hãy bước đi thôi

Ta đi. Thôi nhé, ta đi nhé
Đưa tay ngắt một cánh bông qui
Nghe giòng lệ ứa trong đôi mắt
Chào quê nhà nhé. Thôi, ta đi.

Đăm đăm mây trắng

Thơ VÕ CHÂN CỬU

Bỗng nhiên lạnh cả hồn tôi
Khi trông thấy dáng núi ngồi co ro
Một vùng đá mọc trơ trơ
Quạnh hiu cây cỏ năm hơi ác tà
Ngang lưng én liêng la đà
Ngậm bao lửa hạ đề già mấy tha
Cao cao mây vẫn bay mù
Mệnh mang gió quện còn ru vạn đời
Trông ra lặng ngắt mù khơi
Phải người năm trước đã phôi câu thề
Mười năm làng cũ không về
Đăm đăm mây trắng lẻ thê mái đầu

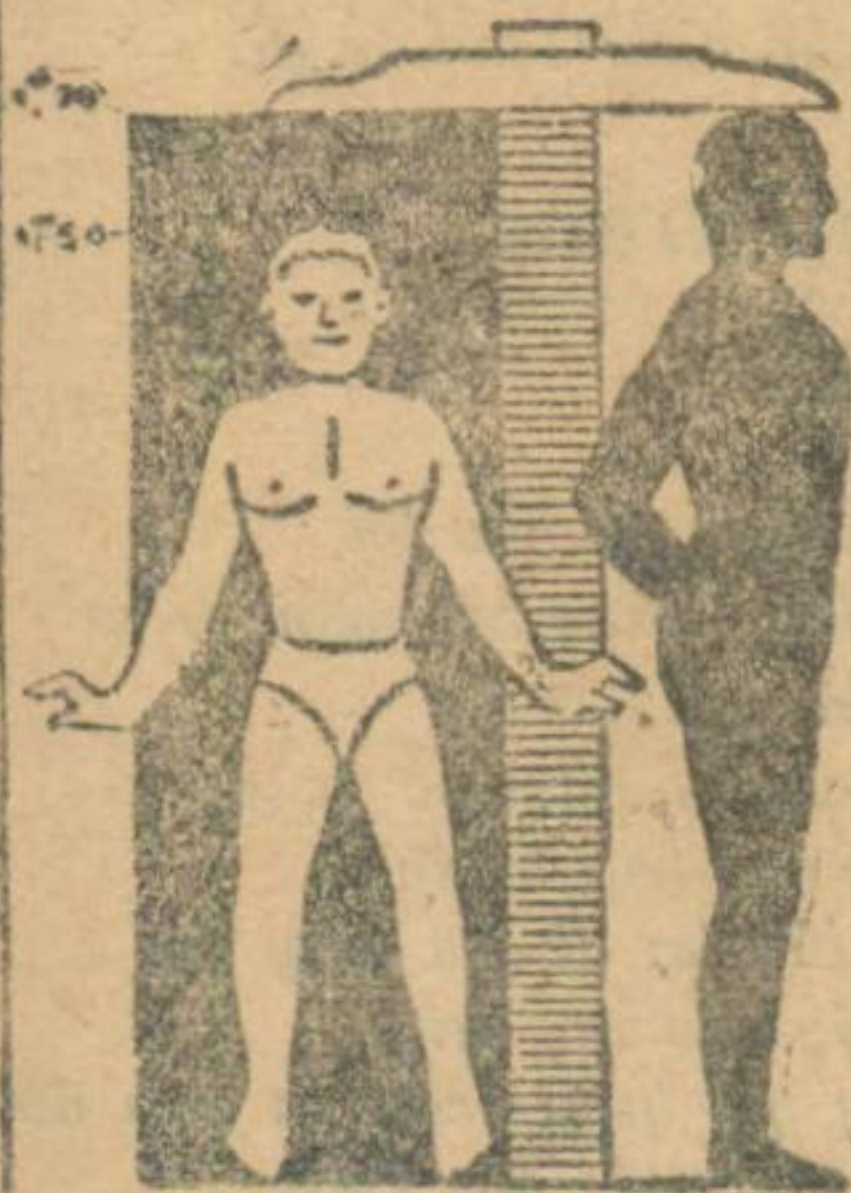
THỂ - GIỚI - NGỮ

Thế-Giới-Ngữ không phải tiếng nói của một nước nào. Thế-Giới-Ngữ là ngôn-ngữ của mọi chủng-tộc, là mộng-ước của triết-gia Descartes, là sáng-kiến của nhà bác-học Zamenhof, là cơn thống-khoái của văn-hào Tolstoi...!

Học-khóa Thế-Giới-Ngữ học từ 4 giờ mỗi chiều Chúa-nhật tại 386/43 Trương-minh-Giảng, Sài gòn 3. Sau một khóa học ba tháng, Quý-Vị có thể hiểu rành ngôn-ngữ duy-lý đó, rất phổ-biến ở ngoại quốc. Nhận học-viên mới mỗi tuần; ghi-danh ngay trước giờ học. Có dạy hàm-thụ cho người ở xa.

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



· CON NIT MAU
· BIẾT ĐI
· CÙNG XƯƠNG.
· MẠNH KHOẺ.
· NGƯỜI LỚN
· CÙNG RĂNG.
· ÍT ĐAU RĂNG.
· YẾU PHỔI.
· MỆT MỎI.

LABODAZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Theo ý người đã khuất

Trên một số Bách-Khoa trước đây, chị Doãn-Dân có tỏ ý «ân hận là có nhiều nhà văn quen biết anh Doãn-Dân rất nhiều.. mà tiếc rằng chưa có dịp viết về Doãn-Dân».

Được biết ý Chị, cũng như khi thấy «Giai-phẩm Văn, số tưởng niệm nhà văn Doãn-Dân», chúng tôi, những thân hữu của Doãn-Dân ở Tuy-hòa, nghĩ rằng mình có rất nhiều thiếu sót, với biết bao nhiêu là kỉ niệm chúng tôi đã sống với Doãn-Dân ở Tuy-hòa, Qui-nhơn. Nha-trang, nhất là sự ra đi vĩnh viễn của Doãn-Dân đã khiến chúng tôi xúc động đến hoang mang.

Nhưng chính trong những ngày quen biết nhau đó, Doãn-Dân nhiều lần bày tỏ rằng anh không bằng lòng những số báo tưởng niệm và một số bài tưởng niệm. Một lần anh nói với tôi: «Sau này, nếu Moea chết trước thì toa nhớ là đừng viết một bài nào cho số báo tưởng niệm vì [...] Moea không bằng lòng đâu». Do đó, xin chị Doãn-Dân và quý độc giả hiểu cho sự im lặng của chúng tôi vì tôn trọng di ngôn của bạn, mà dù còn sống hay đã mất, tình thân vẫn còn mãi mãi...

Trần Huyền Ân và
băng hữu Tuy-Hòa

Cho đến khi hòa bình
thật sự tới

Chắc bạn đọc còn nhớ cách đây không lâu, trên mục này, anh Nguyễn-Ngu-Í có đăng tin đã đề

thất lạc một số bản thảo trong những «con diên» của anh : đi lang thang vớt bừa bãi sách vở của mình và đôi khi của bạn.

Nay, may sao, bản thảo quan trọng nhất, lại được «Châu về Hợp-phố». Đó là 3 tập đánh máy mà anh sưu nhất trong sách, báo từ khi có truyện Kiều cho đến khi đất nước chia hai, những bài báo, đoạn văn, giai thoại, thơ, phú... có liên quan đến Nguyễn Du và truyện Kiều. Tất cả được non 3000 trang. Tuyền chọn lại, cũng còn được 1500 trang. Công phu này mà được nhiều như thế là nhờ một số bạn bè tiếp tay anh như Bình-Nguyên-Lộc, Nguyễn-Hiến-Lê Đông-Hồ, Vương-Hồng-Sên, Lê-Ngọc-Trụ và Trần-Văn-Khê.

Một điều may nữa, là nhà Khai Trí trước có thấy công trình này nên nay trong lúc bàn việc văn chương, được biết cố vật về cố chủ, ông giám đốc đã nhận xuất bản. Thế là «phế nhân» Ngu-Í của chúng ta đã có việc làm ít nhất nửa năm đã khỏi cảm thấy cái cảnh giữ nhà cho vợ con đi dạy đi học chán như cơm nếp. Có điều lí thú và cảm động là ông Nguyễn-Hùng-Trương, bạn cùng trường và quen biết với Ngu-Í từ thời tiền chiến, trả tác quyền cuốn sách chưa biết bao giờ mới in (vì nhà Khai-Trí đã có cả trăm cuốn đang... nằm chờ) trả như sau : cứ mỗi đầu tháng, Ngu-Í đến kí tên vào sổ lãnh 5000đ «cho tới bao giờ hòa bình thật sự hiện ra». Tương ở nước ta ít khi có được sự xử sự tốt đẹp như thế.

Những truyện đầu tay trong tình cảnh khốn khó

Từ hai năm nay một hiện tượng văn nghệ đáng chú ý là càng ngày càng ít thấy xuất hiện những «truyện đầu tay» của giới trẻ. Vật giá leo thang, ngành xuất bản chật vật trong việc phát hành, nên ít có người mạo hiểm bỏ tiền in tác phẩm đầu cho các nhà văn trẻ (như nhà văn Võ Phiến chủ trương nhà xuất bản Thời Mới đã làm trước kia).

Tuy nhiên, gần đây người ta lại thấy nhà xuất bản Trí Đăng lưu tâm đến việc đó. Vào đầu tháng 9 năm 1973 này, Trí Đăng sẽ phát hành cùng một lúc ba truyện đầu tay của hai nhà văn trẻ.

-- Tác phẩm đầu là một tập truyện của Nguyễn Mộng Giác, gồm 8 truyện ngắn đặc sắc ghi lại dư ảnh của cuộc chiến vừa qua. Tập truyện lấy tên chung là *Bão Rớt*, trong đó một vài truyện đã được giới thiệu trước trên Bách Khoa.

— Tác phẩm thứ nhì là *Tiếng Chim Vườn Cũ* truyện dài cũng của Nguyễn Mộng Giác. Truyện dài đầu tay của tác giả này, nhan đề *Vào Đời* đăng trên Bách Khoa được 13 kỳ thì vì lý do ngoài ý muốn, phải ngưng lại. Sau đó, Nguyễn Mộng Giác cố cố gắng xin xuất bản nhưng không được. Truyện dài thứ nhì *Tiếng Chim Vườn Cũ*, (kể lại cuộc tình giữa một sinh viên y-khoa với một nữ bệnh nhân là cô gái mồ côi bị ám ảnh vì cái chết bí thảm

của người cha thừa nhỏ), may mắn hơn, được phép trình làng.

— Tác phẩm đầu tay thứ ba là tập « *Những ngày rất thong thả* » của Trần thị Ng.H. cây bút nữ quen thuộc của tạp chí Văn và Văn Đẻ. Tình yêu là đề tài chính của tập truyện, nhưng, như nhận xét của Võ Phiến trong lời Tựa, đây là một thể giới yêu đương hoang tàn quá đỗi.

Hy vọng sau loạt truyện đầu tay này của Trí Đăng sẽ có một số đông các nhà xuất bản khác tiếp tục bạo phôi in những truyện đầu tay khác.

Thế là phải. Chẳng lẽ thị trường văn học Việt Nam chỉ toàn những tác phẩm «lăn đầu tiên dịch ra Việt Ngữ»!

Mười hai sứ, một bộ tiểu thuyết dài nhất VN ?

Sau khi phát hành cuốn biên khảo *Các nhà văn nữ VN 1900-1970* của Uyên-Thao, và được sự đón tiếp nồng nhiệt của độc giả (bán đến ngàn thứ ba sau non 1 tháng phát hành), Cơ sở Xuất bản Nhân Chủ đã cho ra mắt cuốn 1 của bộ trường thiên tiểu thuyết *Mười Hai Sứ* của nhà văn Vũ-Ngọc-Đỉnh.

Theo lời giới thiệu, người ta được biết *Mười Hai Sứ* là 1 bộ trường thiên tiểu-thuyết dài nhất Việt-Nam, gồm khoảng 10.000 trang, mô tả lại cuộc chiến giữa Mười hai Sứ-quân (tức Thập nhị Sứ-quân) kéo dài 23 năm, từ lúc nhà Ngô cáo chung tới Đinh-Bộ-Lĩnh dẹp tan loạn 12 sứ giong đất nước vào 1 mối rồi lên

ngôi cửu ngũ (945-968) mở ra Triều đại nhà Đinh.

Tiểu thuyết hóa lịch sử đề đưa lịch sử vào sâu và rộng trong mọi tầng lớp dân chúng, đó là chủ đích của nhà văn Vũ-Ngọc-Đĩnh khi khởi công viết bộ Dân-tộc Chiến-đấu-sử Tiểu thuyết Mười Hai Sử.

Được nung nấu bởi bầu nhiệt tình trên, nhà văn Vũ-Ngọc-Đĩnh đã dựng lại 23 năm « nổi da sáo thịt » trên, qua 10.000 trang giấy, để cống hiến độc giả VN, đồng thời đề nhắc nhở chúng ta về nỗi chua xót trước những bộ óc mưu tính vĩ đại nhưng lại chỉ đem ra đầu giết lẫn nhau của người Việt thời loạn Mười hai Sử-quân.

Người chủ trương Cơ sở xuất bản Nhân Chủ, nhà văn nữ Trùng Dương, cho biết kể từ tháng 8-73, mỗi tháng Cơ sở sẽ ấn hành 1 cuốn Mười Hai Sử và dự trữ trong vòng 2 năm, nếu không có gì trở ngại, sẽ hoàn tất phần ấn loát bộ trường thiên tiểu thuyết này. Được biết tổng số chi phí cho bộ Mười Hai Sử vào khoảng từ 12 triệu tới 15 triệu. Như vậy, có thể nói đây là tác phẩm có 1 chi phí cao nhất VN từ trước tới nay.

Thơ « Truyền Kiều ».

Trên Bách-Khoa số trước, trong bài tùy bút « Vô tuyến truyền Kiều » nhà thơ Vũ Hoàng Chương đã trình bày một lối « tập Kiều » mà không « chặt khúc » và cũng không thêm chữ của mình vào v.v... Phải sao cho « liên » nghĩa là chỉ được « nối » những câu liên nhau mà thôi. Lối tập Kiều này

ông gọi là thơ « Truyền Kiều ». Chữ « Truyền », theo ông, vừa có nghĩa là truyền đi, vừa có nghĩa là liên nhau. Trong bài Vô Tuyến Truyền Kiều nói trên ta đã thấy 4 bài thơ « Truyền Kiều » Đường luật thất ngôn của nhà thơ họ Vũ.

Thực ra ông đã làm được tất cả 22 bài thơ « Truyền Kiều » như vậy giữa mùa thu năm nay đề tưởng niệm Nguyễn Du, gom cả vào một tập mang tên là « Song Song »—cũng là 2 chữ trong Kiều—chẳng hạn như :

*Lẽ rước vào đài sen nổi sập,
Hoa xuân đương nhụy ngày xuân còn
Vàng gieo ngấn nước cây lồng bóng
Sân cỏ pha màu áo nhuộm non*

*... Thu ngại ngừng rằng trong buổi mới
Tuyết sương nhuộm nửa mái đầu hoa
Mai sau dù có bao giờ đột
Lò hữu tình ta lại gặp ta. »*

Trong dịp gần đây tác giả tập Song Song còn bốn cọt nhà văn Lãng Nhân Phùng-Tất-Đắc bằng 2 câu « Truyền Kiều » ngoại tập như sau :

*Một là đặc hiệu hai là đặc
Đào rẽ mây trông tỏ lối vào.*

Nhà văn Lãng Nhân cũng đã truyền Kiều lại nhà thơ họ Vũ như sau :

*Vấn chương nét đất, thông minh tính,
Đào gỡ ra rồi lại buộc vào*

Mùa giải thưởng

Cuối năm thường là mùa của các giải thưởng Văn học Nghệ thuật

Năm nay sớm nhất có *Giải Truyện ngắn* của Trung-tâm Văn-bút Việt-nam.

Trong nhiều năm liên tiếp gần đây, Trung-tâm Văn-bút Việt-nam mỗi năm đều có treo một giải thưởng về sáng tác văn chương: Truyện ngắn, truyện dài, Phê bình, Biên khảo, Phóng sự, Thi ca, Sân khấu, Hồi ký v.v... Năm nay lại trở về Truyện ngắn, đề tài tự do với giải duy nhất: 100.000đ, mà hạn nộp bản thảo đã chấm dứt vào ngày 31-8 vừa qua. Ngày công bố kết quả sẽ là 15-10 năm nay.

Sau giải của Văn-bút là *Giải Văn học Nghệ thuật toàn quốc*. Năm ngoái có Giải tuyên dương toàn bộ sự nghiệp văn học nghệ thuật đã trao cho 1 nhà thơ, 1 nhà biên khảo và 1 họa sĩ. Năm nay lại trở về « Giải Tác phẩm xuất sắc » nhằm « khám phá những tài năng lỗi lạc ». Giải Tác phẩm xuất sắc năm 1972-73 sẽ trao tặng cho tác phẩm trúng cách thuộc 25 thể-loại trong 10 bộ-môn văn-nghệ: Biên khảo, Văn, Thơ, Kịch nói, Ca kịch, Hội họa, Điều khắc, Âm nhạc, Nhiếp ảnh, Điện ảnh...

Giải thưởng sẽ là: số tiền 400.000đ (giải duy nhất cho các thể loại thuộc bộ môn: Biên khảo, Văn, Thơ, Kịch nói, Ca kịch), số tiền từ 400.000đ đến 100.000đ (cho bộ môn Âm nhạc), số tiền 600.000đ (giải duy nhất cho các bộ môn Hội họa, Điều khắc), Huy chương, Tượng vàng (cho các bộ môn Nhiếp ảnh và Điện ảnh).

Thời hạn chót nhận hồ sơ dự

giải là 15.11.73 cho các bộ môn Văn học và 30-11-73 cho các bộ môn Nghệ thuật và kết quả giải thưởng sẽ công bố ngày 31-12-1972.

Giải thưởng dịch thuật 1972-73 do Khối Văn hóa của Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên tổ chức, gồm 3 giải mỗi giải 300.000đ. trao tặng cho 3 dịch phẩm trúng cách về dịch phẩm nguyên tác bằng Hán văn, bằng Pháp văn và bằng Anh văn thuộc loại văn chương (truyện ký, tiểu thuyết, kịch, thơ).

Thời hạn chót nhận hồ sơ dự giải là 15-11-73 và kết quả giải thưởng sẽ công bố ngày 31-12-1973.

Trẻ và đặc biệt hơn hết là *Giải thưởng Thân hữu Văn khoa* niên khóa 1973-74. Hội Thân hữu Văn khoa — một hội ít được nghe nói đến — trong bản thề lệ giải thưởng cho biết là: để khuyến khích phong trào học tập và trước tác trong giới sinh viên nhất là sinh viên Văn khoa trên toàn quốc, Hội treo một giải thưởng độc nhất 100.000đ. cho tác phẩm trúng giải dự thi là một « bản thảo biên-khảo chưa từng in về thơ văn ái quốc đã bị cấm đoán, kiểm duyệt trước khi in, tịch thu sau khi ấn hành, chỉ có thể lưu truyền lén lút nơi dân gian trong thời Pháp thuộc. Tác-phẩm biên-khảo có thể viết về một tập thơ văn ái quốc, một nhà thơ văn cách mạng, hoặc một nhóm nhà thơ văn cách mạng, một dòng thơ văn ái quốc ở một địa phương hay trong một giai đoạn ».

Thời hạn chót nhận tác phẩm dự thi là 31.12.73 và ngày tuyên bố kết quả là 9.3.1974.

THU THỦY

Thời sự thế giới

TÙ MINH

Trong những ngày qua dư luận quốc tế đã đặc biệt chú ý tới việc ông Kissinger được Tổng thống Nixon cử làm Ngoại-trưởng Hoa-kỳ để thay thế ông Rogers. Việc ông Kissinger được cử giữ nhiệm vụ mới khiến người ta nghĩ rằng Hoa-kỳ tiếp tục theo đuổi chính sách sống chung hòa bình với phe Cộng-sản.

Cùng một lúc tại Trung - Cộng người ta có cảm tưởng rằng chính sách sống chung hòa bình của Thủ tướng Chu-Ân-Lai đang bị những phần tử quá khích đe dọa.

Tại Lào một cuộc đảo chánh hụt đã xảy ra và tại Anh, quân khủng bố Bắc Ái-nhi-lan đang phát động một chiến dịch gửi bom thư, khiến Anh-quốc đang sống trong một bầu không khí ngột ngạt.

Tiến sĩ Kissinger được cử làm Bộ trưởng Ngoại giao

Tuy vụ Watergate càng ngày càng gây khó khăn cho ông Nixon nhưng người ta thấy vị Tổng thống Hoa-kỳ vẫn tiếp tục một chính sách hoạt động về mặt đối ngoại. Vừa đây, để đẩy mạnh chính sách hòa dịu quốc tế, ông Nixon lại cử ông Kissinger làm Bộ trưởng Ngoại giao để thay thế ông William Rogers từ chức.

Đây là lần đầu tiên một nhân vật ngoại quốc nhập tịch dân Mỹ và cũng là lần đầu tiên mà một người gốc Do-thái được trao một chức vụ quan trọng nhất trong nội-các Hoa-kỳ.

Ông Kissinger đã nói rằng : « Ở một nước khác thì một người như tôi khó có thể đạt tới địa vị này. » Tuy danh giá nhưng nhiều khó khăn đang chờ đợi ông Kissinger trong tương lai. Trước hết vụ Watergate đang làm suy yếu địa vị của Tổng thống Nixon sẽ có hậu quả là giảm bớt tầm mức hoạt động của vị Bộ trưởng Ngoại giao mới. Đối với Âu châu đang trở lại hùng mạnh ông Kissinger làm sao có thể tiếp tục sử dụng quyền lãnh đạo trong khối Minh ước Đại Tây Dương.

Tại Trung Đông phe Ả Rập sẽ chống đối ông rất nhiều vì nếu một người khác có thể có chính sách thân Do Thái mà không ai chỉ trích thì ông Kissinger gốc Do thái sẽ khó ăn khó nói với người Ả Rập.

Đối với phe Cộng sản, nhiệm vụ của ông Kissinger lại còn tế nhị hơn nữa. Tuy Nga vì lý do kinh tế thành thực muốn đẩy mạnh chính sách hợp tác với Mỹ, nhưng trước một nền hành pháp Mỹ suy yếu vì những lúng túng nội bộ các lãnh tụ điện Kremlin sẽ có thể bắt bớ Mỹ để bắt nước này phải nhượng bộ nhiều hơn. Riêng đối với Trung-Cộng, vấn đề lại có vẻ gay go hơn. Từ nhiều tháng qua người ta có cảm tưởng rằng Trung Cộng đang tỏ vẻ lơ là đối với Mỹ. Tuy vậy ông Kissinger vẫn hy vọng sang Bắc Kinh vào tháng 9 tới, ngay sau khi được Thượng viện tấn phong.

Những khó khăn của Chu Ân Lai :

Tại Trung Cộng người ta thấy chính phủ Bắc Kinh, trong những tháng qua, không tỏ vẻ nồng nhiệt trước những tấn công ngoại giao của Hoa-kỳ. Một vài phần tử cực tả đã bắt đầu mật sát chính sách đối ngoại ôn hòa của Thủ tướng Chu Ân Lai.

Phong trào Cách mạng Văn hóa Vệ binh đỏ lại được các báo chí ca ngợi. Trong tờ Hồng Kỳ. Giang Thanh, vợ của Mao Trạch Đông, đã lại bắt đầu chỉ trích Chu Ân Lai quá ôn hòa trong chính sách đối với phe Tư bản.

Chính sách của họ Chu sẽ được thảo luận trước kỳ Đại hội thứ 10 của Cộng đảng Trung Hoa. Tương lai của họ Chu bị đe dọa đến nỗi Chu đã bắt thân đi Mãn-Châu để tìm hậu thuẫn của Tướng Chen Hsi Lien, một vị tướng nắm quyền chỉ huy quân đội Trung Cộng dọc biên giới Nga-Hoa. Nhiều cuộc nổi loạn đã xảy ra tại Tứ Xuyên và Tân Cương. Tại Quảng Đông người ta đã phải ban hành lệnh giới nghiêm và xử tử các « phần tử phá hoại. »

Những biến cố này đã gợi cho người ta những biến chuyển cách đây 7 năm, khi cuộc Cách mạng Văn hóa bắt đầu được phát động. Những chuyên viên về Trung Hoa tỏ ý lo ngại rằng tả phái sẽ gây áp lực để Chu Ân Lai phải có một chính sách đối ngoại cứng rắn hơn.

Đảo chính hụt tại Lào.

Trong khi Thủ tướng Lào Souvanna Phouma đang sửa soạn ký

với phe Cộng-sản Pathet Lào một thỏa-hiệp ngưng bắn thì một âm mưu đảo chính đã bùng nổ. Tướng Thao Ma, cựu Tư lệnh Không quân Lào, đang tỵ nạn tại Thái Lan, đã đã cùng với 40 đồng bọn vượt qua sông Cửu Long trở về chiếm phi trường và đài phát thanh. Thao Ma hy vọng rằng các tướng lãnh hữu phái Lào sẽ đi theo phe đảo chính. Nhưng các tướng lãnh hữu phái đã không dám dẫn thân vào cuộc phiêu lưu chính trị này vì Tòa Đại sứ Hoa-kỳ tại Vientiane đã tuyên bố là ủng hộ chính phủ Phouma. Vì vậy mà cuộc đảo chính đã tan vỡ ngay sau vài tiếng đồng hồ.

Máy bay của Tướng Thao Ma bị hạ và Thao Ma bị quân chính phủ bắt giết ngay sau đó. Trước âm mưu đảo chính của hữu phái, phe Pathet Lào có vẻ muốn thương thuyết hơn trước. Nhưng vì sợ bị phe hữu triệt hạ, phe Pathet Lào có thể sẽ đòi được quyền đóng quân ở ngay Thủ đô Vientiane.

Phong trào khủng bố của Bắc Ái Nhĩ Lan tại Anh Quốc

Để chống lại sự thống trị của Cộng đồng Tin lành do Anh-quốc bảo trợ, tổ chức khủng bố IRA của Cộng đồng Công giáo Ái-nhĩ-lan đã phát động một phong trào khủng bố ở ngay tại Anh-quốc.

Các hành động khủng bố được thực hiện bằng cách gửi bom thư tới các yếu nhân Anh. Một cuốn sách nhạc của nhạc sĩ Gustav Mahler được gửi tới văn phòng Thủ Tướng Anh

Edward Heath. Trong cuốn sách này người ta đọc một lỗ chứa một quả bom. May nhờ sự nhanh trí của một cô thư ký mà mật vụ Scotland Yard đã tháo gỡ kịp thời quả bom này.

Đây chỉ là 1 trong 30 quả bom đã được gửi tới Thủ đô Luân-đôn. Tại Ngân-Hàng Anh-Quốc, tại một công viên ở ngoại ô Hampstead bom đã nổ gây ra nhiều thiệt hại nặng. Một quả bom đã được đặt tại một nhà ga xe điện ngăm vào giờ đông hành khách nhưng được tháo gỡ kịp thời.

Khi gửi bom tới thủ đô Anh các người thuộc tổ chức IRA hy vọng xáo

trộn được đời sống người dân Anh đến độ chính phủ Anh phải rút khỏi Bắc Ai-ni-lan. Tuy đời sống có bị xáo trộn nhiều vì các cửa hàng và các công sở phải đóng cửa nhưng chính phủ Anh vẫn tỏ ra không nhượng bộ vì đây không phải là lần đầu tiên mà người dân Anh được biết sự hãi hùng của bom đạn. Trong cuộc Đệ nhị thế chiến, Không quân Đức đã từng ngày đêm oanh tạc Luân-đôn mà người dân Anh vẫn không sờn lòng trong cuộc chiến kháng Đức.

TỪ MINH

Hạ tuần Tháng 9-1973

PHÁT HÀNH TOÀN QUỐC

SÔNG SƯƠNG MÙ

Tập truyện thứ hai của LỮ QUỲNH

(Tác giả có một lối xây dựng nhân vật khá độc đáo. Khác thường, đặc biệt, vững vàng, sắc bén. Hơn thế nữa, hầu hết truyện ngắn của ông đều thấm đượm bầu không khí của kịch. Hoạt động của nhân vật rõ nét, mạnh mẽ và chuyển biến của câu truyện bất ngờ, thú vị. Những hoàn cảnh được sắp đặt chu đáo. Bối cảnh chọn lựa cẩn thận. Tất cả tạo nên những truyện ngắn trong đó chiến tranh chỉ là một cơ hội để tác giả trình bày những hình thái xung đột từ nội tâm diễn ra hành động và đồng thời chọn một cách giải quyết hợp lý nhưng không kém phần thi vị một cách triết lý).

Cao-Huy Khanh (Khởi-Hành, Xuân Nhâm Tý 72)
viết về cuốn Cát Vàng của Lữ Quỳnh xb 1971

TIẾNG VIỆT xuất bản

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

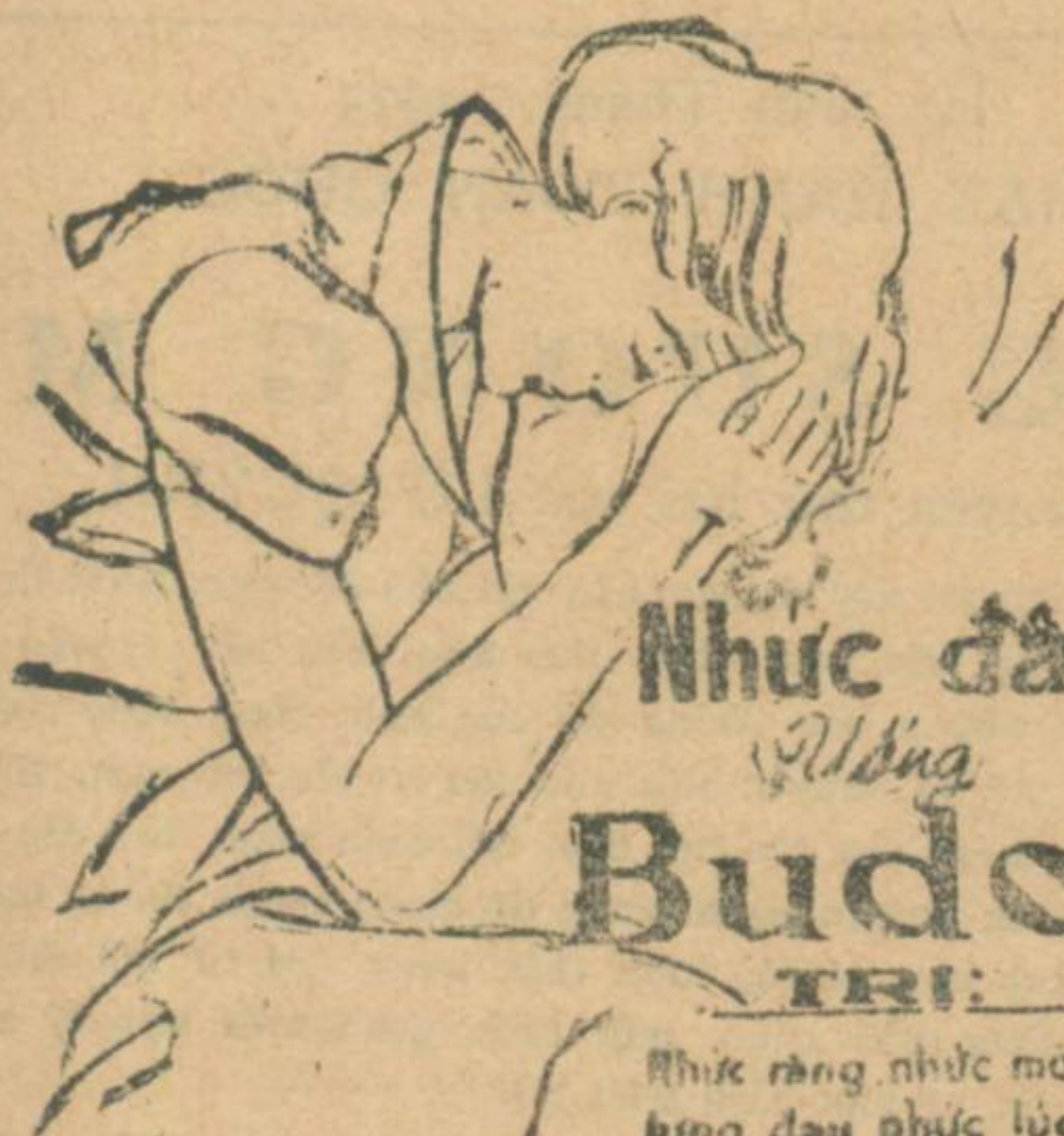
Tél : 21.266 — 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA
CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS



Nhức đầu

Đông

Budon

TRI:

Nhức răng nhức môi đau
khí đau nhức lúc có
kinh kỳ



ĐK số 120/1971/QCĐP

Sách nhân được trước 10-9-1973

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Hải Triều Âm, Tam nguyệt san của Tổng vụ Văn hóa, số 3 (Số Vu Lan) tháng 8-9-93, dày 180 trang, gồm những bài tiểu luận và biên khảo của Thích Mãn Giác, Trần Ngọc Ninh, Lê văn Siêu, Sơn Nam, Toan Ánh, Bình Nguyên Lộc, Doãn Quốc Sỹ, Thạch Trung Giả, Chơn Mạnh.

— Gieo vần thơ Việt Từ điển tìm vần thơ của Nguyễn Xuân Nghị do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 260 trang gồm rất nhiều mục : Qui tắc gieo vần, 17 mục tìm vần, cách gieo vần, Luật thơ đường, Những lỗi thơ câu kỳ v.v... biên soạn công phu. Giá 500đ.

— Tình ơi xin vẫy tay chào, tập thơ của Ngũ Yên, do Sông Ngân xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 88 trang gồm 40 bài thơ. Bản đặc biệt. Giá 300đ.

— Mờ bóng thiên thu, tập thơ của Nguyễn An Bình, in ronéo, do Văn nghệ Tình thơ xuất bản tác giả gửi tặng. Sách dày 46 trang gồm 100 bài thơ. Bản giấy trắng. Ấn phí 100đ.

— Trăm cung thi, tập thơ của Thanh Nhân, do tác giả in ronéo và gửi tặng. Sách dày 42 trang gồm 42 bài thơ. Giá 150đ.

— Bóng lá hồn hoa tập truyện của Nguyễn thị Hoàng do Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 112 trang, gồm 2

truyện : Bóng lá hồn hoa và Tan theo sương mù. Giá 150đ.

— Roma, Italia thơ Cao Tiêu do Bội Ngọc ấn hành và tác giả gửi tặng, dài 69 câu, in trên giấy couché, nền là những thắng cảnh cùng công trình điêu khắc tại Roma, trình bày rất đẹp.

— Hán tự tự-học của Trần văn Quế Quyền II gồm Tập Thượng và Tập Hạ, do Thanh Hương Tùng Thơ xuất bản và soạn giả gửi tặng. Toàn tập Thượng Hạ dày trên 490 trang gồm 214 bộ và bài áp dụng từ Hán Việt thành ngữ, Phương ngôn, Ngạn ngữ, và Kim văn hoặc Cổ văn. Biên soạn công phu. Giá 2 tập : 450đ

— Mười hai sứ tức « Thập nhị sứ quân », Cuốn 1, Dân-tộc Chiến-đấu sử Tiểu-thuyết của Vũ Ngọc Đình, do Cơ sở xuất-bản Nhân-chủ xuất bản và gửi tặng. Sách dày 312 trang, gồm 17 hồi. Giá 530đ.

— Biên thủy truyện ký tập truyện của Liêm Châu do Khai Phá xuất bản và gửi tặng. Tác phẩm thứ 6 của tác giả dày 110 trang, gồm 8 câu chuyện truyền kỳ nhưng có thật ở Thất Sơn trong thời gian kháng Pháp mà « nhân vật luôn luôn tiêu biểu cho hào khí của dân Việt », Tựa của Sơn Nam. Giá 240đ.

— Cánh đồng xanh phía dưới tập truyện của Thanh Nam, do Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 110 trang gồm 3 truyện. Giá 150đ

— Mối sầu chung truyện dài của Mặc Thúy, do Hoa Nắng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 148 trang. Giá 300đ.

HỘP THƯ

Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :

THƠ : Trần Hữu Nghiễm, Nguyễn Đức Thanh, Hàn Dã Thảo, Trần Ngọc Kim, Dã Châu, Nguyễn Hồ, Trường, Dương Vinh Ngũ, Phan Hy, Hà Đức Thông, Phạm Đơn Dương, Như Anh, Trần Châu Kỳ, Trần Chế Ngự, Nguyễn Thúc Dũng, Hà Huyền Hoa, Thập Cầm, Cao Nhật Quang, Lê Nguyên Ngũ, Xuân Thao, Hoàng Ngọc Tuấn, Tường Vân, Nguyễn Đức Nhân, Kha Vỹ Thụy, Phan Lê Thứ, Tống Châu Thy, Nguyễn Thanh Long, Vĩnh Liêm, Huỳnh Kim Sơn, Lưu Từ Bi, Trịnh Bửu Hoài, Xuân Hữu, Trần Văn Nhơn, Lương Trọng Minh, Lê Bùi Thanh Mỹ, Thái Vũ, Chu Đăng Quy.

— TRUYỆN : Lêsa (Nắng hoa vàng), Nghiễm Hà Đông, (Tình xanh) Lê Bá Lăng (Từ già một hành lang) Nguyễn chí Kham (Cánh áo mùa chim), Nguyễn Lê Vân (Ngọn cỏ bờ tre; Đôi cánh dịu dàng), Trần Viết Tuấn (Con người và sự đơn giản), Trần Hoài Thư (Khi Từ thức trở về, Người trở về)

Phù Vân (Chùa Trắng), Nguyễn Mặt Trời (Vây mà hiu quạnh mãi), Du Uyên (Đi hoang), Nguyễn Hoài (Kịch đời), Chu Đăng Quy (Một ngày của một người), Hồ Minh Dũng (Người đền nợ nước), Huyền Hoa Tử (Chiều bóng dưng buồn trong mắt em). Hàn Lệ Châu (Bốn mùa đông cho chàng hay cho nàng). Phạm Văn Bình (Bão biển).

— BIÊN KHẢO : Trần Xuân Hồng (Trần-tục-hóa là gì?) Trần Duy

Thức (Bí pháp hôn nhân của Đạo Lão Khung cảnh của sinh hoạt chính trị tại miền Tây Việt Nam), Diễm Cang (Cụ Phan Đình Phùng, Bình sản kinh tế), Văn Anh (Các quốc gia kỹ nghệ...)

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn đã gửi cho Bách khoa những bài trên đây. Bài nào đăng được chúng tôi sẽ gửi thư riêng hoặc nhắn tin trên mục Hộp Thư này. Bởi vậy các bài gửi đến, ngoài bút hiệu, xin quý bạn nhớ đề thêm tên thật và ghi lại cho địa chỉ hiện tại để tiện liên lạc.

— Ông Nguyễn Mai Hùng (Saigon)

Tòa soạn Bách Khoa đã chuyển thư của ông cho tôi. Lá thư làm tôi xúc động vô cùng. Hóa ra những mơ ước e ấp, những khát vọng viết ra là của chung. Nhân tiện cũng xin ông chuyển lời cảm ơn của tôi về bà chị. Lời phê bình của cô ấy đúng lắm : «Ngọt, đắng, tươi mát, và hấp tấp». Bản chất thời đại chúng ta là vậy mà !

Nguyễn Ngân Sơn

— Ô. Trần Chế Ngự (Pleiku)

Rất cảm ơn anh đã cho biết tin tức về Tuần-lễ văn-hóa ở Pleiku. B.K. vì số bài biên khảo, nhiều bài quá dài, nên số trang dành cho phần văn nghệ còn lại quá ít, không đăng nhiều bài được như ý muốn, nhất là số trang lúc này không thể tăng được vì giấy báo quá cao. Mong anh thông cảm cho.

NHẮN TIN

Bạn đọc nào còn giữ được vở kịch «Ông ký Cóp» của Vi Huyền Đắc, xuất bản trước đây, xin vui lòng cho tác giả mượn lại (hoặc nhượng lại được thì hay lắm). Xin liên lạc với Tòa soạn Bách Khoa ở 160 Phan Đình Phùng Saigon. Thành thực cảm ơn.

● Phát hành ngày 19-9-1973

Giấy phép số : 497/PTUDV/KSALP/GP ngày 18-9-73.

Số lượng : 3.000 số.